

**Phụ lục I****DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HÓA CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH TỈNH***(Kèm theo Quyết định số: 895 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Mã thủ tục hành chính</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I. Thủ tục hành chính do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý</b>					
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	1.006388	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình về việc thành lập trường; - Đề án thành lập trường; - Sơ yếu lý lịch và văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.	
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.005074	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường	
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	1.005067	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại	
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	1.005070	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan - Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;	
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung học phổ thông)	1.006389	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.	
6	Tuyển sinh trung học phổ thông	3.000181	Lĩnh vực Giáo dục trung học	- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ - Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời - Học bạ cấp trung học cơ sở	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)</li> <li>- Giấy xác nhận do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở từ những năm học trước)</li> </ul>	
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	2.002478	Lĩnh vực Giáo dục trung học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký</li> <li>- Học bạ (bản chính).</li> <li>- Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp trung học phổ thông quy định cụ thể loại hình trường được tuyển (công lập hoặc tư thục).</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp.</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển trường do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác).</li> </ul>	
8	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	1.005069	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thục.</li> <li>- Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính;</li> <li>- Đề án thành lập</li> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch đầu tư xây dựng trường của cơ quan chủ</li> </ul>	

				<p>quản đối với hồ sơ đề nghị thành lập trường công lập; văn bản xác nhận của ngân hàng về số vốn góp trong tài khoản của ban quản lý dự án, các minh chứng về quyền sở hữu tài sản kèm theo văn bản định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường tư thục. Đối với trường tư thục, hồ sơ còn phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn.</li> <li>+ Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập.</li> <li>+ Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập.</li> <li>+ Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường.</li> </ul>
9	Sáp nhập, chia tách trường trung cấp sư phạm	1.005073	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép sáp nhập, chia, tách của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thục.</li> <li>- Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính;</li> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách trường nêu rõ: Sự cần thiết sáp nhập, chia, tách trường, đánh giá sự phù hợp của việc sáp nhập, chia, tách trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây</li> </ul>

				<p>dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường.</li> </ul>
10	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung cấp sư phạm)	2.001988	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn của trường đề nghị giải thể nêu rõ lý do giải thể, các phương án giải quyết các vấn đề về quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trong trường (chỉ áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể).</li> </ul>
11	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	1.005082	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên</li> </ul>
12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	1.005354	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên;</li> <li>- Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện cam kết theo đề án thành lập trường;</li> <li>- Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của trường</li> <li>- Thuyết minh các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo:</li> <li>+ Danh sách trích ngang cán bộ giảng viên cơ hữu</li> </ul>

				<p>và cán bộ quản lý; + Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo theo cam kết; thống kê cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chung toàn trường, số lượng và diện tích giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, các loại máy móc thiết bị, giáo trình, tài liệu, sách phục vụ hoạt động giáo dục;</p> <p>+ Nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục nghề nghiệp;</p> <p>+ Dự kiến chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh;</p> <p>+ Chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định.</p>
13	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	2.001989	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trong đó nêu rõ ngành đề nghị bổ sung để tổ chức đào tạo;</p> <p>- Báo cáo các điều kiện bảo đảm đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên phù hợp với ngành đào tạo giáo viên đề nghị bổ sung để tổ chức đào tạo kèm theo các giấy tờ chứng minh.</p>
14	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tự thực	1.005088	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<p>- Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tự thực. Văn bản phải ghi cụ thể: Lý do đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu trường; tên phân hiệu trường bằng tiếng Việt và tiếng Anh; địa chỉ trụ sở chính, địa điểm đào tạo; chức năng, nhiệm vụ của phân hiệu trường; ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo;</p> <p>- Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt phân hiệu;</p> <p>- Đề án thành lập phân hiệu trường nêu rõ: Sự cần thiết thành lập phân hiệu trường, đánh giá sự phù</p>

			<p>hợp của việc thành lập phân hiệu trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của phân hiệu trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng phân hiệu trường, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch đầu tư xây dựng phân hiệu trường của cơ quan chủ quản đối với hồ sơ đề nghị thành lập phân hiệu trường công lập; văn bản xác nhận của ngân hàng về số vốn góp trong tài khoản của ban quản lý dự án, các minh chứng về quyền sở hữu tài sản kèm theo văn bản định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu trường tư thục. Đối với</li> </ul>
--	--	--	--

				<p>trường tư thực, hồ sơ còn phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn.</li> <li>- Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập.</li> <li>- Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập.</li> <li>- Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường.</li> </ul>
15	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập phân hiệu)	1.005087	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn của trường đề nghị giải thể phân hiệu nêu rõ lý do giải thể, các phương án giải quyết các vấn đề về quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trong phân hiệu trường (chỉ áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể).</li> </ul>
16	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005084	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc thành lập trường</li> <li>- Đề án thành lập trường</li> <li>- Sơ yếu lý lịch, văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng</li> <li>- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường</li> <li>- Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo bổ sung theo ý kiến chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).</li> </ul>
17	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.005081	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục;</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập trường;</li> <li>- Văn bản thẩm định của các cơ quan liên quan về các điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục.</li> </ul>
18	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005079	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách;</li> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh,</li> </ul>

				giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên - Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.	
19	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.005076	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.	
20	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	1.005065	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	- Công văn đề nghị thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh của Sở Giáo dục và Đào tạo; - Đề án thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên nêu rõ nhu cầu của việc cho phép hoạt động trung tâm giáo dục thường xuyên; phương hướng hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên; những điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.	
21	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	1.005062	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	- Tờ trình cho phép trung tâm GDTX hoạt động trở lại	
22	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000744	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	- Công văn đề nghị sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh. - Đề án sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên nêu rõ nhu cầu của việc cho phép hoạt động trung tâm giáo dục thường xuyên; phương hướng hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên; những điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.	
23	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	1.005015	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình về việc thành lập trường - Đề án thành lập trường - Sơ yếu lý lịch kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.	
24	Cho phép trường trung học phổ	1.005008	Lĩnh vực giáo	- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động	



	thông chuyên hoạt động giáo dục		dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	giáo dục; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.	
25	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	1.004988	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.	
26	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	1.004999	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; - Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.	
27	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.004991	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân	
28	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	1.005017	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình về việc thành lập trường; - Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	
29	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	1.005053	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc	- Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học - Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học - Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung	

			dân và cơ sở giáo dục khác	tâm ngoại ngữ, tin học.	
30	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	1.005049	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục - Nội quy hoạt động giáo dục của trung tâm - Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, tài liệu dạy học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm.	
31	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	1.005025	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.	
32	Sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	1.005043	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học - Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học - Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.	
33	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	1.005466	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Đề nghị thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập; - Đề án thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập theo quy định hiện hành về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
34	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	1.005195	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	- Văn bản đề nghị cho phép hoạt động giáo dục, trong đó nêu rõ điều kiện đáp ứng hoạt động tương ứng với các nhiệm vụ; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trung tâm.	
35	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	1.005359	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.	

	lại		thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	
36	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	1.004712	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị cho phép tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập Trung tâm.</li> </ul>
37	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.000181	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.</li> <li>- Giấy phép đăng ký kinh doanh</li> <li>- Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;</li> <li>- Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện.</li> </ul>
38	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.001000	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;</li> <li>- Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;</li> </ul>

				- Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện..
39	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.005061	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>- Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học.</li> </ul>
40	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	2.001985	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học;</li> <li>- Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học.</li> </ul>
41	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư	2.001987	Lĩnh vực giáo	- Tờ trình đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn

	vấn du học trở lại		dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	du học trở lại. Tờ trình nêu rõ việc khắc phục các nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ và kèm theo các tài liệu minh chứng (nếu có).	
42	Cấp chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Báo cáo tự đánh giá - Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường mầm non để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.	
43	Cấp chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường tiểu học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia - Báo cáo tự đánh giá.	
44	Cấp chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000711	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia - Báo cáo tự đánh giá.	
45	Cấp chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000259	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	- Công văn đăng ký đánh giá ngoài của trung tâm giáo dục thường xuyên; - Báo cáo tự đánh giá của trung tâm giáo dục thường xuyên (2 bản).	
46	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	1.000288	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường mầm non để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng	

				<p>giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia</p> <p>- Báo cáo tự đánh giá</p>	
47	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1.000280	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<p>- Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường tiểu học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia</p> <p>- Báo cáo tự đánh giá.</p>	
48	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	1.000691	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<p>- Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia</p> <p>- Báo cáo tự đánh giá.</p>	
49	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000729	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<p>- Tờ trình đề nghị xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên;</p> <p>- Quyết định thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên;</p> <p>- Bản báo cáo kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên trong thời gian 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng;</p> <p>- Bảng tự đánh giá tính điểm theo tiêu chí xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên (trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo Phụ lục I, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện theo Phụ lục II);</p> <p>- Số liệu thống kê số lượng học viên theo học các chương trình trong 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng;</p> <p>- Danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức trong biên chế và giáo viên hợp đồng kèm theo trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ-tin học;</p>	

				- Số liệu thống kê chi tiết về diện tích đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.	
50	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	2.000011	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê. - Biên bản kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ của huyện đối với xã. - Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.	
51	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài; - Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, trong đó làm rõ các nội dung: Chương trình và tài liệu; người dạy, người học, cơ sở vật chất; kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, quản lý và sử dụng học phí và việc tổ chức thực hiện Đề án; - Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo sử dụng của nước ngoài (nếu có) do cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.	
52	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	1.009002	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.	
53	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc	- Bản sao giấy khai sinh. - Đơn đề nghị cấp học bổng. - Kết quả: Văn bản chấp thuận	

			dân	
54	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước; - Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.
55	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	1.002407	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng.
56	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	1.004436	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng.
57	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	1.002982	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Đơn đề nghị hỗ trợ. - Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng.
58	Đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên	GD205	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.
59	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	1.00492	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	- Đơn đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 20 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; - Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đã gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân của người



				<p>được bổ nhiệm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và giấy tờ pháp lý có liên quan.</li> </ul>
60	Phê duyệt liên kết giáo dục	1.001499	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</li> <li>- Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên đối với nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác</li> <li>- Chương trình giáo dục của nước ngoài có nội dung, môn học đưa vào chương trình giáo dục tích hợp và chương trình giáo dục tích hợp dự kiến thực hiện</li> <li>- Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền</li> <li>- Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo dục</li> <li>- Đề án thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; cơ sở vật chất, thiết bị; danh sách giáo viên dự kiến kèm theo lý lịch chuyên môn; đối tượng, tiêu chí và quy mô tuyển sinh; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp, tính tương</li> </ul>

				đương của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài đối với văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam (nếu có); biện pháp đảm bảo quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí, sự hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên và học sinh.	
61	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	1.001497	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục do các bên liên kết cùng ký tại Mẫu số 04 của Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</li> <li>- Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép</li> <li>- Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết trong đó có thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</li> </ul>	
62	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	1.001496	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục</li> <li>- Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.</li> </ul>	
63	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài	1.00939	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, trong đó xác định rõ: Tên gọi của cơ sở giáo dục; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; phạm vi hoạt động giáo dục; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành;</li> <li>- Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và</li> </ul>	

				<p>quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn, trong đó làm rõ khả năng đáp ứng các nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục quy định tại các Điều 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>- Văn bản chấp thuận cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp xây dựng cơ sở vật chất (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và các giấy tờ pháp lý liên quan;</li> <li>- Kế hoạch về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục</li> <li>- Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 35 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</li> </ul>
64	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000716	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị giải thể cơ sở giáo dục</li> <li>- Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.</li> </ul>
65	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008722	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn,</li> </ul>

				<p>không hưởng lợi tức; phân lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục.</p> <p>- Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>- Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục (nếu có).</p> <p>- Báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>- Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</p> <p>- Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</p>
66	Chuyển đổi trường trung học phổ	1.008723	Lĩnh vực đào	- Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít

	<p>thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p>		<p>ạo với nước ngoài</p>	<p>nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có).</li> <li>- Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>- Báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</li> <li>- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</li> </ul>	
67	<p>Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn</p>	1.006446	<p>Lĩnh vực đào tạo với nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động giáo dục theo Mẫu số 16 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</li> </ul>	

	hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện</li> <li>- Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37, 38 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách Hiệu trưởng (Giám đốc), Phó Hiệu trưởng (Phó Giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng;</li> <li>- Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên (cơ hữu, thỉnh giảng);</li> <li>- Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo;</li> <li>- Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính;</li> <li>- Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh;</li> <li>- Quy chế đào tạo;</li> <li>- Quy mô đào tạo (học sinh, học viên);</li> <li>- Các quy định về học phí và các loại phí liên quan;</li> <li>- Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo;</li> <li>- Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng.</li> </ul> </li> </ul>	
68	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	1.000718	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo giấy tờ;</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài;</li> <li>- Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.</li> <li>- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện. Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35,</li> </ul>	

				36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP,	
69	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001495	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại, trong đó nêu rõ kết quả khắc phục vi phạm dẫn đến bị đình chỉ</li> <li>- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra</li> <li>- Biên bản kiểm tra.</li> </ul>	
70	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001493	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục</li> <li>- Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài</li> </ul>	
71	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)	1.005090	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ</li> <li>- Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;</li> <li>- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);</li> <li>- Học bạ cấp trung học cơ sở;</li> <li>- Bảng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời.</li> </ul>	
72	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ.</li> </ul>	
73	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ</li> <li>- Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính</li> <li>- Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn</li> </ul>	
74	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành	1.004889	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (theo mẫu);</li> <li>- Một (01) văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài</li> </ul>	

	chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam			<p>cấp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;</p> <p>- Một (01) kết quả quá trình học tập tại cơ sở giáo dục nước ngoài kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.</p> <p>- Hồ sơ minh chứng thời gian học ở nước ngoài.</p>
<b>II. Thủ tục hành chính do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý</b>				
75	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	2.002379	Năng lượng nguyên tử an toàn bức xạ và hạt nhân	<p>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.</p> <p>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhiệm.</p> <p>- Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ.</p> <p>- - Phiếu khám sức khỏe tại cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên được cấp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.</p>
76	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002382	Năng lượng nguyên tử an toàn bức xạ và hạt nhân	<p>- Đơn đề nghị sửa đổi giấy phép.</p> <p>- Các văn bản xác nhận thông tin sửa đổi cho các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax.</p> <p>- Bản sao hợp đồng chuyển nhượng đối với trường hợp giảm số lượng thiết bị bức xạ do chuyển nhượng; văn bản thông báo 3 của cơ sở về việc chấm dứt sử dụng hoặc chấm dứt vận hành.</p> <p>- - Các văn bản chứng minh các thông tin về thiết bị bức xạ trong giấy phép đã cấp khác với thông tin về thiết bị bức xạ trên thực tế và cần hiệu đính.</p>
77	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002384	Năng lượng nguyên tử an toàn bức xạ và hạt nhân	<p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.</p> <p>- - Trường hợp giấy phép bị rách, nát: Bản gốc giấy phép bị rách, nát.</p>
78	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002380	Năng lượng nguyên tử an toàn bức xạ và hạt nhân	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.</p> <p>- Bản sao của một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký</p>



				<p>đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn.</li> <li>- Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.</li> <li>- Bản sao tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Trường hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiết bị.</li> <li>- Báo cáo đánh giá an toàn chứng minh đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định 142/2020/NĐ-CP.</li> <li>- - Kế hoạch ứng phó sự cố thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định 142/2020/ND-CP.</li> </ul>
79	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002381	Năng lượng nguyên tử an toàn bức xạ và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép.</li> <li>- Kết quả đo liều kế cá nhân trong thời gian hiệu lực của giấy phép đề nghị gia hạn.</li> <li>- Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất);</li> <li>- - Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất).</li> </ul>
80	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	2.002383	Năng lượng nguyên tử an toàn bức xạ và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị bổ sung giấy phép</li> <li>- Bản gốc giấy phép cần bổ sung</li> <li>- Phiếu khai báo thiết bị X-quang mới đối với trường hợp bổ sung thiết bị X-quang; kèm theo bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp các thông tin như trong phiếu khai báo;.</li> <li>- Báo cáo đánh giá an toàn đối với công việc bức xạ bổ sung</li> <li>-</li> </ul>
81	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2.002385	Năng lượng nguyên tử an	<ul style="list-style-type: none"> <li>- - Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.</li> </ul>

			toàn bức xạ và hạt nhân	
82	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	2.000079	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</li> <li>- Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Tài liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt (nếu có); Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu kèm theo; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu và Biên bản đánh giá của Hội đồng nghiệm thu các cấp (nếu có).</li> <li>- Thuyết minh chi tiết việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào sản xuất, đời sống.</li> <li>- Bản chính tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký ứng dụng.</li> <li>- Những tài liệu khác có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thẩm định</li> </ul>
83	Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	2.002144	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</li> <li>- Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Tài liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt (nếu có); Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu kèm theo; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu và Biên bản đánh giá của Hội đồng nghiệm thu các cấp (nếu có).</li> <li>- Thuyết minh chi tiết việc ứng dụng kết quả thực</li> </ul>

				<p>hiện nhiệm vụ vào sản xuất, đời sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký ứng dụng.</li> <li>- - Những tài liệu khác có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thẩm định.</li> </ul>
84	Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	2.002278	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;</li> <li>- Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực), thuộc một trong các văn bản sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;</li> <li>+ Quyết định công nhận giống cây trồng mới, giống vật nuôi mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật;</li> <li>+ Bằng chứng nhận giải thưởng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng;</li> <li>+ Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Giấy xác nhận hoặc giấy thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;</li> <li>+ Các văn bản xác nhận, công nhận khác có giá trị pháp lý tương đương.</li> </ul> </li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- - Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.</li> </ul>
85	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2.001525	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;</li> <li>- Đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp: Văn bản, tài liệu chứng minh về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Đối với trường hợp bổ sung danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) thuộc một trong các văn bản đã quy định;</li> <li>- + Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.</li> </ul> </li> </ul>
86	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	2.002248	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký chuyên giao công nghệ.</li> <li>- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trong trường hợp các bên tham gia chuyển giao công nghệ là tổ chức, cá nhân Việt Nam thì chỉ cần bản hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt; Hợp đồng phải được các bên ký kết, đóng dấu và có chữ ký tắt của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và phụ lục nếu một trong các bên tham gia hợp đồng là tổ chức.</li> <li>- Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư, Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ,...) của các bên tham gia hợp đồng.</li> <li>- Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia trong hợp đồng.</li> <li>- Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền</li> </ul>

				<p>quyết định đầu tư đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có sử dụng vốn nhà nước).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- - Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ).</li> </ul>	
87	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	2.002249	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ bổ sung, sửa đổi bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trong trường hợp các bên tham gia chuyển giao công nghệ là tổ chức, cá nhân Việt Nam thì chỉ cần bản hợp đồng chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt. Hợp đồng phải được các bên ký kết, đóng dấu và có chữ ký tắt của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và phục lục nếu một trong các bên tham gia hợp đồng là tổ chức.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã được cấp (nếu có).</li> <li>- Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ gia hạn, sửa đổi, bổ sung những nội dung thuộc thẩm quyền chấp thuận của cơ quan quyết định đầu tư (nếu có sử dụng vốn nhà nước).</li> <li>- Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ).</li> </ul>	
88	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	2.002544	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo.</li> <li>- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc</li> </ul>	

				<p>chứng thực đối với văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ), giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp có chuyển giao quyền đối với đối tượng sở hữu công nghiệp).</li> <li>- Báo cáo triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo nội dung trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ có xác nhận của đầy đủ các bên tham gia chuyển giao công nghệ .</li> <li>- - Bản sao một trong các giấy tờ sau: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương của các bên tham gia chuyển giao công nghệ.</li> </ul>	
89	<p>Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)</p>	2.002546	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài.</li> <li>- Các tài liệu liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung (đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu</li> </ul>	

				<p>chuẩn chất lượng sản phẩm) gồm: Thuyết minh nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ; Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ), giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có bổ sung); Báo cáo triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo nội dung trong văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung.</p>
90	<p>Thủ tục Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)</p>	2.002548	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất);</li> <li>- - Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương của các bên tham gia chuyển giao công nghệ (nếu thay đổi tên, địa chỉ của các bên tham gia chuyển giao công nghệ).</li> </ul>
91	<p>Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p>	2.001179	<p>Hoạt động khoa học và công nghệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị xác nhận.</li> <li>- Thuyết minh về hàng hóa thuộc Danh mục hoặc đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</li> <li>- Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng ủy thác (bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc các tài liệu khác liên quan để xác định giao dịch mua bán, nhập khẩu.</li> <li>- Ngoài các tài liệu trên, tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nộp các giấy tờ sau:</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu): Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có);</li> <li>- + Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với trường hợp đề nghị xác nhận hàng hóa là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ).</li> </ul>	
92	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011812	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân.</li> <li>- Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh).</li> <li>- Bản mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</li> <li>- Bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chuyên giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn.</li> <li>- Các tài liệu sau (nếu có): Văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân về hiệu quả ứng dụng thực tiễn, giải thưởng, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tài liệu khác.</li> </ul>	
93	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011814	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</li> <li>- Thuyết minh về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</li> <li>- Bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyên giao không quá 03 năm (đối với trường</li> </ul>	



				<p>hợp đề nghị hỗ trợ).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- - Bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (đối với trường hợp đề nghị mua).</li> </ul>	
94	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (cấp tỉnh)	1.011815	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến.</li> <li>- Bản thể hiện hiệu quả áp dụng sáng chế, sáng kiến trong thực tiễn và khả năng mở rộng quy mô áp dụng.</li> <li>- - Bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua sáng chế, sáng kiến và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao.</li> </ul>	
95	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	1.011816	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực.</li> <li>- Thuyết minh về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</li> <li>- Bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyển giao không quá 03 năm (Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ).</li> <li>- - Bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Đối với trường hợp đề nghị mua).</li> </ul>	
96	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	3.000259	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ.</li> <li>- Dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng quy định về tên giải thưởng, đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục xét tặng giải thưởng, quyền lợi của tổ chức, cá nhân được tặng giải thưởng, thời gian tổ chức xét tặng giải thưởng.</li> </ul>	
97	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc	1.012353	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị xác định công nghệ.</li> <li>- Thuyết minh hiện trạng công nghệ sử dụng trong</li> </ul>	

	hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên		nghệ	dự án đầu tư. - - Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực.	
98	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	1.002690	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có). - - Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có).	
99	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	2.001137	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ). - Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có). - Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có).	
100	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	2.001143	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có). -Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có).	
101	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.006427	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Các tài liệu khác (nếu có) liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ (giải thưởng về khoa học và công nghệ, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, quyết định giao nhiệm vụ,...).	
102	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	1.001786	Hoạt động khoa học và công nghệ	- Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ - Bảng danh sách nhân lực - Đơn xin đề nghị được làm việc chính thức.	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm.</li> <li>- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (trừ tổ chức do cá nhân thành lập).</li> <li>- Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật.</li> <li>- Biên bản họp của những người sáng lập/các bên góp vốn hợp tác</li> <li>- Cam kết góp vốn (bằng tiền và tài sản) của từng cá nhân/các bên góp vốn hợp tác (nếu có).</li> <li>- Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với phần vốn đã cam kết góp.</li> </ul>
103	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	1.001747	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cấp.</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động.</li> <li>- Văn bản xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ về việc tổ chức đã có văn bản đề nghị thay đổi trụ sở chính.</li> <li>- Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật.</li> <li>- Biên bản họp của những người sáng lập/các bên góp vốn hợp tác.</li> <li>- Cam kết góp vốn (bằng tiền và tài sản) của từng cá nhân/các bên góp vốn hợp tác (nếu có).</li> <li>- Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với phần vốn đã cam kết góp.</li> <li>- Đơn đề nghị được làm việc chính thức (đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập)</li> <li>- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (trừ tổ chức do cá nhân thành</li> </ul>

				lập).	
104	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001770	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;</li> <li>- Xác nhận của cơ quan công an</li> <li>- Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo mất Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc tờ báo đã đăng thông báo này.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cấp bị rách, nát</li> </ul>	
105	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001716	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</li> <li>- Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh.</li> <li>- Bảng danh sách nhân lực</li> <li>- Đơn xin đề nghị được làm việc chính thức.</li> <li>- Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm.</li> <li>- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> </ul>	
106	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001677	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh đã được cấp.</li> <li>- Quyết định về thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</li> <li>- Bảng danh sách nhân lực.</li> <li>- Đơn đề nghị được làm việc chính thức.</li> </ul>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> <li>- Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm.</li> </ul>	
107	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1.001693	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động</li> <li>- Xác nhận của cơ quan công an</li> <li>- Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo mất Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc tờ báo đã đăng thông báo này.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cấp bị rách, nát</li> </ul>	
108	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.011818	Hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ có xác nhận hợp pháp của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thức.</li> <li>- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Dữ liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (bao gồm mã nguồn và dữ liệu) và các tài liệu khác (nếu có) nghiệm thu chính thức.</li> <li>- Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).</li> <li>- Đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có).</li> <li>- Phiếu mô tả công nghệ theo Mẫu 8 tại Phụ lục</li> </ul>	

				ban hành kèm theo Thông tư 14/2014/TT-BKHHCN đối với nhiệm vụ KH&CN mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.	
109	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.011820	Hoạt động khoa học và công nghệ	<p>- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN.</p> <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và các báo cáo, tư liệu liên quan khác (nếu có).</p> <p>- Văn bản xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN không sử dụng NSNN của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền</p>	
110	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.011819	Hoạt động khoa học và công nghệ	Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước theo Mẫu 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN.	
111	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	2.001643	Hoạt động khoa học và công nghệ	<p>- Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p> <p>- Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương phối hợp thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh (Tài liệu là một trong các biểu mẫu: Mẫu 4; Mẫu 11; Phụ lục 6-GXNKQKHCN).</p>	

112	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1.011937	Sở hữu trí tuệ	- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
113	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1.011938	Sở hữu trí tuệ	- Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
114	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	1.011939	Sở hữu trí tuệ	- Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; - Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
115	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	2.001209	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bản công bố hợp chuẩn (Mẫu 2. CBHC/HQ 28/2012/TT-BKHCHN) (bản chính). - Giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật). (Bản sao y bản chính). - Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố. (Bản sao y bản chính) - Giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp kèm theo mẫu dấu hợp chuẩn. (Bản sao y bản chính)
116	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	2.001207	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	- Bản công bố hợp chuẩn (Mẫu 2. CBHC/HQ 28/2012/TT-BKHCHN) (bản chính). - Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc

				<p>Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao y bản chính tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố.</li> <li>- Quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý (Mẫu 1. KHKSC/28/2012/TT-BKHCN).(Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn chưa được (tổ chức chứng nhận đã đăng ký) cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...).</li> <li>- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực (bản sao y bản chính). (Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn được (tổ chức chứng nhận đã đăng ký) cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...).</li> <li>- Báo cáo đánh giá hợp chuẩn kèm theo bản sao y bản chính Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký (Mẫu 5. BCĐG 28/2012/TT-BKHCN).</li> </ul>
117	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do bộ khoa học và công nghệ ban hành	2.001277	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<p><b>* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy (Mẫu 2. CBHC/HQ 28/2012/TT-BKHCN).</li> <li>- Báo cáo tự đánh giá (Mẫu 5. BCĐG 28/2012/TT-BKHCN):</li> </ul> <p><b>* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy (Mẫu 2. CBHC/HQ</li> </ul>



				28/2012/TT-BKHCN). - Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.( Bản sao y bản chính)
118	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá hàng hoá nhóm 2 nhập khẩu.	2.001259	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018); - Bản sao Hợp đồng; - Bản sao Danh mục hàng hóa (nếu có); - Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có); - Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có); - Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có); - Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); - Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).
119	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	1.001392	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	- Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính. - Bản sao kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của 03 lần liên tiếp.
120	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải	2.002253	Tiêu chuẩn đo lường chất	- Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá (Bản chính) (Mẫu TT

	thường chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân.		lượng	<p>06/2009/TT-BKHHCN);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động (đối với tổ chức) (Bản sao);</li> <li>- Văn bản, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức giải thưởng (nếu có) (Bản chính);</li> <li>- Danh sách cán bộ, nhân viên tham gia tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng (tên, chức danh, trình độ, kinh nghiệm tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng lao động) (Bản chính);</li> <li>- Kế hoạch và thời gian xét tặng giải thưởng (Bản chính);</li> <li>- Quy chế xét thưởng (Bản chính);</li> <li>- Dự kiến danh sách thành viên Hội đồng xét thưởng (trình độ, chuyên môn) (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo về khả năng tài chính để bảo đảm tổ chức thành công hoạt động xét tặng giải thưởng, gồm các nội dung sau: dự kiến kinh phí chi cho toàn bộ hoạt động xét tặng giải thưởng, mức chi cho từng hoạt động và nguồn kinh phí sử dụng (Bản chính);</li> <li>- Mẫu hồ sơ mời đăng ký để được xét tặng giải thưởng (Bản chính).</li> </ul>
121	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh).	2.001208	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<p><b>* Trường hợp chỉ định lần đầu, hồ sơ gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP (Bản chính);</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định</li> </ul>

				<p>154/2018/NĐ-CP (Bản sao);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP có bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Bản chính);</li> <li>- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo (Bản chính);</li> <li>- Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo (Bản chính);</li> <li>- Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có) (Bản sao);</li> <li>- Kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm) (Bản sao).</li> </ul> <p>* Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm (Bản chính).</p>
--	--	--	--	---

				<p><b>* Trường hợp Chỉ định thử nghiệm tạm thời, hồ sơ gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm tại Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử nghiệm và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.</li> </ul>
122	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định.	2.001100	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (Bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; bản sao Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp tại Mẫu số 10 Phụ lục kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP (Bản sao);</li> <li>- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ kèm theo (Bản chính);</li> <li>- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám</li> </ul>

				<p>định, kiểm định, chứng nhận tương ứng kèm theo (Bản chính);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm còn hiệu lực kèm theo (Bản chính);</li> <li>- Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có) đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (Bản sao);</li> <li>- Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm).</li> <li>- Hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm (Bản sao). (Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung).</li> </ul>
123	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh).	2.001501	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (Bản chính);</li> <li>- Bản chính Quyết định chỉ định bị hư hỏng (đối với trường hợp quyết định chỉ định bị hư hỏng) (Bản chính).</li> </ul>
124	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	2.001269	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP</li> <li>- Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp;</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tự đánh giá theo 07 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng quốc gia;</li> <li>- Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), chứng chỉ hoặc tài liệu liên quan;</li> <li>- Tài liệu chứng minh về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa chính với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt và các kết quả quan trắc hàng năm hoặc báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);</li> <li>- Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động hàng năm trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);</li> <li>- Các tài liệu chứng minh khác về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất (nếu có); (Bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp).</li> </ul>
125	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	2.000212	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	- Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
126	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	1.000449	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	- Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
<b>III. Thủ tục hành chính do Sở Tài chính quản lý</b>				
127	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với	2.002206	Tin học – Thống	- Bản sao hợp lệ Quyết định hoặc Văn bản thông

	ngân sách		kê	báo của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS.
128	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	2.002217	Quản lý giá	- Văn bản kê đăng ký của doanh nghiệp. - Bảng đăng ký mức giá cụ thể. - Bảng thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hoá, dịch vụ đăng ký giá. Kết quả giải quyết TTHC.
129	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	1.006218	Quản lý Công sản	- Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. - Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản. - Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng. - Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có). - Kết quả giải quyết TTHC.
130	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	1.005429	Quản lý Công sản	- Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi. - Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có)
131	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư	1.005419	Quản lý Công sản	- Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản (trong đó nêu rõ sự cần thiết, thời hạn, tính khả thi, phương án sử dụng tài sản công tham gia dự án đầu tư theo hình

				<p>thức đối tác công- tư).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).</li> <li>- Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá; giá trị còn lại theo sổ kế toán).</li> <li>- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có).</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul>
132	Thanh toán phân giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	1.006220	Quản lý Công sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thanh toán phân giá trị tài sản được hưởng.</li> </ul> <p>Kết quả giải quyết TTHC.</p>
133	Thủ tục chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh)	1.006219	Quản lý Công sản	Văn bản đề nghị chi thưởng
134	Mua hóa đơn lẻ (thuộc thẩm quyền Sở Tài chính)	1.005435	Quản lý Công sản	Không cần số hóa
135	Mua quyền hóa đơn (thuộc thẩm quyền Sở Tài chính)	1.005434	Quản lý Công sản	Không cần số hóa
136	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Chưa có mã số	Quản lý Công sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện đề nghị chuyển giao quyền sở hữu công trình điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Mẫu số 01 Phụ lục đính kèm Nghị định số 02/2024/NĐ-CP</li> <li>+ Biên bản kiểm kê, xác định giá trị công trình điện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2024/NĐ-CP</li> </ul>
<b>IV. Thủ tục hành chính do Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch quản lý</b>				
137	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	2.001631	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>



138	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	1.003838	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị Cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể;</li> <li>- Đề án Nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể;</li> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> </ul>
139	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	2.001613	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập;</li> <li>- Đề án hoạt động bảo tàng;</li> <li>- Văn bản xác nhận (Kết quả).</li> </ul>
140	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	1.003793	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập;</li> <li>- Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND (Kết quả).</li> </ul>
141	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khảo cổ	2.001591	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai quật khảo cổ của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ;</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND (Kết quả).</li> </ul>
142	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1.003738	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;</li> <li>- Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề (Kết quả).</li> </ul>
143	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	1.003646	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;</li> <li>- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Kết quả).</li> </ul>
144	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	1.003835	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;</li> <li>- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Kết quả)</li> </ul>
145	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001106	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách kèm theo lý lịch khoa học;</li> <li>- Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật</li> </ul>

				<p>và các chuyên gia;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Kết quả).</li> </ul>	
146	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001123	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Kết quả).</li> </ul>	
147	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.001822	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
148	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.002003	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
149	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	1.003901	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
150	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	2.001641	Di sản Văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.</li> <li>- Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
151	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim	1.011454	Điện ảnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim;</li> <li>- Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu phim hoặc quyền sử dụng phim hợp pháp;</li> <li>- Giấy phép phân loại phim (Kết quả).</li> </ul>	
152	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1.001833	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi;</li> <li>- Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thỏa thuận giữa các bên;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
153	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001809	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép;</li> <li>- Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác;</li> <li>- Văn bản của chủ địa điểm (triển lãm ngoài trời);</li> <li>- Giấy mời hoặc văn bản thỏa thuận (trường hợp triển lãm nước ngoài);</li> </ul>	

154	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	1.001778	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp phép;</li> <li>- Bản sao chứng thực hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
155	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	1.001755	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
156	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001738	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép;</li> <li>- Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</li> <li>- Thẻ lệ;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
157	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001704	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam;</li> <li>- Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt;</li> <li>- Văn bản xác nhận địa điểm (đối với triển lãm không phải là nhà triển lãm);</li> <li>- Văn bản thỏa thuận (đối với triển lãm nhiếp ảnh khỏa thân);</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
158	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001671	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm;</li> <li>- Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt;</li> <li>- Thư mời, thông báo, sách ảnh, văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã dịch ra TV;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận (đối với triển lãm nhiếp ảnh khỏa thân);</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
159	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001229	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>

160	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001211	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm;</li> <li>- Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
161	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001191	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
162	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001182	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>
163	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001147	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo tổ chức triển lãm;</li> <li>- Trường hợp không đồng ý thì có văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>
164	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009397	Nghệ thuật biểu diễn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật;</li> <li>- Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình;</li> <li>- Văn bản chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>
165	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009398	Nghệ thuật biểu diễn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan;</li> <li>- Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan;</li> <li>- Văn bản chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>

	ương)			
166	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1.009399	Nghệ thuật biểu diễn	- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi; - Đề án tổ chức cuộc thi; - Văn bản chấp thuận (Kết quả).
167	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1.009403	Nghệ thuật biểu diễn	- Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu; - Phiếu lý lịch tư pháp số 1; - Bản sao giấy mời dự thi kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch; - Văn bản xác nhận (Kết quả).
168	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003676	Văn hóa, Quảng cáo	- Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời; - Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; - Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; - Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời nếu không chấp thuận (Kết quả).
169	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003654	Văn hóa, Quảng cáo	- Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; - Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; - Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; - Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; - Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. - Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời nếu không chấp thuận (Kết quả).
170	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1.001029	Văn hóa, Quảng cáo	- Giấy phép (Kết quả).
171	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.001008	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

				- Giấy phép (Kết quả).
172	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1.000963	Văn hóa, Quảng cáo	- Giấy phép điều chỉnh (Kết quả).
173	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.000922	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; - Giấy phép điều chỉnh (Kết quả).
174	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	1.004650	Văn hóa, Quảng cáo	- Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, hình thức, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn; - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo; - Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với băng-rôn; - Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo; - Văn bản trả lời (Kết quả).
175	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1.004645	Văn hóa, Quảng cáo	- Văn bản thông báo; - Văn bản trả lời (Kết quả).
176	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004639	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài; - Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận; - Giấy phép (Kết quả).
177	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước	1.004666	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể

	ngoài tại Việt Nam			thao và Du lịch quy định; - Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có chứng thực; - Giấy phép (Kết quả).
178	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004662	Văn hóa, Quảng cáo	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; - Giấy phép (Kết quả).
179	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.003784	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm; - Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có). - Giấy phép nhập khẩu VHP (Kết quả).
180	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	1.003743	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu; - Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật; - Biên bản giám định và niêm phong VHP (Kết quả).
181	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	2.001496	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh; - Văn bản phê duyệt (Kết quả).
182	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	1.003560	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	- Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm; - Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; - Văn bản chấp thuận (Kết quả).
183	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và	1.008895	Thư viện	- Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục)

	thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam			(thư viện ngoài công lập); - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam) - Văn bản trả lời (Kết quả).	
184	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008896	Thư viện	- Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện - Văn bản trả lời (Kết quả).	
185	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008897	Thư viện	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản thông báo; - Văn bản trả lời (Kết quả).	
186	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012080	Gia đình	- Đơn đề nghị cấp lần đầu giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Bảng giá dịch vụ; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
187	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012081	Gia đình	- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
188	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012082	Gia đình	- Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
189	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở	1.006412	Hợp tác quốc tế	- Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;	



	văn hóanước ngoài tạiViệt Nam			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép đến thời điểm đề nghị thành lập chi nhánh;</li> <li>- Giấy Chứng nhận (Kết quả)</li> </ul>
190	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001082	Hợp tác quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại;</li> <li>- Giấy chứng nhận và các tài liệu chứng minh việc thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận;</li> <li>- Giấy Chứng nhận (Kết quả)</li> </ul>
191	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt	1.001091	Hợp tác quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn;</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động của chi nhánh kể từ khi có Giấy chứng nhận đến thời điểm đề nghị gia hạn;</li> <li>- Giấy Chứng nhận (Kết quả)</li> </ul>
192	Thủ tục công nhận điểm du lịch	1.004528	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch (<i>mẫu số 01, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>).</p> <p>(2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận điểm du lịch.</p>
193	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001628	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (<i>Mẫu số 04, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>)</p> <p>(2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>(3) Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành</p> <p>(4) Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh</p>

				doanh dịch vụ lữ hành (5) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và phải có bản sao có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
194	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001616	Du lịch	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017)
195	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001622	Du lịch	(1) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017) (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của doanh nghiệp (3) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
196	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	2.001611	Du lịch	(1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017) (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp
197	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	2.001589	Du lịch	(1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017) (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

				<p>đã được cấp</p> <p>(3) Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp</p>
198	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	1.003742	Du lịch	<p>(1) Quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản</p> <p>(2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp</p>
199	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.001837	Du lịch	<p>(1) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký</p> <p>(2) Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (<i>đối với trường hợp Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn</i>) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (<i>đối với trường hợp Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện</i>)</p> <p>(3) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện</p>
200	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	1.001440	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm</p> <p>(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p>
201	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa	1.004605	Du lịch	Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho

	cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế			hướng dẫn viên du lịch (mẫu số 13, phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017)	
202	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003717	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-01, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký</p> <p>(2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài</p> <p>(3) Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện</p> <p>(4) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất</p> <p>(5) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</li> <li>+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định: Địa điểm đặt</li> </ul>	

				<p>trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện, Chi nhánh không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.</p> <p><i>Thành phần hồ sơ (2), (3), (4) (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i></p>
203	<p>Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện</p>	1.003240	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (mẫu MĐ-01, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016).</p> <p>(2) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định</p> <p>(3) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp</p> <p>(4) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến:</p> <p>+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</p> <p>+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở</p>

				Văn phòng đại diện: Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở
204	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	1.003275	Du lịch	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (mẫu MĐ-02, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký
205	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.005161	Du lịch	(1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (mẫu MĐ-03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016) (2) Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể: + Trường hợp điều chỉnh Giấy phép về thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. + Trường hợp điều chỉnh Giấy phép về thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện, Chi nhánh; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước

				<p>công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.</p> <p>+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép về thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện: Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.</p> <p>(3) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh</p>	
206	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003002	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký</p> <p>(2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài</p> <p>(3) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ</p>	

				<p>chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước trong năm tài chính gần nhất</p> <p>(4) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp</p> <p><i>Thành phần hồ sơ số (2) phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thành phần hồ sơ số (3) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam</i></p>
207	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1.004628	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p> <p>(3) Bản sao có chứng thực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;</li> </ul> <p>(4) Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;</li> <li>+ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;</li> <li>+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh</li> </ul>



				<p>ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;</p> <p>+ Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư này còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.</p> <p>Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>
208	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1.004623	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p> <p>(3) Bản sao có chứng thực: Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa</p>
209	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1.001432	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị đổi thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p> <p>(3) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp</p> <p>(4) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp</p>
210	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	1.004614	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên</p> <p>(2) Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch</p>
211	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	1.003490	Du lịch	<p>(1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02, phụ lục II ban hành kèm theo Thông</p>

				<i>tu 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017).</i> (2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh
212	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004551	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
213	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004503	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
214	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.001455	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
215	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004580	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
216	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004572	Du lịch	(1) Đơn đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
217	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	1.004594	Du lịch	(1) Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (phụ lục kèm theo) (2) Bảng tự đánh giá chất lượng cơ sở lưu trú du lịch quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng các loại cơ sở lưu trú du lịch (3) Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch (4) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ,

				giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch	
218	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình các điều kiện kinh doanh; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
219	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình các điều kiện kinh doanh; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
220	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1.003441	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Giấy chứng nhận đã được cấp; - Tài liệu chứng minh sự thay đổi; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
221	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000983	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị; - Giấy chứng nhận đã được cấp trường hợp hư, hỏng; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
222	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001782	Thẻ dực thể thao	- Đơn xin đăng cai; - Điều lệ giải; - Chương trình thi đấu; - Văn bản hành chính (Kết quả).	
223	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	1.001782	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
224	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1.000936	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
225	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;	

				- Giấy chứng nhận (Kết quả).	
226	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1.001195	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
227	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1.000904	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
228	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	1.000883	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
229	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	1.000863	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
230	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1.000847	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
231	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1.000830	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
232	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
233	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thẻ dục thẩm mỹ	1.000644	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
234	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.000842	Thẻ dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	

	đôi với môn Judo			- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
235	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	1.005163	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
236	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	2.002188	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
237	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	1.000594	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
238	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1.000560	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
239	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1.000544	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
240	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1.000518	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
241	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	1.000501	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
242	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1.000485	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
243	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện	1.001801	Thể dục thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;	

	kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao			- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
244	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1.001500	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
245	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
246	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1.001517	Thẻ dực thể thao	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
247	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1.001527		- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
248	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1.001056		- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện; - Giấy chứng nhận (Kết quả).	
<b>V. Thủ tục hành chính do Thanh tra tỉnh quản lý</b>					
249	Giải quyết khiếu nại lần đầu	2.002407	Xử lý đơn thư, tiếp công dân, giải quyết tố cáo	- Đơn khiếu nại; Thông báo; Báo cáo	
250	Giải quyết khiếu nại lần hai	2.002411	Xử lý đơn thư, tiếp công dân, giải quyết tố cáo	- Đơn khiếu nại; Thông báo; Báo cáo	
251	Xử lý đơn	2.002499	Xử lý đơn thư, tiếp công dân, giải quyết tố cáo	- Đơn khiếu nại; Đơn kiến nghị, phản ánh	
<b>VI. Thủ tục hành chính do Sở Y tế quản lý</b>					

252	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012259	Khám bệnh chữa bệnh	- Văn bản xác nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh - Giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP
253	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012265	Khám bệnh chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp (nếu có)
254	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012269	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp
255	Điều chỉnh giấy phép hành nghề	1.012270	Khám bệnh chữa bệnh	- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp - Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP
256	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012271	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ sau đây: - Giấy chứng nhận là lương y do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Giấy chứng nhận là người có bài thuốc gia truyền do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Giấy chứng nhận là người có phương pháp chữa bệnh gia truyền do cơ quan có thẩm quyền cấp.
257	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012272	Khám bệnh chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp
258	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012273	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp

	truyền				
259	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	1.012276	Khám bệnh chữa bệnh	Bản gốc Giấy phép hành nghề	
260	Cấp mới giấy phép hoạt động	1.012278	Khám bệnh chữa bệnh	- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài - Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	
261	Cấp lại giấy phép hoạt động	1.012279	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao bị mất hoặc bản gốc giấy phép hoạt động bị hư hỏng (nếu có)	
262	Điều chỉnh giấy phép hoạt động	1.012280	Khám bệnh chữa bệnh	Bản gốc giấy phép hoạt động	
263	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	1.012281	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	
264	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012260	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở	
265	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012261	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở	
266	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyên tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012289	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn hoặc giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP Bản sao hợp lệ của một trong các văn bằng đào tạo chuyên khoa theo quy định tại điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 1 Điều 127 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (không áp dụng đối với trường hợp văn bằng chuyên khoa đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ	



				thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế	
267	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012290	Khám bệnh chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp (nếu có)	
268	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012291	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	
269	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012292	Khám bệnh chữa bệnh	- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã cấp - Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo hoặc chứng chỉ đào tạo chuyên khoa	
270	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002464	Khám bệnh chữa bệnh	- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài; - Bản sao giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quảng cáo - Bản sao chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa	

				bệnh của người thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quảng cáo trong trường hợp pháp luật quy định phải có chứng chỉ hành nghề.	
271	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	1.001138	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	
272	Cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	2.000559	Khám bệnh chữa bệnh	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	
273	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	1.006780	Khám bệnh chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động đã được cấp (nếu có)	
274	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	2.000552	Khám bệnh chữa bệnh	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động đã được cấp (nếu có)	
275	Cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề dược nhưng chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	1.004616	Dược phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn</li> <li>- Lý lịch tư pháp</li> <li>- Giấy khám sức khỏe</li> </ul>	
276	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	1.004604	Dược phẩm	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp (nếu có)	
277	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	1.004599	Dược phẩm	Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp (nếu có)	
278	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.004596	Dược phẩm	Bản chính chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp	
279	Cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở	1.004593	Dược phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược</li> </ul>	

	bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)				
280	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004585	Dược phẩm	- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. - Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược	
281	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004576	Dược phẩm	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đã được cấp	
282	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004571	Dược phẩm	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đã được cấp	
283	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin	1.003963	Dược phẩm	- Mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc hiện	

	thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc			<p>hành đã được Bộ Y tế phê duyệt (Bản sao);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam đối với cơ sở nước ngoài đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc (Bản sao có chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với cơ sở kinh doanh dược của Việt Nam đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc (Bản sao có đóng dấu của cơ sở đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc) Miễn nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do Bộ Y tế cấp đối với cơ sở kinh doanh dược của Việt Nam đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc.</li> </ul>
284	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	1.003001	Dược phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược</li> </ul>
285	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	1.002952	Dược phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP).</li> </ul>
286	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002399	Dược phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược</li> </ul>
287	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	1.002258	Dược phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược</li> </ul>
288	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	1.001893	Dược phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ký, đóng dấu xác nhận của cơ sở đó;</li> <li>- Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ sơ cấp dược trở lên của người chịu trách nhiệm chuyên môn;</li> </ul>

289	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	1.002483	Mỹ phẩm	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
290	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003073	Mỹ phẩm	Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
291	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003064	Mỹ phẩm	Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
292	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.00099	Mỹ phẩm	Bản sao giấy xác nhận nội dung quảng cáo đã cấp (nếu có)
293	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	1.009566	Mỹ phẩm	Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
294	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.012415	Y, dược cổ truyền	- Bản sao hợp pháp các chứng chỉ học phần theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024. - Bản sao hợp pháp bằng tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương đối với người sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 1960 trở về sau.
295	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.012416	Y, dược cổ truyền	Bản sao hợp pháp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề được cấp theo quy định của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân có phạm vi hành nghề khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Bản xác nhận quá trình khám bệnh, chữa bệnh của Trưởng Trạm y tế xã hoặc của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024. Bản sao hợp pháp kết quả kiểm tra sát hạch theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024
296	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y theo thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024	1.012417	Y, dược cổ truyền	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đã được cấp (nếu có)

297	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.012418	Y, dược cổ truyền	Bản sao hợp pháp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu bài thuốc gia truyền, phương pháp chữa bệnh gia truyền.
298	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.012419	Y, dược cổ truyền	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đã được cấp (nếu có)
299	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiên cứu chất dạng thuốc phiện	1.004488	Y tế dự phòng	Bản sao quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở
300	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	2.000997	Y tế dự phòng	Minh chứng việc sử dụng vắc xin, biện pháp dự phòng đã áp dụng trước đó còn hiệu lực (nếu có).
301	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1.001386	Y tế dự phòng	- Giấy chứng tử (trong trường hợp bị tử vong) - Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vận chuyển bệnh nhân (bản chính hoặc bản sao có chứng thực)
302	Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.012096	Y tế dự phòng	- Bản chính hoặc bản sao kết quả xét nghiệm HIV âm tính; - Bản chính hoặc bản sao kết quả xét nghiệm HIV dương tính của nguồn gây phơi nhiễm HIV (nếu có).
303	Thủ tục cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.012097	Y tế dự phòng	Bản chính hoặc bản sao một trong các giấy tờ sau: kết quả xét nghiệm HIV dương tính, tóm tắt hồ sơ bệnh án của người nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.
304	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng	1.003348	An toàn thực phẩm và Dinh	- Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of

<p>y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>		<p>dưỡng</p>	<p>Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận Y tế (Health of Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/ xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/ xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (<i>bản chính hoặc bản sao chứng thực</i>);</li> <li>- Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (<i>bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân</i>). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu;</li> </ul> <p>Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm.</p>	
---	--	--------------	--	--

305	<p>Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>	1.003332	<p>An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực);</li> <li>- Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu;</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</li> <li>- Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm.</li> </ul>	
306	<p>Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,</p>	1.003108	<p>An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (bản sao có xác nhận của tổ chức,</li> </ul>	



	sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi			cá nhân);
307	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.002425	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở);</li> <li>- Giấy xác nhận đủ sức khoẻ của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> </ul>
<b>VII. Thủ tục hành chính do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý</b>				
308	Cấp giấy phép bưu chính	1.003659.000.00.0 0.H53	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp giấy phép bưu chính;</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Điều lệ của doanh nghiệp (nếu có);</li> <li>- Phương án kinh doanh* ;</li> <li>- Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>- Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi;</li> <li>- Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>- Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>- Thỏa thuận với doanh nghiệp khác, đối tác nước ngoài bằng tiếng Việt, đối với trường hợp hợp tác cung ứng một, một số hoặc tất cả các công đoạn</li> </ul>

				<p>của dịch vụ bưu chính đề nghị cấp phép;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu về tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài đã được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> <li>- Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có).</li> </ul> <p>* Phương án kinh doanh, gồm các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông tin về doanh nghiệp gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ e-mail của trụ sở giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, website của doanh nghiệp (nếu có) và các thông tin liên quan khác;</li> <li>+ Địa bàn dự kiến cung ứng dịch vụ;</li> <li>+ Hệ thống và phương thức quản lý, điều hành dịch vụ;</li> <li>+ Quy trình cung ứng dịch vụ gồm quy trình chấp nhận, vận chuyển và phát;</li> <li>+ Phương thức cung ứng dịch vụ do doanh nghiệp tự tổ chức hoặc hợp tác cung ứng dịch vụ với doanh nghiệp khác (trường hợp hợp tác với doanh nghiệp khác, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép bưu chính phải trình bày chi tiết về phạm vi hợp tác, công tác phối hợp trong việc bảo đảm an toàn, an ninh, giải quyết khiếu nại và bồi thường thiệt hại cho người sử dụng dịch vụ);</li> <li>+ Các biện pháp bảo đảm an toàn đối với con người, bưu gửi, mạng bưu chính và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính.</li> </ul>
309	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	1.003687.000.00.0 0.H53	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính;</li> <li>- Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính.</li> </ul>

310	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	1.003633.000.00.0 0.H53	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính;</li> <li>- Phương án kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo, nếu doanh nghiệp bị lỗ 02 năm liên tiếp;</li> <li>- Các tài liệu sau nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính lần gần nhất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>+ Mẫu biểu trung, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có);</li> <li>+ Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>+ Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>+ Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính.</li> </ul> </li> <li>- Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có).</li> </ul>	
311	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	1.004379.000.00.0 0.H53	Bưu chính	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính.	
312	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1.004470.000.00.0 0.H53	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với trường hợp tự cung ứng dịch vụ: Cung ứng dịch vụ thư không có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 02 kg, cung ứng dịch vụ thư có khối lượng đơn chiếc trên 02 kg và cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản thông báo hoạt động bưu chính;</li> <li>+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> <li>+ Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ</li> </ul> </li> </ul>	

				<p>bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mẫu biểu trung, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có);</li> <li>+ Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>+ Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>+ Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>+ Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có).</li> <li>+ Các biện pháp bảo đảm an toàn đối với con người, bưu gửi, mạng bưu chính và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính.</li> </ul> <p>b) Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với các trường hợp làm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản thông báo hoạt động bưu chính;</li> <li>+ Bản sao giấy phép thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp được doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao.</li> </ul>
313	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1.010902.000.00.0 0.H53	Bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính;</li> <li>- Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi,</li> </ul>

				bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính .
314	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	1.005442.000.00.0 0.H53	Bưu chính	Giấy đề nghị cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.
315	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	2.001765.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	<p>- Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định số <u>06/2016/NĐ-CP</u> ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) đối với tổ chức, Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số <u>06/2016/NĐ-CP</u>; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định số <u>06/2016/NĐ-CP</u>; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định số <u>06/2016/NĐ-CP</u>;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.</p>
316	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình	1.003384.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và	Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt,

	nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh		thông tin điện tử	cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới.	
317	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001098.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;</p> <p>- Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể).</p> <p>Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;</p> <p>- Đề án hoạt động có chữ ký, dấu của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin; nội dung thông tin, các chuyên mục dự kiến; nguồn tin chính thức, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý thông tin, tài chính nhằm bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù thuộc với các quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 5 Điều 23 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam;</p> <p>- Văn bản chấp thuận của các tổ chức cung cấp nguồn tin để đảm bảo tính hợp pháp của nguồn tin.</p>	

318	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	1.005452.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	- Văn bản đề nghị (nêu rõ nội dung, lý do cần sửa đổi, bổ sung); - Các tài liệu chứng minh có liên quan.
319	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001091.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn bản đề nghị gia hạn (nêu rõ thời gian gia hạn).
320	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001087.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn bản đề nghị phải nêu rõ số giấy phép, ngày cấp của giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại giấy phép. Trường hợp giấy phép bị hư hỏng thì phải gửi kèm theo bản giấy phép bị hư hỏng.
321	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001766.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Văn bản thông báo bao gồm: Tên tổ chức, doanh nghiệp; số giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; những nội dung thay đổi.
322	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	2.001684.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi.
323	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	2.001681.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi.
324	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi	1.000073.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 đã được phê duyệt,

	điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt		thông tin điện tử	bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp; số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi.
325	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.001666.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, nội dung bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi.
326	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.000067.000.00.0 0.H53	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi.
327	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	1.003888.000.00.0 0.H53	Báo chí	- Đơn đề nghị (theo mẫu); - Nội dung thông tin, tranh, ảnh dự kiến trưng bày.
328	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	1.004637.000.00.0 0.H53	Báo chí	- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản Bản tin (theo mẫu); - Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin;



				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Mẫu trình bày tên gọi của bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</li> </ul>
329	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	1.004640.000.00.0 0.H53	Báo chí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin (đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin);</li> <li>- Mẫu trình bày tên gọi của bản tin (đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin).</li> </ul>
330	Cho phép hợp báo (trong nước)	2.001171.000.00.0 0.H53	Báo chí	Văn bản đề nghị hợp báo ghi rõ: Nội dung hợp báo; Ngày, giờ hợp báo; Địa điểm; Thành phần tham dự; Người chủ trì, chức danh của người chủ trì; Các chi tiết khác có liên quan: Trưng bày tài liệu, hiện vật,...
331	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	2.001173.000.00.0 0.H53	Báo chí	Đơn đề nghị hợp báo theo mẫu.
332	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	1.003868.000.00.0 0.H53	Xuất bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh theo mẫu;</li> <li>- Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; Trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phépxuất bản;</li> </ul> <p>Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch</p>

				<p>tiếng Việt có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý kiến xác nhận bằng văn bản:</li> <li>+ Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền.</li> <li>+ Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên.</li> </ul>
333	Cấp giấy phép hoạt động in	1.004153.000.00.0 0.H53	Xuất bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in theo mẫu;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định.</li> </ul>
334	Cấp lại giấy phép hoạt động in	2.001744.000.00.0 0.H53	Xuất bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in theo mẫu;</li> <li>- Các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp cụ thể;</li> <li>- Giấy phép hoạt động in (đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng).</li> </ul>
335	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	2.001740.000.00.0 0.H53	Xuất bản	Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in theo mẫu.
336	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	2.001737.000.00.0 0.H53	Xuất bản	Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in theo mẫu.

337	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	1.004235.000.00.0 0.H53	In	<p>a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo mẫu quy định;</p> <p>b) Bản sao một trong các loại giấy: chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn;</p> <p>c) Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất và thiết bị để thực hiện một trong các công đoạn chế bản in, in và gia công sau in xuất bản phẩm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với tài liệu chứng minh về mặt bằng sản xuất: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hay các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để sản xuất;</li> <li>- Đối với tài liệu chứng minh về thiết bị: Phải là bản sao giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị; trường hợp chưa có thiết bị, trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải kèm theo danh mục thiết bị dự kiến đầu tư.</li> </ul> <p>Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, cơ sở in phải hoàn thành việc mua hoặc thuê mua đủ thiết bị theo danh mục dự kiến đầu tư, gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.</p> <p>d) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm: Là người đại diện theo pháp luật được ghi tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;</li> </ul>
-----	--	----------------------------	----	---

				<p>đ) Bản sao văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc bản sao giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;</p> <p>e) Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.</p>
338	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	2.001584.000.00.0 0.H53	In	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo mẫu.
339	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	1.003729.000.00.0 0.H53	In	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 18;</li> <li>- Trường hợp thay đổi địa chỉ của mặt bằng sản xuất, cơ sở in xuất bản phẩm gửi kèm bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng.</li> </ul>
340	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	2.001564.000.00.0 0.H53	In	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài;</li> <li>- Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in;</li> <li>- Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt;</li> <li>- Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân của người được ủy quyền đặt in.</li> </ul>
341	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	1.003725.000.00.0 0.H53	Phát hành xuất bản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh;</li> <li>- Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh.</li> </ul>
342	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	1.003483.000.00.0 0.H53	Phát hành xuất bản phẩm	- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm (trong đó ghi rõ mục đích,

				<p>thời gian, địa điểm và tên các đơn vị tham gia triển lãm, hội chợ);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ theo mẫu quy định.</li> </ul>
343	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.003114.000.00.0 0.H53	Phát hành xuất bản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo Mẫu số 35;</li> <li>- Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh (a);</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài (b);</li> <li>- Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp (c).</li> </ul> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thành phần hồ sơ quy định tại mục a, b, c là bản sao chứng thực điện tử.</p>
344	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.008201.000.00.0 0.H53	Phát hành xuất bản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo Mẫu số 35;</li> <li>- Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh (a);</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài (b);</li> <li>- Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp (c).</li> </ul> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thành phần hồ sơ quy định tại mục a, b, c là</p>

				bản sao chứng thực điện tử.	
<b>VIII. Thủ tục hành chính do Sở Công Thương quản lý</b>					
345	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu - Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
346	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000669.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu - Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
347	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000672.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu - Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
348	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu - Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
349	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu - Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
350	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu - Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
351	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	1.010696.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. - Giấy xác nhận làm thương nhân kinh doanh xăng dầu theo các loại hình tương ứng theo quy định Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. - Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.	

352	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000190.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;</li> <li>- Văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</li> <li>- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp xin cấp mới lại khi Giấy phép cũ hết hiệu lực)</li> </ul>
353	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000167.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.
354	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000176.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;</li> <li>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>
355	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000637.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá;</li> <li>- Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bản kê tổng hợp diện tích trồng, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá;</li> <li>- Bảng kê dự kiến diện tích, năng suất, sản lượng của doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá;</li> <li>- Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá.</li> </ul>
356	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000640.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	Đơn đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
357	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000197.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá;</li> <li>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>

358	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000626.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá;</li> <li>- Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.</li> </ul>	
359	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000622.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
360	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000204.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá;</li> <li>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>	
361	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	2.001624.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu;</li> <li>- Hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu;</li> <li>- Các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;</li> <li>- Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu</li> </ul>	



362	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	2.000636.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu.
363	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu	2.001619.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.
364	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001630.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp; - Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000); - Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất; - Bảng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.
365	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới	2.001636.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản

	3 triệu lít/năm)			<p>xuất rượu công nghiệp;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p>	
366	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001646.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.	
367	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.001005.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<p>- Biểu mẫu đăng ký giá (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).</p>	
368	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000459.000.00.0 0.H53	Lưu thông hàng hóa trong nước	<p>- Biểu mẫu kê khai giá (trong đó có các nội dung về mẫu Văn bản kê khai giá; Bảng kê khai mức giá)</p> <p>- Trường hợp thông báo điều chỉnh giá thay cho kê khai giá khi điều chỉnh giá trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liền kề trước đó</p>	
369	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000142.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<p>- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG;</p> <p>- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa;</p> <p>- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;</p> <p>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.</p>	
370	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua	2.000136.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều	

	bán LPG			<p>kiện (Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí);</p> <p>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.</p>
371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000078.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<p>- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí);</p> <p>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.</p>
372	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<p>- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG;</p> <p>- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa;</p> <p>- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>- Tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định 87/2018/NĐ-CP hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đã được cấp Giấy chứng nhận còn hiệu lực;</p> <p>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.</p>
373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000156.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<p>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí);</p> <p>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh</p>

				doanh mua bán LNG.
374	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000390.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện;</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.</li> </ul>
375	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Tài liệu chứng minh có xe bồn CNG đã được kiểm định còn hiệu lực;</li> <li>- Tài liệu chứng minh có trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP. và pháp luật có liên quan;</li> <li>- Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.</li> </ul>
376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000279.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.</li> </ul>
377	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ	1.000481.000.00.0	Kinh doanh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ</li> </ul>

	điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	0.H53		điều kiện; - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.
378	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000073.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai; - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng; - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;
379	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000207.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
380	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000201.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện; - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi
381	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000194.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn; - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng; - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy
382	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000187.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.
383	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000175.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.</li> </ul>
384	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000196.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải;</li> <li>- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;</li> </ul>
385	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1.000425.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
386	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000180.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện;</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi</li> </ul>
387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000387.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải;</li> <li>- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.</li> </ul>
388	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000376.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
389	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương	2.000371.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ

	tiện vận tải			điều kiện; - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;
390	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000163.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải; - Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy
391	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1.000444.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
392	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000211.000.00.0 0.H53	Kinh doanh khí	- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện; - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.
393	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m <sup>3</sup> đến dưới 5.000m <sup>3</sup>	2.000453.000.00.0 0.H53	Dầu khí	- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu của tổ chức, cá nhân; - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền; - Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân

				<p>đối cung cầu xăng dầu khu vực, sự phù hợp về về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho xăng dầu;</li> <li>- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;</li> <li>- Phương án thu xếp vốn đầu tư;</li> <li>- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);</li> <li>- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình xăng dầu;</li> <li>- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...));</li> <li>- Văn bản phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m<sup>3</sup> đến dưới 5.000m<sup>3</sup>.</li> </ul>
394	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m <sup>3</sup>	2.000433.000.00.0 0.H53	Dầu khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LPG của tổ chức, cá nhân;</li> <li>- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân</li> </ul>



				<p>đổi cung cầu LPG khu vực, sự phù hợp về về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LPG</li> <li>- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình</li> <li>- Phương án thu xếp vốn đầu tư</li> </ul> <p>Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (1) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LPG;</li> <li>- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...);</li> <li>- Văn bản phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m<sup>3</sup>.</li> </ul>
395	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m <sup>3</sup>	2.000427.000.00.0 0.H53	Dầu khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG;</li> <li>- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật</li> </ul>

				<p>an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LNG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG</li> <li>- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình</li> <li>- Phương án thu xếp vốn đầu tư</li> <li>- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LPG</li> <li>- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...));</li> <li>- Văn bản phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m<sup>3</sup>.</li> </ul>
396	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2.000591.000.00.0 0.H53	An toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục</li> </ul>
397	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2.000535.000.00.0 0.H53	An toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở</li> </ul>
398	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190.000.00.0 0.H53	Giám định thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ.</li> <li>- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký</li> </ul>
399	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110.000.00.0 0.H53	Giám định thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ.</li> <li>- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.</li> </ul>
400	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000309.000.00.0 0.H53	Quản lý bán hàng đa cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.</li> </ul> <p>Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến đầu mối tại địa phương, bao gồm: 01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực Phiếu lý lịch tư pháp; 01 bản sao chứng thực xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương; 01 văn bản chỉ định quy định rõ phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ của các</p>

				<p>bên.”.</p> <p>Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương đến thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp đã có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trước thời điểm Nghị định số 40/2018/NĐ-CP có hiệu lực (danh sách ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp) tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động.</p>
401	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000631.000.00.0 0.H53	Quản lý bán hàng đa cấp	<p>- Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.</p> <p>Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến đầu mối tại địa phương, bao gồm: 01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực Phiếu lý lịch tư pháp; 01 bản sao chứng thực xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương; 01 văn bản chỉ định quy định rõ phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ của các bên.”.</p> <p>Đối với trường hợp chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP, tài liệu có liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung bao gồm:</p> <p>01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương</p>
402	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000619.000.00.0 0.H53	Quản lý bán hàng đa cấp	<p>- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp.</p> <p>- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán hàng</p>

				đa cấp phát sinh tại địa phương.
403	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	2.000609.000.00.0 0.H53	Quản lý bán hàng đa cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.</li> <li>- Nội dung, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến.</li> <li>- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên.</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo.</li> <li>- Thông tin tài khoản hoặc đường dẫn truy cập vào hội nghị, hội thảo, đào tạo trong trường hợp tổ chức theo hình thức trực tuyến.</li> </ul>
404	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000191.000.00.0 0.H53	Quản lý cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.</li> <li>- Dự thảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.</li> </ul>
405	Đăng ký thực hiện khuyến mại mang tính may rủi	2.000004.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại</li> <li>- Thẻ lệ Chương trình khuyến mại</li> <li>- Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng trúng thưởng</li> <li>- Giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật</li> </ul>
406	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại mang tính may rủi	2.000002.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại</li> </ul>
407	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000131.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại</li> </ul>
408	Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm	2.000001.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại</li> </ul>

	thương mại tại Việt Nam				
409	Thông báo hoạt động khuyến mại	2.000033.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	- Thông báo thực hiện chương trình khuyến mại	
410	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2.001474.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	
411	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002604.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.  - Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong 01 năm gần nhất  - Văn bản bổ nhiệm và lý lịch của người đứng đầu, của các nhân sự thuộc Văn phòng đại diện tại Việt Nam	
412	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002605.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	- Văn bản đề nghị sửa đổi cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	
413	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002606.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	- Văn bản đề nghị Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở Văn phòng đại diện cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện  - Văn bản đề nghị Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến chuyển trụ sở Văn phòng đại diện đến cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	
414	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002607.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	- Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện  - Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong năm tài chính gần nhất  - Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	

415	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002608.000.00.0 0.H53	Xúc tiến Thương mại	- Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện	
416	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại tây ninh có trụ sở văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao	2.000063.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện</li> <li>- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam).</li> <li>- Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện (phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).</li> <li>- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất (phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).</li> <li>- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện (phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).</li> </ul>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</li> <li>- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật. Văn phòng đại diện không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.</li> </ul>
417	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại tây ninh có trụ sở văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao	2.000450.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<p><b>Đối với trường hợp hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc từ khu công nghiệp, khu kinh tế</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện</li> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi</li> <li>- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> <li>- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</li> <li>- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật. Văn phòng đại diện không được cho mượn,</li> </ul>



				<p>cho thuê lại trụ sở.</p> <p><b>Đối với trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện</li> </ul>
418	<p>Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại tây ninh có trụ sở văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao</p>	2.000347.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện</li> <li>* Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài (Tài liệu này phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam).</li> </ul> </li> <li>* Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện;</li> <li>- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi</li> </ul> </li> <li>- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> </ul>

				<p><b>Đối với trường hợp thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện; thay đổi nội dung hoạt động của văn phòng đại diện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện</li> <li>- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> </ul>
419	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại tây ninh có trụ sở văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao	2.000327.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký</li> <li>- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam).</li> <li>- Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất (phải dịch ra tiếng việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam).</li> <li>- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> </ul>
420	Châm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại tây ninh có trụ sở văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế	2.000314.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc châm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại</li> </ul>

xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao		<p>Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được cơ quan cấp phép đồng ý gia hạn) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP).</li> <li>- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội</li> <li>- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động</li> <li>- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> </ul> <p><b><i>* Đối với trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến tỉnh Tây Ninh và có trụ sở Văn phòng đại diện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP</li> <li>- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> </ul>
--------------------------------------	--	---

421	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</li> <li>- Bản giải trình cơ sở bán lẻ</li> <li>- Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; kế hoạch tài chính; kèm theo tài liệu về tài chính</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn</li> <li>- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh (nếu có).</li> </ul>
422	Gia hạn giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1.001441.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</li> <li>- Bản giải trình cơ sở bán lẻ</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn</li> <li>- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh</li> </ul>
423	Cấp lại giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000665.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</li> </ul>
424	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất</li> <li>- Bản giải trình</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn</li> <li>- Bản giải trình các tiêu chí ENT</li> </ul>
425	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán	2.000322.000.00.0	Thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán</li> </ul>

	lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	0.H53	quốc tế	lẻ - Bản giải trình - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn - Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện về địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.
426	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m <sup>2</sup>	2.000334.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ - Bản giải trình - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn
427	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000339.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ - Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Bản sao Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh. - Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ. - Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.
428	Cấp giấy phép cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ent)	1.000774.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ - Bản giải trình cơ sở bán lẻ - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn. - Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập

				<p>ơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản giải trình các tiêu chí ENT</li> </ul>
429	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế	2.000361.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</li> <li>- Bản giải trình cơ sở bán lẻ</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> <li>- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</li> </ul>
430	Giấy phép kinh doanh đồng thời là giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000272.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh</li> <li>- Bản giải trình</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</li> <li>- Bản giải trình</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).</li> </ul>
431	Điều chỉnh giấy phép kinh doanh cho các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh</li> <li>- Trường hợp thay đổi nội dung về Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính phải cung cấp: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh</li> <li>- Trường hợp thay đổi nội dung về chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập; Hàng hóa</li> </ul>

				<p>phân phối; Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; Các nội dung khác phải cung cấp: Bản giải trình Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh, Kế hoạch kinh doanh, Kế hoạch tài chính, Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa</p> <p>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</p>
432	Cấp lại giấy phép kinh doanh cho các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000340.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại do tổ chức Chuyên địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác).</p>
433	Cấp giấy phép kinh doanh cho các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện các dịch vụ khác gồm: Cung cấp dịch vụ logistics, trừ các phân ngành dịch vụ logistics mà Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; cho thuê hàng hóa, không bao gồm cho thuê tài chính, trừ cho thuê trang thiết bị xây dựng có người vận hành; cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại, không bao gồm dịch vụ quảng cáo; cung cấp dịch vụ trung gian thương mại;	2.000351.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh</p> <p>- Bản giải trình</p> <p>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</p>

	cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; cung cấp dịch vụ tổ chức đấu thầu hàng hóa, dịch vụ.			
434	Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các mặt hàng là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ</li> <li>- Bản giải trình</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> <li>- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> </ul>
435	Quy trình cấp giấy phép kinh doanh cho các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000361.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh</li> <li>- Bản giải trình</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> <li>- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> </ul>
436	Cấp giấy phép kinh doanh cho các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa thông thường	2.000255.000.00.0 0.H53	Thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh</li> <li>- Bản giải trình</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> </ul>
437	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong	1.011506.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công</li> </ul>



	lĩnh vực công nghiệp			<p>nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất.</li> <li>- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</li> <li>- Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hoá chất.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> </ul>
438	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011507.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> </ul>
439	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011508.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> </ul>
440	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001547.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> <li>- Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.</li> <li>- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</li> <li>- Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> </ul>
441	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001175.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</li> </ul>
442	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất,	2.001172.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh</li> </ul>

	kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			<p>có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> </ul>	
443	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.002758.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> <li>- Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.</li> <li>- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</li> <li>- Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</li> </ul>	
444	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001161.000.00.0 0.H53	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</li> </ul>	
445	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ	2.000652.000.00.0	Hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ</li> </ul>	

	điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	0.H53		điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
446	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001434.000.00.0 0.H53	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; - Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí(đối với các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí) hoặc Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc bản sao Hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản uỷ quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp (đối với đơn vị thi công công trình); - Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng VLNCN (đối với công trình quy mô công nghiệp); - Phương án thi công, khai thác ( đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công). Lưu ý: Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải đảm bảo điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Phương án nổ mìn được lãnh đạo ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử-văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 điều 41 của Luật số 14 đồng ý bằng văn bản; - Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

				<p>đối với kho VLNCN và điều kiện đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng VLNCN không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển VLNCN với tổ chức có kho, phương tiện vận chuyển VLNCN bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh VLNCN để cung ứng VLNCN đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng VLNCN; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng VLNCN (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn;</li> <li>- Giấy giới thiệu người đến liên hệ nộp hồ sơ.</li> </ul>
447	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001433.000.00.0 0.H53	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoạt động sử dụng VLNCN trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp;</li> <li>- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự;</li> <li>- Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí (đối với các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí) hoặc Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc bản sao Hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp (đối với đơn vị thi công công trình);</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng VLNCN (đối với công trình quy mô công nghiệp);</li> <li>- Phương án thi công, khai thác (đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công). Lưu ý: Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải đảm bảo điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</li> <li>- Phương án nổ mìn được lãnh đạo ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử-văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 điều 41 của Luật số 14 đồng ý bằng văn bản;</li> <li>- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho VLNCN và điều kiện đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng VLNCN không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển VLNCN với tổ chức có kho, phương tiện vận chuyển VLNCN bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh VLNCN để cung ứng VLNCN đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn;</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng VLNCN; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>có liên quan đến sử dụng VLNCN (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn;</p> <p>- Giấy giới thiệu người đến liên hệ nộp hồ sơ.</p>
448	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.003401.000.00.0 0.H53	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>- Văn bản đề nghị thu hồi</p> <p>- Giấy giới thiệu người đến liên hệ nộp hồ sơ.</p>
449	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000229.000.00.0 0.H53	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>- Giấy đề nghị Theo mẫu;</p> <p>- Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;</p> <p>- Ảnh của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;</p>
450	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000210.000.00.0 0.H53	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>- Giấy đề nghị cấp lại;</p> <p>- Ảnh của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn</p>
451	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000221.000.00.0 0.H53	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>- Giấy đề nghị;</p> <p>- Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn</p> <p>- Ảnh của người trong danh sách đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn</p> <p>- Tài liệu huấn luyện chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.</p>
452	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000172.000.00.0 0.H53	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	<p>- Giấy đề nghị cấp lại;</p> <p>- Ảnh của người trong danh sách đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.</p>

453	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	2.000046.000.00.0 0.H53	Khoa học Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 của Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</li> <li>- Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp.</li> <li>- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá.</li> <li>- Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hóa.</li> <li>- Thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.</li> </ul>	
454	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	2.001561.000.00.0 0.H53	Điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương.</li> <li>- Danh sách trích ngang chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ nhiệm, chức danh giám sát trưởng và các chuyên gia tư vấn khác theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương.</li> <li>- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn (Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc giấy xác nhận của chủ đầu tư công trình, dự án đã thực hiện hoặc các tài liệu có giá trị tương đương).</li> </ul>	
455	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	2.001632.000.00.0 0.H53	Điện	<p><b>1. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép</b></p> <p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p>	



				<p><b>2. Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> <li>- Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.</li> </ul>
456	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	2.001617.000.00.0 0.H53	Điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 kèm theo.</li> <li>- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> <li>- Bản sao văn bản chấp thuận hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp pháp luật về đầu tư có quy định hoặc Quyết định đầu tư của chủ đầu tư; bản sao văn bản phê duyệt quy hoạch công trình của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về môi trường.</li> <li>- Bản sao Quyết định phê duyệt Quy trình vận</li> </ul>

				<p>hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tổ máy hoặc hệ thống pin năng lượng mặt trời; bản sao tài liệu xác định thông số chính của nhà máy điện (thông số tua bin, máy phát hoặc tâm pin, bộ chuyển đổi; máy biến áp chính).</li> <li>- Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện).</li> <li>- Đối với nhà máy thủy điện: Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện, phương án bảo vệ đập và hồ chứa nước, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, báo cáo kiểm định an toàn đập (đối với trường hợp đập đã đến thời hạn kiểm định theo quy định).</li> </ul>
457	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	2.001549.000.00.0 0.H53	Điện	<p><b>1. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép</b> Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p> <p><b>2. Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực</b> - Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT. - Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý</p>

				vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.
458	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương	2.001249.000.00.0 0.H53	Điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương.</li> <li>- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trường ca vận hành theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> <li>- Danh mục các hạng mục công trình lưới điện (trang thiết bị công nghệ, đường dây, trạm biến áp) và phạm vi lưới điện do tổ chức đang quản lý. Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt các hạng mục công trình lưới điện (trang thiết bị công nghệ, đường dây, trạm biến áp).</li> <li>- Bản sao Thỏa thuận đấu nối hoặc Hợp đồng đấu nối vào hệ thống điện quốc gia; Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.</li> </ul>
459	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương	2.001724.000.00.0 0.H53	Điện	<p><b>1. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép</b> Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p> <p><b>2. Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực</b> - Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt</p>

				<p>động điện lực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự</li> </ul>
460	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	2.001535.000.00.0 0.H53	Điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.</li> <li>- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kinh doanh theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> </ul>
461	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	2.001266.000.00.0 0.H53	Điện	<p><b>1. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép</b></p> <p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.</p> <p><b>2. Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.</li> <li>- Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài</li> </ul>

				liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.
462	Huấn luyện và cấp thẻ an toàn điện	2.000621.000.00.0 0.H53	Điện	Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động.
463	Cấp lại thẻ an toàn điện	2.000643.000.00.0 0.H53	Điện	Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động.
464	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	2.000638.000.00.0 0.H53	Điện	Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động.
<b>IX. Thủ tục hành chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý</b>				
465	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2.001.610	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân. (iii) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; (iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. (ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ</p>

			<p>doanh nghiệp tư nhân.</p> <p>(iii) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của chủ doanh nghiệp tư nhân (phải có chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân).</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p>(iii) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của chủ doanh nghiệp tư nhân (phải có chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân).</p> <p>(iv) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(v) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;</p> <p>(vii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p>
--	--	--	---

				<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
466	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	2.001.583	Đăng ký kinh doanh	<p><i>Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p>	

			<p>(ii) Điều lệ công ty</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul> <p><u><i>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</i></u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý</li> </ul>
--	--	--	---



			<p>của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iv) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>(v) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức).</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được</p>
--	--	--	---

			<p>hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức).</p> <p>(v) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vi) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>
--	--	--	--

			<p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(iv) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><u><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</i></u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(iv) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động</p>
--	--	--	--

			<p>hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực</p>
--	--	--	--

				hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
467	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	2.001.199	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.  (ii) Điều lệ công ty.  (iii) Danh sách thành viên.  (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</li> </ul> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.  (ii) Điều lệ công ty.  (iii) Danh sách thành viên.</p>

			<p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</li> <li>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> </ul> <p>(v) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh,</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>(ii) Điều lệ công ty.</li> <li>(iii) Danh sách thành viên.</li> <li>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul>
--	--	--	---

			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</li> <li>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> <li>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul> <p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của các thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức).</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>(ii) Điều lệ công ty.</li> <li>(iii) Danh sách thành viên.</li> <li>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	--



			<p>viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vi) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;</p> <p>(viii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Danh sách thành viên.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p>
--	--	--	---

			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</li> <li>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> <li>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul> <p>(v) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><u><i>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</i></u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>(ii) Điều lệ công ty.</li> <li>(iii) Danh sách thành viên.</li> <li>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</li> <li>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	--

			<p>sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(v) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký</p>
--	--	--	--

				<p>doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
468	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	2.002.043	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Đăng ký thành lập doanh nghiệp công ty cổ phần:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>

			<p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>– iấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh,</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn,</p>
--	--	--	--

			<p>mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập);</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>– Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp</p>
--	--	--	--

				<p>hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nêu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nêu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;</p> <p>(vi) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(viii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p>
--	--	--	--	---



			<p>– Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành</p> <p>(v) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Điều lệ công ty;</p> <p>(iii) Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư</p>
--	--	--	---

			<p>nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(v) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được</p>
--	--	--	--

				<p>giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức</p>
469	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2.002.042	Đăng ký kinh doanh	<p><b>a) Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Danh sách thành viên.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức</p>

			<p>kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.  (ii) Điều lệ công ty.  (iii) Danh sách thành viên.  (iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:  – Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.  Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;  (v) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh,  (vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội:</u></p>
--	--	--	---

			<p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Danh sách thành viên.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul> <p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của các thành viên hợp danh).</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện:</u></p> <p>(i) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Điều lệ công ty.</p> <p>(iii) Danh sách thành viên.</p> <p>(iv) Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của các thành viên hợp danh).</p> <p>(vi) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(vii) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;</p> <p>(viii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức..</p>
470	<p>Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	2.002.041	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh</i></p>

				<p><u>nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
471	Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp	1.005.169	Đăng ký kinh doanh	(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký	



<p>(đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>			<p>doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc đổi tên doanh nghiệp.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
472	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	2.002.011	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty hợp danh quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên hợp danh mới.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký</li> </ul>

				<p>doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
473	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	200.201	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật.</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật mới.</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; nghị quyết và bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đối với</p>

			<p>công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên:</u></p> <p>Hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên được thay thế bằng bản sao văn bản xác nhận việc người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định:</p> <p>(i) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật.</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với</p>
--	--	--	---

			<p>người đại diện theo pháp luật mới.</p> <p>(iii) Bản sao văn bản xác nhận việc người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch</li> </ul>
--	--	--	--

				<p>vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
474	<p>Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	2.002.009	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh đăng ký thay đổi vốn điều lệ:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật</p>

			<p>Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp công ty đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách thành viên công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi.</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ</u></p>
--	--	--	--

			<p><u>phần</u></p> <p>(i) Thông báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</p> <p>(ii) Nghị quyết và bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần.</p> <p><u>Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giám vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật</p>
--	--	--	--



			<p>Đầu tư.</p> <p>(iv) Báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
475	<p>Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</p>	2.002.008	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Trường hợp tiếp nhận thành viên mới dẫn đến tăng vốn điều lệ công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty;</p> <p>(v) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần</p>

			<p>vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp</p>
--	--	--	---

			<p>phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 47 Luật Doanh nghiệp:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p>
--	--	--	--

			<p>(ii) Danh sách thành viên còn lại của công ty. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn.</p> <p><u><i>Đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp:</i></u></p> <p>(i) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>- Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</li> <li>- Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;</li> <li>- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy</li> </ul>
--	--	--	---

			<p>quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> <li>– Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</li> </ul> <p>(ii) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>– Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</li> <li>– Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>mới;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;</li> <li>– Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</li> <li>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> <li>– Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</li> </ul> <p><u><i>Đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ:</i></u></p> <p>(i) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán được Hội đồng thành viên chấp thuận trở thành thành viên công ty theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó, giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ:</p>
--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>- Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</li> <li>- Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</li> <li>- Hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ;</li> <li>- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</li> <li>- Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> <li>- Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</li> </ul>
--	--	--	---



			<p>(ii) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán sử dụng phần vốn góp đó để chào bán và chuyển nhượng cho người khác theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP kèm theo hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>– Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</li> <li>– Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;</li> <li>– Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</li> <li>– Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</li> <li>– Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp</li> </ul>
--	--	--	---

			<p>thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>– Hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định chia, tách công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định chia công ty (trong trường hợp thay đổi thành viên do chia công ty); Nghị quyết, quyết định tách công ty (trong trường hợp thay đổi thành viên do tách công ty);</p> <p>(v) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ</p>
--	--	--	--

			<p>chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định hợp nhất công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ</p>
--	--	--	---

			<p>chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định sáp nhập công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p>
--	--	--	--

			<p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập.</p> <p>(viii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu</p>
--	--	--	---

			<p>hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
476	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.005.114	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc</p>	

			<p>các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>
--	--	--	---



				<p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>
--	--	--	--	---

			<p>(iv) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ</p>
--	--	--	--

			<p>phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định chia, tách công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định chia công ty; nghị quyết, quyết định tách công ty;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ</p>
--	--	--	--

			<p>phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u><i>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định họp nhất công ty:</i></u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>
--	--	--	--

			<p>(v) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định sáp nhập công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p>
--	--	--	--

			<p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh</u></p>
--	--	--	--

				<p><u>nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
477	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng	2.002.000	Đăng ký kinh doanh	(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có chữ ký của người bán, người tặng cho	

<p>cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết</p>		<p>và người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; chữ ký của người thừa kế đối với trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế;</p> <p>(iii) Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán doanh nghiệp tư nhân; hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho doanh nghiệp tư nhân; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được</li> </ul>
--	--	--



				<p>giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
478	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.001.996	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá</p>

				<p>nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
479	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2.001.993	Đăng ký kinh doanh	<p>Thông báo về việc thay đổi vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp</i></p>

				<p><u>nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>	
480	Thông báo thay đổi thông tin của cổ	2.002.044	Đăng ký kinh doanh	Trường hợp thay đổi thông tin của cổ đông sáng	

<p>đồng sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết</p>		<p>lập quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần, trong đó không bao gồm thông tin về cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản</li> </ul>
--	--	---

				<p>sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
481	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	2.001.992	Đăng ký kinh doanh	<p>+ <i>Trường hợp công ty cổ phần chưa niêm yết thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Doanh nghiệp. Hồ sơ gồm:</i></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận</p>

			<p>chuyên nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
482	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	2.001.954	Đăng ký kinh doanh	<p>Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được</li> </ul>

				<p>giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
483	<p>Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	2.002.069	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</u></p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn</u></p>



			<p><u>phòng đại diện của doanh nghiệp xã hội</u>, ngoài các giấy tờ tại mục (i), (ii), (iii) nêu trên thì hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng</u>, ngoài các giấy tờ tại mục (i), (ii), (iii) nêu trên thì phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của</p>
--	--	--	---

			<p>Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iv) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng</u> ngoài các giấy tờ tại mục (i),(iii) nêu trên thì phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iii) Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><u>Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</u> ngoài các giấy tờ tại mục (i), (ii), (iii) nêu trên thì phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>(i) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh</p>
--	--	--	--

			<p>nghiệp ký;</p> <p>(ii) Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iv) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được</li> </ul>
--	--	--	--

				<p>giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
484	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002.070	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.</p> <p>(ii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký</p>

				<p>doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
485	<p>Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp</p>	2.002.031	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</u> hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:</p> <p>– Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</p>

<p>hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> <li>– Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> </ul> <p>(ii) Thông báo lập địa điểm kinh doanh</p> <p>Thông báo lập địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p><u>Đối với hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</u></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> </ul> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin</p>
--	--	--	---

			<p>đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Đối với hồ sơ đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo:</u></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.</li> </ul> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký</p>
--	--	--	---

			<p>đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuê của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Đối với hồ sơ chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</u></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> </ul> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuê của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p>
--	--	--	---



			<p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực</p>
--	--	--	--

				hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.	
486	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	2.002.075	Đăng ký kinh doanh	<p>i) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(ii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p>(iv) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>(v) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này.</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p>	

				<p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
487	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	2.002.072	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Thông báo lập địa điểm kinh doanh</u></p> <p>Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p><u>Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng</u></p>

			<p>(i) Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, kèm theo bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><u>Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</u></p> <p>(i) Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, kèm theo bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p><u>Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là doanh nghiệp xã hội</u></p> <p>(i) Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp là doanh nghiệp xã</p>
--	--	--	---

			<p>hội, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ</p>
--	--	--	--

				<p>buu chính không phải là buu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
488	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p>	2.002.045	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</u></p> <p>Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p><u>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>(ii) Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>(ii) Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi</p>

			<p>nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iii) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, ngoài hai loại giấy tờ tại mục 1 và 2 nêu trên, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.</p> <p><u><i>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam</i></u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>(ii) Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>(iii) Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, ngoài hai loại giấy tờ tại mục 1 và 2 nêu trên, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>
--	--	--	--

			<p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ</p>
--	--	--	---



489	<p>Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</p>	1.005.176	Đăng ký kinh doanh	<p>chức.</p> <p><u>Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</u></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:</li> <li>+ Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký.</li> <li>+ Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> <li>+ Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> <li>- Thông báo lập địa điểm kinh doanh:</li> <li>+ Thông báo lập địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</li> </ul> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận</p>
-----	--	-----------	--------------------	---

			<p>đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p> <p><u>Đối với hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</u></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> </ul> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p> <p>(v) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký</p>
--	--	--	---

			<p>đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Đối với hồ sơ tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</u></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.</li> </ul> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p> <p>(v) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin</p>
--	--	--	--

			<p>đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Đối với hồ sơ chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</u></p> <p>(i) Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> </ul> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;</p> <p>(v) Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin</p>
--	--	--	--

			<p>đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(vi) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này;</p> <p>(vii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
490	<p>Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền</p>	1.010.026	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</li> </ul> <p><u>Thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, hồ sơ gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.</li> </ul> <p><u>Trường hợp thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, hồ sơ gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân;</li> <li>(ii) Bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng.</li> </ul> <p><u>Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền, hồ sơ gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>

			<p>– Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực</p>
--	--	--	---

				hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
491	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	2.002.085	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty mới (Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p> <p>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul>



			<p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Danh sách thành viên.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Điều lệ công ty;</li> <li>- Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại</p>
--	--	--	---

			<p>diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.</p> <p><u>Trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội mới trên cơ sở chia doanh nghiệp</u>, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP</p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty mới (Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p>
--	--	--	--

			<p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Danh sách thành viên.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại</p>
--	--	--	---

			<p>diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <p>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>– Điều lệ công ty;</p> <p>– Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>– Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao</p>
--	--	--	---

			<p>giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới</p>
--	--	--	---

				<p>thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
492	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	2.002.083	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty được tách (công ty mới)(Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p> <p>* <i>Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Điều lệ công ty.</li> <li>– Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại</li> </ul>

			<p>diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Danh sách thành viên.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp</p>
--	--	--	--

			<p>pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Điều lệ công ty;</li> <li>- Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty</p>
--	--	--	---



				<p>theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><u>Trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội mới trên cơ sở tách doanh nghiệp</u>, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần của công ty được tách (công ty mới)(Điều 23, Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>
--	--	--	--	--

			<p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Danh sách thành viên.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ul> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Điều lệ công ty;</li> </ul>
--	--	--	---

			<p>– Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>– Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p>(iv) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá</i></p>
--	--	--	--

			<p><u>nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
--	--	--	--

493	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002.059	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)</u></p> <p>(i) Các giấy tờ quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p>* <i>Đăng ký thành lập công ty hợp danh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Điều lệ công ty.</li> <li>– Danh sách thành viên.</li> <li>– Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> </ul> <p>* <i>Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Điều lệ công ty.</li> </ul>
-----	---	-----------	--------------------	---

			<p>– Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <p>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>– Điều lệ công ty.</p> <p>– Danh sách thành viên.</p> <p>– Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản</p>
--	--	--	--

			<p>cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><i>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần:</i></p> <p>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>– Điều lệ công ty;</p> <p>– Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>– Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia</p>
--	--	--	--

			<p>thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>(ii) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất;</p> <p>(iv) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới;</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được</li> </ul>
--	--	--	---



				<p>giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
494	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)</p>	2.002.060	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Trường hợp công ty nhận sáp nhập đăng ký thay đổi thành viên hợp danh</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty hợp danh quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên hợp danh mới;</p> <p>(iv) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thông qua hợp đồng sáp nhập</p>

			<p>của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Trường hợp công ty nhận sáp nhập (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh) đăng ký thay đổi vốn điều lệ:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(iv) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai</p>
--	--	--	---

			<p>thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Trường hợp công ty nhận sáp nhập đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách thành viên công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong</p>
--	--	--	--

			<p>trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quyết định sáp nhập công ty</u></p>
--	--	--	--

			<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp</p>
--	--	--	--

			<p>đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(viii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định sáp nhập công ty</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản</p>
--	--	--	---

			<p>sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quyết định sáp nhập công ty</u></p>
--	--	--	--

			<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>(iv) Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội</p>
--	--	--	--



			<p>đồng cổ đồng đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;</p> <p>(viii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
495	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách hạn, công ty cổ phần)</p>	2.002.057	<p>Đăng ký kinh doanh</p>	<p><u>Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà công ty bị tách thay đổi vốn điều lệ</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>(iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp</p>

			<p>phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><u>Trường hợp công ty bị tách đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ</p>
--	--	--	---

			<p>phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quyết định tách công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>(iv) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(v) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên.</p> <p>(vi) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ</p>
--	--	--	--

			<p>chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(vii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn</p> <p><u>Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định tách công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>(ii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(iii) Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần</p>
--	--	--	--

			<p>vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(v) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vi) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><u>Trường hợp thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quyết định tách công ty:</u></p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>(iv) Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp</p>
--	--	--	---

			<p>pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>(vi) Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(vii) Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp</li> </ul>
--	--	--	---

			<p>và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</li> </ul> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới</li> </ul>
--	--	--	---



				<p>thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
496	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	2.002.034	Đăng ký kinh doanh	<p>Các giấy tờ quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định 01/2021/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm c khoản 4 Điều 23 và điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định 01/2021/NĐ-CP và các giấy tờ kèm theo khác như sau:</p> <p><u>Trường hợp chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần:</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty cổ phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>– Điều lệ công ty;</li> <li>– Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</li> </ul>

			<p>– Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần</p>
--	--	--	--

			<p>vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên:</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc</p>
--	--	--	--

			<p>chuyển đổi công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Danh sách thành viên.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	---

			<p>đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(iv) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>(v) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá</i></p>
--	--	--	---

			<p><u><i>nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
--	--	--	---

497	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002.032	Đăng ký kinh doanh	<p>Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại các Điều 22, 23 và 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22, điểm c khoản 4 Điều 23 và điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p> <p><u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh:</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty hợp danh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Điều lệ công ty.</li> <li>– Danh sách thành viên.</li> <li>– Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>(iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p>
-----	--	-----------	--------------------	---

			<p>(iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>(v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần:</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty cổ phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Điều lệ công ty;</li> <li>- Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	---



			<p>của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>(iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>(iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>(v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp</p>
--	--	--	--

			<p>phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên:</u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>(iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>(iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng</p>
--	--	--	--

			<p>văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>(v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u><i>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</i></u></p> <p>(i) Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Danh sách thành viên.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	---

			<p>đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>(iii) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>(iv) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>(v) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật</p>
--	--	--	--

			<p>Đầu tư.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy</p>
--	--	--	---

				quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
498	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002.033	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 Nghị định số 01/2020/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm c khoản 4 Điều 23 Nghị định số 01/2020/NĐ-CP.</p> <p><i>* Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Danh sách thành viên.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền;</li> </ul> </li> </ul> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p>

			<p>(iii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp của cá nhân, tổ chức khác và giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới trong trường hợp huy động vốn góp của thành viên mới;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
499	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.010.027	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;</p> <p><i>* Hồ sơ đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ công ty.</li> <li>- Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ul>



			<p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>(ii) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; Hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất công ty;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;</p> <p>(iv) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá</p>
--	--	--	--

				<p>nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
500	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	2.002.018	Đăng ký kinh doanh	<p>Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký địa</p>

			<p>điêm kinh doanh.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy</p>
--	--	--	---

				quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.	
501	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	2.002.017	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế</p> <p>(ii) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> </ul>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</li> </ul>
502	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2.002.015	Đăng ký kinh doanh	<p>Thông báo đề nghị cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục</li> </ul>

				<p>liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
503	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	2.002.029	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(ii) Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo Thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng</p>

			<p>kinh doanh.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích</li> </ul>
--	--	--	---

				thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.
504	Giải thể doanh nghiệp	2.002.023	Đăng ký kinh doanh	<p>Thủ tục giải thể doanh nghiệp trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 207 của Luật Doanh nghiệp được thực hiện như sau:</p> <p><u><i>Bước 1: Thông báo việc giải thể doanh nghiệp tới Phòng đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i></u></p> <p>– Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể quy định tại khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.</p> <p>– Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế. Doanh nghiệp thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với Cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.</p> <p><u><i>Bước 2: Sau khi thanh toán hết các khoản nợ, doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký giải thể đến</i></u></p>



			<p><u>Phòng đăng ký kinh doanh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.</li> <li>– Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.</li> <li>– Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được thông báo kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của doanh nghiệp và ý kiến</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>phản đối bằng văn bản của bên có liên quan, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.</p> <p><b><u>Giải thể doanh nghiệp:</u></b></p> <p><i>* Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Phương án giải quyết nợ (nếu có).</p> <p><i>* Thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);</p> <p><u><i>Trường hợp giải thể đối với doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viên trợ, tài trợ đã nhận:</i></u></p>
--	--	--	---

			<p><i>* Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Phương án giải quyết nợ (nếu có).</p> <p><i>* Thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);</p> <p>(iii) Bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận.</p> <p><u><i>Trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đăng ký giải thể:</i></u></p> <p><i>* Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh,</p>
--	--	--	--

			<p>của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Phương án giải quyết nợ (nếu có).</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p><i>* Thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).</p> <p><u><i>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</i></u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp</li> </ul>
--	--	--	--

				<p>dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
505	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	2.002.022	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án</u></p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);</p> <p><u>Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án đối với doanh nghiệp xã</u></p>

			<p><i>hội</i>: Trường hợp doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ đã nhận, thì hồ sơ giải thể phải có thêm bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận:</p> <p>(i) Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);</p> <p>(iii) Bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực</li> </ul>
--	--	--	--

				<p>hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
506	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002.020	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước:</u></p> <p>(i) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><u>Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh ở trong nước:</u></p> <p>Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh,</p>

			<p>văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p><u>Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài:</u></p> <p>Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người</li> </ul>
--	--	--	---



				<p>có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
507	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	2.002.016	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Trường hợp hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh:</u></p> <p>Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin.</p> <p><u>Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:</u></p> <p>(i) Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin;</p> <p>(ii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy</p>

			<p>chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
508	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2.000.368	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo về việc chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về việc chấm dứt Cam kết, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục</p>

				<p>liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p> <p>Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
509	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2.000.416	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách</p>	

			<p>nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung Cam kết.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>nghiệp.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p> <p>Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>
510	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2.000.375	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường;</p> <p>(ii) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung thay đổi của Cam kết.</p> <p><i><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></i></p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</li> </ul> <p>Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo</p>
--	--	--	--

				thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
511	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1.010.029	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Thông báo chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập;</p> <p>(ii) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục</li> </ul>



				<p>liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>
512	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	1.010.030	Đăng ký kinh doanh	<p><u>Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:</u></p> <p>(i) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p>

			<p><u>Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:</u></p> <p>(i) Giấy tờ tương ứng với nội dung đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP;</p> <p>(ii) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(iv) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được</p>
--	--	--	--

				<p>giới thiệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</li> </ul>
513	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.010.031	Đăng ký kinh doanh	<p>(i) Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh;</p> <p>(ii) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>(iii) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá</li> </ul>

				<p>nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</li> </ul>
514	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1.010.010	Đăng ký kinh doanh	<p>Văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp</p> <p><i><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></i></p>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</li> </ul>	
515	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết	1.010.023	Đăng ký kinh doanh	(i) Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết	

<p>định giải thể doanh nghiệp</p>		<p>định giải thể.</p> <p>(ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể.</p> <p><u>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</li> </ul>
-----------------------------------	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>– Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</li> </ul>
516	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	2.001.999	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</li> <li>– Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</li> <li>– Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi. (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</li> </ul>

517	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	2.002.418	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<p>– Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có). (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>– Tài liệu xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu xác định bao gồm:</p> <p>+ Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ; (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>+ Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy</p>
-----	---	-----------	--------------------------------	---



			<p>chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư (Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ; (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</li> <li>+ Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ; (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>nghiệp).</p> <p>+ Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ. (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>– Tài liệu xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến. (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>+ Đối với DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam: Tài liệu xác định quy mô là DNNVV. (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>+ DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi: Tài liệu là tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi. (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p>
--	--	--	---

				<p>nghiệp).</p> <p>+ DNNVV được các doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi: tài liệu là xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi. (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p> <p>Các tài liệu liên quan trực tiếp khác (nếu có). (Số hóa, Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).</p>
518	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	1.005.125	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã ;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết Hội nghị thành lập.</li> <li>- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp (đối với thành lập mới quỹ tín dụng nhân dân).</li> <li>- Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ</li> </ul>

				<p>một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</li> </ul>
519	<p>Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p>	2.002.013	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</li> <li>– Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>– Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>– Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</li> <li>– Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</li> <li>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục</li> </ul>

				<p>liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX</li> </ul>
520	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1.005.003	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã.</li> <li>- Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức</li> </ul> </li> </ul>

				<p>làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</p> <p>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</p>
521	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p>	1.005.047	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện;</li> <li>- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân đối với việc thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh liên hiệp hợp tác xã mà theo quy định phải có chứng chỉ hành nghề.</li> <li>- Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy</li> </ul>

				<p>quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</li> </ul>
522	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	1.005.122	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia liên hiệp hợp tác xã.</li> </ul> <p>- Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến</li> </ul>

				<p>đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</p> <p>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</p>	
523	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	2.001.979	Liên hiệp HTX	<p>– Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>– Điều lệ;</p> <p>– Phương án sản xuất kinh doanh;</p> <p>– Danh sách hợp tác xã thành viên;</p> <p>– Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</p> <p>– Nghị quyết của đại hội thành viên về việc tách liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <p>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</p> <p>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</p>	
524	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	2.001.957	Liên hiệp HTX	<p>– Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>– Điều lệ;</p> <p>– Phương án sản xuất kinh doanh;</p>	



				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc hợp nhất liên hiệp hợp tác xã</li> <li>- Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</li> </ul> </li> </ul>
525	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	1.005.056	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập liên hiệp hợp tác xã</li> <li>- Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó</li> </ul> </li> </ul>

				cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc + Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.
526	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	1.005.072	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh</li> <li>- Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</li> </ul> </li> </ul>
527	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	2.001.962	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Biên bản hoàn thành việc giải thể liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của liên hiệp hợp tác xã;</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy xác nhận của cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>– Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã.</li> <li>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</li> </ul> </li> </ul>
528	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1.005.064	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>– Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>– Điều lệ sửa đổi (trong trường hợp thay đổi điều lệ của liên hiệp hợp tác xã);</li> <li>– Danh sách hợp tác xã thành viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên);</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>– Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên).</li> <li>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</li> </ul> </li> </ul>
529	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	1.005.124	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo về việc góp vốn /mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã</li> <li>– Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã</li> <li>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan</li> </ul> </li> </ul>

				<p>đến đăng ký LHHTX; hoặc</p> <p>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</p>
530	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005.046	Liên hiệp HTX	<p>– Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>– Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <p>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX;</p> <p>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</p>
531	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005.283	Liên hiệp HTX	<p>– Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>– Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa</p>

				<p>điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, địa điểm kinh doanh;</li> <li>– Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</li> <li>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</li> <li>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</li> </ul> </li> </ul>
532	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	2.002.125	Liên hiệp HTX	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</li> <li>– Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</li> <li>– Trường hợp người thành lập liên hiệp HTX ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập LHHTX hoặc LHHTX và tổ</li> </ul> </li> </ul>

				<p>chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX; hoặc</p> <p>+ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký LHHTX.</p>
533	Cấp quyết định hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP	2.000.765	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.
534	Thủ tục xác nhận chuyên gia	2.002.058	Vốn HTPT (ODA) và vốn vay ưu đãi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai xác nhận chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA tại Việt Nam</li> <li>- Bản cam kết không mang quốc tịch Việt Nam của chuyên gia.</li> <li>- Bản sao hộ chiếu (có chứng thực) của chuyên gia và các thành viên trong gia đình chuyên gia, trong đó có trang thị thực nhập cảnh Việt Nam (nếu có) và trang đóng dấu xuất nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.</li> <li>- Bản gốc hoặc bản sao (có chứng thực) các tài liệu sau: (i) Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu dịch vụ tư vấn (cá nhân hoặc nhóm chuyên gia); (ii) Tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm phần danh sách tư vấn).</li> <li>- Văn bản chấp thuận của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong trường hợp có sự thay đổi và bổ sung so với danh sách chuyên gia, tư vấn trong tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</li> <li>- Bản sao hợp đồng tư vấn của chuyên gia (cá nhân hoặc Nhóm chuyên gia) ký với nhà thầu,</li> </ul>

				<p>cơ quan có thẩm quyền Bên Việt Nam hoặc Bên nước ngoài.</p>
535	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009.642	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư;</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</li> <li>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>
536	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009.644	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư;</li> <li>- Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư</li> </ul>



				<p>theo hình thức Hợp đồng BCC);</p> <p>Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</p>
537	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009.645	Đầu tư	<p><b>Thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</b></p> <p>a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;</p> <p>b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</p> <p>c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>d) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi</p>

				<p>trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>đ) Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>e) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p> <p>h) Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p>	
538	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009.646	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
539	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh)	1.009.647	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư:</li> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án</li> </ul>	

				<p>đầu tư, tên nhà đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:</li> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</li> <li>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</li> <li>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>
540	<p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh</p>	1.009.649	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư;</li> <li>- Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC);</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của</li> </ul>

				tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.	
541	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009.650	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có);</li> <li>- Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có);</li> <li>- Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp bên nhận bảo đảm, cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản (nếu có);</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</li> <li>- Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm.</li> </ul>	
542	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư	1.009.652	Đầu tư	– Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	

	trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư;</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> </ul> <p>Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);</p>	
543	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009.653	Đầu tư	<p>Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại;</li> <li>- Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư;</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).</li> </ul>	

544	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009.654	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn;</li> <li>- Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của bên góp vốn;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.</li> </ul>
545	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	1.009.655	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh;</li> <li>- Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với</li> </ul>

				<p>đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất;</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của bên tham gia hợp tác kinh doanh: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>
546	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009.656	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có)</li> </ul>
547	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3	1.009.657	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết</li> </ul>

	Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)			định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	
548	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009.659	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;</li> <li>- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>- Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>	
549	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009.661	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo ngừng hoạt động của dự án đầu tư.</li> </ul>	
550	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009.662	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).</li> <li>- Tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.</li> </ul>	



551	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	1.009.664	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</li> <li>- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</li> </ul> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</li> <li>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong</li> </ul>
-----	--	-----------	--------	--

				<p>dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p> <p>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>(*) Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p>	
552	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009.665	Đầu tư	- Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính.	
553	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009.671	Đầu tư	<p>- Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>- Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</p>	
554	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1.009.729	Đầu tư	<p>- Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức</p>	

				<p>kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.</li> </ul>
555	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009.731	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành;</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành;</li> <li>- Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành;</li> <li>- Bản sao hợp đồng BCC.</li> </ul>

556	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009.736	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn;</li> <li>- Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán;</li> <li>- Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết;</li> <li>- Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế;</li> <li>- Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>- Bản sao hợp đồng BCC.</li> </ul>	
557	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	2.002603	Đầu tư	<p>) Các nội dung trong hồ sơ đề xuất dự án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư gồm thông tin quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu và các nội dung quy định tương ứng tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, cụ thể gồm:</p> <p>(i) Theo quy định tại điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư;</li> <li>- Địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;</li> <li>- Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có);</li> <li>- Nội dung khác có liên quan.</li> </ul>	

				<p>(ii) Theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>
<b>X. Thủ tục hành chính do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý</b>				
558	Thủ tục khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	2.000134.000.00.0 0.H53	An toàn, vệ sinh lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu khai báo sử dụng đối tượng kiểm định;</li> <li>- Bản sao photo Giấy chứng nhận kết quả kiểm định của thiết bị.</li> </ul>
559	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	1.005449.000.00.0 0.H53	An toàn, vệ sinh lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động (Mẫu số 01).</li> <li>- Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện (Mẫu số 02).</li> </ul>
560	<b>Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại,</b>	1.005450.000.00.0	An toàn, vệ sinh	a) Trường hợp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều

	<b>cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)</b>	0.H53	lao động	<p>kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy chứng nhận huấn luyện.</li> <li>- Hồ sơ cập nhật thông tin theo mẫu hồ sơ cấp mới nếu có thay đổi thông tin so với hồ sơ đã được cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung phạm vi hoạt động Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</li> <li>- Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</li> </ul> <p>c) Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận.</p> <p>d) Trường hợp cấp đổi tên tổ chức huấn luyện trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: Văn bản đề nghị cấp đổi tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động và nộp lại bản chính giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện bản chính.</p>
561	Thủ tục hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	2.000111.000.00.0 0.H53	An toàn, vệ sinh lao động	Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo Mẫu số 11 tại Phụ lục của Nghị định 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020
562	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử	2.002341.000.00.0 0.H53	An toàn, vệ sinh lao động	<p>3.1 Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho</li> </ul>

<p>dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyên đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.</p>			<p>người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.</li> <li>- Bản sao có chứng thực các chứng từ thanh toán các chi phí đào tạo theo quy định.</li> </ul> <p>3.2 Hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020.</li> <li>- Bản sao có chứng thực hồ sơ bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.</li> <li>- Bản sao chứng từ thanh toán các chi phí khám bệnh nghề nghiệp theo quy định.</li> </ul> <p>3.3 Hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo Mẫu số 07 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020.</li> <li>- Bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.</li> <li>- Bản sao giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi chữa bệnh nghề nghiệp.</li> <li>- Bản sao chứng từ thanh toán chi phí chữa bệnh nghề nghiệp.</li> </ul> <p>3.4 Hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng</p>
--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động cho người lao động theo Mẫu số 09 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020.</li> <li>- Bản sao có chứng thực giấy chuyển viện đến đơn vị phục hồi chức năng lao động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp phải chuyển viện; đối với trường hợp bệnh viện có khoa phục hồi chức năng, bản sao có chứng thực bệnh án có nội dung chuyển bệnh nhân về khoa phục hồi chức năng.</li> <li>- Bản sao chứng từ thanh toán chi phí phục hồi chức năng, không bao gồm kinh phí cho trang thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng.</li> </ul>
563	<p>Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp</p>	2.002343.000.00.0 0.H53	An toàn, vệ sinh lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp của người lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 đối với người lao động đã nghỉ hưu hoặc thôi việc; hoặc văn bản của người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc theo Mẫu số 05 của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 và bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp, đối với trường hợp người lao động chuyển đến làm việc cho người sử dụng lao động khác.</li> <li>- Bản sao có chứng thực hồ sơ bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp và bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.</li> <li>- Bản sao giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án</li> </ul>



				<p>sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính chứng từ thanh toán các chi phí khám, điều trị bệnh nghề nghiệp theo quy định.</li> </ul>
564	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955.000.00.0 0.H53	Lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị đăng ký Nội quy lao động</li> <li>- Nội quy lao động</li> <li>- Văn bản góp ý của tổ chức đại diện người lao động cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động cơ sở.</li> <li>- Các văn bản của người sử dụng lao động có quy định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có)</li> </ul>
565	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000479.000.00.0 0.H53	Lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</li> <li>- Văn bản chứng minh thời gian đã làm việc trong lĩnh vực cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao</li> </ul>

				<p>động từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kể trước khi đề nghị cấp giấy phép của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là một trong các loại văn bản sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>(Trường hợp các văn bản trên là văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt).</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p>
566	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000464.000.00.0 0.H53	Lao động	<p>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì bổ sung thêm các văn bản sau đây:</p>

			<p>+ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</p> <p>+ Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau: (i) Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; (ii) Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại</p>
--	--	--	---

				hoặc cung ứng lao động). Trường hợp các văn bản này là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).
567	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000448.000.00.0 0.H53	Lao động	<p>* Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép hoặc giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Giấy phép đã được cấp trước đó.</li> </ul> <p>* Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không</li> </ul>

			<p>thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</p> <p>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p>
--	--	--	---

			<p>* Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép bị mất, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</li> <li>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	--

			<p>hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>* Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép, gồm:</p> <p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính mới cấp theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Giấy phép đã được cấp bởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở</p>
--	--	--	--

568	Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000436.000.00.0 0.H53	Lao động	<p>chính trước đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 06/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại đối với trường hợp giấy phép bị mất.</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp theo Mẫu số 09/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản sao hợp đồng cho thuê lại lao động đang còn hiệu lực đến thời điểm đề nghị thu hồi giấy phép.</li> </ul>	
569	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	1.000414.000.00.0 0.H53	Lao động	<p><i>1. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý về việc rút tiền ký quỹ gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</i></p> <p><i>* Thành phần hồ sơ gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại.</li> </ul> <p>Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ, gồm: lý do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách, số lượng người lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê lại gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo</p>	



			<p>hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại sau thời hạn từ 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật; (ii) doanh nghiệp cho thuê lại gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với người lao động thuê lại trong trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép.</p> <p>Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động tại ngân hàng thương mại khác đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài tại Việt Nam khác.</p> <p>2. Hồ sơ rút tiền ký quỹ gửi ngân hàng nhận ký</p>
--	--	--	---

				quỹ, gồm:  * Thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại theo quy định. Văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 02/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Chứng từ rút tiền ký quỹ theo quy định của ngân hàng nhận ký quỹ (nếu có).	
570	Thủ tục thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	1.009466.000.00.0 0.H53	Lao động		
571	Thủ tục thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	1.009467.000.00.0 0.H53	Lao động	Văn bản đề nghị thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể để phù hợp với tình hình thực tế.	
572	Thủ tục xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	2.001949.000.00.0 0.H53	Tiền lương		
573	Thủ tục phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	1.004949.000.00.0 0.H53	Tiền lương		
574	Thủ tục gia hạn giấy phép lao động	1.009811.000.00.0	Việc làm	1. Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép lao động của	

<p>cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam</p>	<p>0.H53</p>	<p>người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p> <p>2. 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>3. Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.</p> <p>4. Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.</p> <p>5. Bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc bản sao hộ chiếu có xác nhận của người sử dụng lao động còn giá trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>7. Một trong các giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã được cấp trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với người lao động nước ngoài di chuyển nội bộ doanh nghiệp phải có văn bản của doanh</li> </ul>
--	--------------	--

			<p>         nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt Nam ít nhất 12 tháng liên tục;       </p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong đó phải có thỏa thuận về việc người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;</li> <li>- Đối với người lao động nước ngoài là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 năm;</li> <li>- Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để chào bán dịch vụ phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ;</li> <li>- Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>tại Việt Nam được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải có văn bản của cơ quan, tổ chức cử người lao động nước ngoài đến làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này và giấy phép hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật thì phải có văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm việc hoặc giấy tờ chứng minh là nhà quản lý.</p> <p>8. Giấy tờ quy định tại các khoản 3, 4, 6 và 7 nêu trên là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì phải hợp pháp hóa lãnh sự và phải dịch ra tiếng Việt và công chứng hoặc chứng thực trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.</p>
575	Thủ tục báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	1.000105.000.00.0 0.H53	Việc làm	Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 70/2023/NĐ-CP hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định

576	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000134.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p>số 70/2023/NĐ-CP</p> <p>1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p> <p>2. Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>3. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp.</p> <p>Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự được cấp không quá 06 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>4. Văn bản, giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật và một số nghề, công việc được quy</p>
-----	---	----------------------------	----------	---

			<p>định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành bao gồm 3 loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận thành lập hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>+ Nghị quyết hoặc Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.</li> </ul> </li> <li>- Giấy tờ chứng minh là chuyên gia, lao động kỹ thuật bao gồm 2 loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận;</li> <li>+ Văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm của chuyên gia, lao động kỹ thuật hoặc giấy phép lao động đã được cấp hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp.</li> </ul> </li> <li>- Văn bản chứng minh kinh nghiệm của cầu thủ bóng đá nước ngoài hoặc giấy chứng nhận chuyển nhượng quốc tế (ITC) cấp cho cầu thủ bóng đá nước ngoài hoặc văn bản của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam xác nhận đăng ký tạm thời hoặc chính thức cho cầu thủ của câu lạc bộ thuộc Liên đoàn bóng đá Việt Nam;</li> </ul>
--	--	--	---

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép lái tàu bay do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận đối với phi công nước ngoài hoặc chứng chỉ chuyên môn được phép làm việc trên tàu bay do Bộ Giao thông vận tải cấp cho tiếp viên hàng không;</li> <li>- Giấy chứng nhận trình độ chuyên môn trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận đối với người lao động nước ngoài làm công việc bảo dưỡng tàu bay.</li> <li>- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc giấy công nhận giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho thuyền viên nước ngoài;</li> <li>- Giấy công nhận thành tích cao trong lĩnh vực thể thao và được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đối với huấn luyện viên thể thao hoặc tối thiểu một trong các bằng cấp như: Bằng B huấn luyện viên bóng đá của Liên đoàn Bóng đá Châu Á (AFC) hoặc bằng huấn luyện viên thủ môn cấp độ 1 của AFC hoặc bằng huấn luyện viên thể lực cấp độ 1 của AFC hoặc bằng huấn luyện viên bóng đá trong nhà (Futsal) cấp độ 1 của AFC hoặc bất kỳ bằng cấp huấn luyện viên</li> </ul>
--	--	--	---



				<p>tương đương của nước ngoài được AFC công nhận;</p> <p>- Văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp đáp ứng quy định về trình độ, trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>5. 02 ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>6. Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.</p> <p>7. Bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc bản sao hộ chiếu có xác nhận của người sử dụng lao động còn giá trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động:</p> <p>- Đối với người lao động nước ngoài di chuyển nội bộ doanh nghiệp phải có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên</p>
--	--	--	--	---

			<p>lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt Nam ít nhất 12 tháng liên tục;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong đó phải có thỏa thuận về việc người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;</li> <li>- Đối với người lao động nước ngoài là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 năm;</li> <li>- Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để chào bán dịch vụ phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ;</li> <li>- Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam được phép hoạt động theo</li> </ul>
--	--	--	---

			<p>quy định của pháp luật Việt Nam phải có văn bản của cơ quan, tổ chức cử người lao động nước ngoài đến làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này và giấy phép hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật thì phải có văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm việc hoặc giấy tờ chứng minh là nhà quản lý.</p> <p>9. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đối với một số trường hợp đặc biệt:</p> <p>- Đối với người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động, đang còn hiệu lực mà có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và cùng chức danh công việc ghi trong giấy phép lao động thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động mới gồm: giấy xác nhận của người sử dụng lao động trước đó về việc người lao động hiện đang làm việc, các giấy tờ quy định tại khoản 1, 5, 6, 7, 8 nêu trên và bản sao có chứng thực giấy phép lao động đã được cấp;</p>
--	--	--	---

			<p>- Đối với người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà thay đổi vị trí công việc hoặc chức danh công việc hoặc hình thức làm việc ghi trong giấy phép lao động theo quy định của pháp luật nhưng không thay đổi người sử dụng lao động thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động mới gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1, 4, 5, 6, 7 và 8 nêu trên và giấy phép lao động hoặc bản sao có chứng thực giấy phép lao động đã được cấp.</p> <p>- Đối với người lao động nước ngoài là chuyên gia, lao động kỹ thuật đã được cấp giấy phép lao động và đã được gia hạn một lần mà có nhu cầu tiếp tục làm việc với cùng vị trí công việc và chức danh công việc ghi trong giấy phép lao động thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động mới gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 5, 6, 7, 8 nêu trên và bản sao giấy phép lao động đã được cấp.</p> <p>10. Hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực các giấy tờ:</p> <p>Các giấy tờ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6 và 8 nêu trên là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật;</p>
--	--	--	---

				dịch ra tiếng Việt và công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
577	Thủ tục cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000192.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p>1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p> <p>2. 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>3. Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp:</p> <p>a) Trường hợp giấy phép lao động còn thời hạn bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan công an cấp xã nơi người nước ngoài cư trú hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trường hợp thay đổi nội dung ghi trên giấy phép lao động thì phải có các giấy tờ chứng minh.</p> <p>4. Giấy tờ quy định tại khoản 3 nêu trên là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực trừ trường hợp giấy phép lao động bị mất, nếu của nước ngoài thì phải hợp pháp hóa lãnh sự và phải dịch ra tiếng Việt và công chứng hoặc chứng thực trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.</p>
578	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	1.000459.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p>1. Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động</p>

				<p>theo Mẫu số 09/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.</p> <p>2. Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>3. Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.</p> <p>4. Bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc bản sao hộ chiếu có xác nhận của người sử dụng lao động còn giá trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Các giấy tờ để chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.</p> <p>6. Các giấy tờ quy định tại điểm 2, 3 và 5 là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì phải hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và công chứng hoặc chứng thực trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.</p>	
579	Thủ tục đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động	2.000219.000.00.0 0.H53	Việc làm	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài theo Mẫu số 04/PLI Phụ lục I ban	

	nước ngoài			hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP hoặc điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 05/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP
580	Thủ tục thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009873.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p>- Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</p> <p>- Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đối với trường hợp giấy phép bị mất.</p> <p>- Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</p>
581	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001865.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp.</p> <p>- Bản sao Giấy xác nhận việc đã thực hiện ký quỹ.</p> <p>- Các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về địa điểm theo quy định: Địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh của doanh nghiệp phải ổn định và có thời hạn từ 03 năm (36 tháng) trở lên; nếu là nhà thuộc sở hữu của người đứng tên đăng ký doanh nghiệp thì trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có giấy tờ hợp lệ, nếu là nhà thuê thì phải có hợp đồng thuê nhà có thời hạn thuê từ 03 năm (36 tháng) trở lên.</p>
582	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001853.000.00.0 0.H53	Việc làm	<b>Đối với trường hợp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã được cấp giấy phép,</b>

			<p><b>người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị huỷ không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép</b></p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</li> <li>- Trường hợp thay đổi tên doanh nghiệp hoặc giấy phép bị huỷ không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép thì bổ sung giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy phép đã được cấp trước đó.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép thì bổ sung các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 năm (36 tháng trở lên).</li> <li>+ Giấy phép đã được cấp trước đó.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì bổ sung các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</li> <li>+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	--



			<p>người đại diện là người nước ngoài không thuộc đối tượng cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài (văn bản này được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật).</p> <p>+ 01 bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu bằng cấp chuyên môn theo quy định: bằng đại học trở lên hoặc một trong các văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm (24 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm).</p>
--	--	--	---

				<p>Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Giấy phép đã được cấp trước đó.</p> <p><b>Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép</b></p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</li> <li>- 01 bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 năm (36 tháng) trở lên.</li> <li>- Giấy phép đã được cấp nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trước đây.</li> </ul>
583	Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001823.000.00.0 0.H53	Việc làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</li> <li>- 01 bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm từ 03 năm (36 tháng) trở lên.</li> <li>- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép đồng thời thay đổi người đại diện theo</li> </ul>

			<p>pháp luật của doanh nghiệp thì bổ sung các văn bản sau đây:</p> <p>+ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</p> <p>+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện là người nước ngoài không thuộc đối tượng cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài (các văn bản này được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật).</p> <p>+ 01 bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu bằng cấp chuyên môn theo quy định: bằng đại học trở lên hoặc một trong các văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm (24 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường</p>
--	--	--	---

				<p>hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p>
584	Thủ tục giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	1.001881.000.00.0 0.H53	Việc làm	
585	Thủ tục rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009874.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p><b>Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.</b></p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp.</li> <li>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm tại ngân hàng nhận ký quỹ khác đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng nhận ký quỹ khác</li> <li>- Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp bị thu</li> </ul>

				<p>hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép.</p> <p>- Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ gồm lý do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách người lao động, người sử dụng lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động, người sử dụng lao động do vi phạm quy định về dịch vụ việc làm sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Hồ sơ rút tiền ký quỹ gửi ngân hàng nhận ký quỹ:</b></p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>* Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp theo quy định.</p> <p>- Văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ- CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.</p>
586	Thủ tục giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001978.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p>- Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động (Mẫu số 03).</p> <p>- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc:</p> <p>+ Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp</p>

			<p>đồng lao động;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định thôi việc;</li> <li>+ Quyết định sa thải;</li> <li>+ Quyết định kỷ luật buộc thôi việc;</li> <li>+ Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc;</li> <li>+ Xác nhận của người sử dụng lao động trong đó có nội dung cụ thể về thông tin của người lao động; loại hợp đồng lao động đã ký; lý do, thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động;</li> <li>+ Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp hoặc hợp tác xã giải thể, phá sản hoặc quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh được bổ nhiệm trong trường hợp người lao động là người quản lý doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã;</li> <li>+ Trường hợp người lao động không có các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động do đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền thì thực hiện theo quy trình sau:</li> </ul> <p>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh gửi văn bản yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan công an, chính quyền</p>
--	--	--	---

			<p>địa phương nơi đơn vị sử dụng lao động đặt trụ sở chính thực hiện xác minh nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản trả lời cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh về nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh.</p> <p>+ Trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm thì giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của hợp đồng đó.”</p> <p>- Sổ bảo hiểm xã hội.</p> <p>Tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện xác nhận về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp và trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.</p> <p>Đối với người sử dụng lao động là các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thì trong thời hạn 30 ngày, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân thực hiện xác nhận về việc đóng bảo</p>
--	--	--	---

				hiêm thất nghiệp và trả số bảo hiểm xã hội cho người lao động kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.	
587	Thủ tục tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001966.000.00.0 0.H53	Việc làm	Văn bản Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng của người lao động theo quy định	
588	Thủ tục tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001973.000.00.0 0.H53	Việc làm	- Dự thảo Quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp. - Giấy tờ chứng minh về việc không thông báo tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định của người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.	
589	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đi)	2.000178.000.00.0 0.H53	Việc làm	Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Mẫu số 10 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015)	
590	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đến)	1.000401.000.00.0 0.H53	Việc làm	- Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Mẫu số 10 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015). - Giấy giới thiệu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp; - Bản chụp quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; - Văn bản đề nghị Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh nơi chuyển đến để tiếp tục thực hiện việc chi trả trợ cấp thất nghiệp.	
591	Thủ tục chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	2.001953.000.00.0 0.H53	Việc làm	- Thông báo (Mẫu số 23 Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015). * Các giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp. Bao gồm một trong các giấy tờ sau: - Quyết định tuyển dụng; hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc; Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Thông báo của người lao động	



				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy triệu tập thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an đối với người thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an.</li> <li>- Quyết định hưởng lương hưu.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về việc 02 lần từ chối nhận việc làm do trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu mà không có lý do chính đáng.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về việc không thông báo về việc tìm kiếm việc làm trong 03 tháng liên tục.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh người lao động định cư ở nước ngoài (xác minh của Xã, phường, thị trấn...). Trường hợp học tập ở nước ngoài thì phải có giấy tờ chứng minh về việc xuất cảnh.</li> <li>- Giấy báo nhập học đối với học tập trong nước.</li> <li>- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm thất nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy chứng tử, xác minh của Xã, phường, thị trấn....</li> <li>- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở cai nghiện bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Quyết định của tòa án tuyên bố mất tích.</li> <li>- Quyết định tạm giam, chấp hành hình phạt tù của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ul>
592	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	2.000148.000.00.0 0.H53	Việc làm	Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm (theo Mẫu số 1 quy định tại Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
593	Thủ tục giải quyết hỗ trợ học nghề	2.000839.000.00.0	Việc làm	- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người lao

		0.H53	<p>động đang chờ kết quả giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu học nghề tại địa phương nơi đang chờ kết quả hoặc đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là đề nghị hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 61/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có nhu cầu học nghề tại địa phương không phải nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bao gồm đề nghị hỗ trợ học nghề Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 61/2020/NĐ-CP và quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp. Quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.</p> <p>- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người lao động không thuộc 02 trường hợp trên bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp;</li> <li>+ Đề nghị hỗ trợ học nghề theo theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 61/2020/NĐ-CP;</li> <li>+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 61/2020/NĐ-CP;</li> <li>+ Sổ bảo hiểm xã hội.</li> </ul> <p>Trường hợp người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng không đáp ứng đủ điều kiện hưởng thì hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề là đề nghị hỗ trợ học nghề theo quy định tại</p>
--	--	-------	---

				<p>khoản 1 Điều 24 Nghị định 61/2020/NĐ-CP và thông báo của trung tâm dịch vụ việc làm về việc người lao động không đáp ứng đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.”</p>
594	Thủ tục thông báo về việc tìm việc làm hàng tháng	1.000362.000.00.0 0.H53	Việc làm	<p>- Thông báo về việc tìm kiếm việc làm (mẫu số 16).</p> <p>- Bản sao các giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng.</p> <p>+ Ốm đau có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;</p> <p>+ Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;</p> <p>+ Bị hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, trừ các trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố;</p> <p>+ Cha, mẹ, vợ/chồng, con của người lao động bị chết; người lao động hoặc con của người lao động kết hôn có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;</p> <p>+ Nghi hưởng chế độ thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền. Riêng đối với trường hợp nam giới có vợ chết sau khi sinh con mà phải trực tiếp nuôi dưỡng con thì giấy tờ xác nhận là giấy khai sinh của con và giấy chứng tử của mẹ;</p> <p>+ Đang trong thời gian tham gia khóa đào tạo nghề theo Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hỗ trợ học nghề và có xác nhận của cơ sở đào tạo nghề.</p>
595	Thủ tục đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	1.005132.000.00.0 0.H53	Quản lý lao động ngoài nước	<p>- Văn bản đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập</p>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Hợp đồng nhận lao động thực tập, có bản dịch bằng tiếng Việt</li> <li>- Tài liệu chứng minh việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</li> <li>- Giấy xác nhận ký quỹ của doanh nghiệp do ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp ký quỹ cấp.</li> </ul>
596	Thủ tục đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	2.002028.000.00.0 0.H53	Quản lý lao động ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký (theo Mẫu số 03a Phụ lục);</li> <li>- Bản sao hợp đồng lao động kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người lao động;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người lao động thường trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người lao động</li> </ul>
597	Thủ tục đề nghị tắt toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày	1.000502.000.00.0 0.H53	Quản lý lao động ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bản chính Công văn đề nghị ngân hàng tắt toán tài khoản ký quỹ đối với hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời hạn dưới 90 ngày.</li> <li>- 01 bản chính báo cáo về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.</li> </ul>
598	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000234.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	<p>a) Văn bản đề nghị giải thể của cơ quan chủ quản đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập; văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p>

				b) Đề án giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).	
599	Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000266.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).	
600	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000031.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập Văn bản đề nghị đổi tên của cơ quan chủ quản theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). b) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).	
601	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000138.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu 2C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số <u>15/2019/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP)	
602	Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000154.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A ban hành kèm theo Nghị định số <u>15/2019/NĐ-CP</u>	
603	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng	1.000167.000.00.0	Giáo dục nghề nghiệp	a) Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu	

	ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	0.H53	ngiệp	1A ban hành kèm theo Nghị định số <u>15/2019/NĐ-CP</u>	
604	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	1.000160.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp		
605	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.000243.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).	
606	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000099.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập, thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP) b) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực, thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);	
607	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm	2.000189.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	- Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ	

	giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp			<p>sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố.</p>	
608	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1.000389.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	<p><i>a) Đối với các trường hợp: (i) Bổ sung ngành, nghề, trình độ đào tạo mới (trừ trường hợp tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào theo quy định); (ii) Vượt quá 10% tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề tại từng địa điểm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; (iii) Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp</i></p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <p>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP)</p> <p>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi đặt trụ sở chính</p> <p><i>b) Đối với trường hợp thành lập phân hiệu có tổ chức hoạt động đào tạo hoặc bổ sung địa điểm</i></p>	

			<p><i>đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp</i></p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</li> <li>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp.</li> </ul> <p><i>c) Đối với trường hợp chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo đến nơi khác, mà phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo là nơi trực tiếp tổ chức đào tạo</i></p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp hoặc bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi đặt trụ sở chính;</li> <li>- Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo.</li> </ul>
--	--	--	---



				<p>d) Đối với trường hợp đổi tên doanh nghiệp</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP)</li> </ul>	
609	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000553.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Văn bản đề nghị giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2E tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).	
610	Thủ tục đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000530.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập theo Mẫu 2H tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số <u>15/2019/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).	
611	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.000509.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	<p>a) Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định tại Điều 6 Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số <u>140/2018/NĐ-CP</u> và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP), gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</li> </ul>	
612	Thủ tục công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	1.000482.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Văn bản đề nghị công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận theo Mẫu 5E tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi,	

				bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).	
613	Thủ tục thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010587.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản của trường cao đẳng đề nghị thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên hoặc nhiệm kỳ kế tiếp (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH).	
614	Thủ tục thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010588.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản của hội đồng trường đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH).	
615	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.010589.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản của hội đồng trường đề nghị miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường, trong đó nêu rõ lý do miễn nhiệm, cách chức (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH).	
616	Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	1.010590.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản của trường trung cấp đề nghị thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên hoặc nhiệm kỳ kế tiếp (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).	
617	Thủ tục thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	1.010591.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản của hội đồng trường đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).	
618	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	1.010592.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản của hội đồng trường đề nghị miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường, trong đó nêu rõ lý do miễn nhiệm, cách chức (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).	
619	Thủ tục công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	1.010593.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	- Văn bản đề nghị công nhận hội đồng quản trị, nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng quản trị: + Đối với nhiệm kỳ đầu tiên: Văn bản của người đại diện hợp pháp của thành viên đứng tên thành lập trường (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).	

				+ Đối với nhiệm kỳ kế tiếp: Văn bản của hội đồng quản trị đối với đề nghị công nhận hội đồng quản trị nhiệm kỳ kế tiếp (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).
620	Thủ tục thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	1.010594.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Hồ sơ đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị  - Văn bản đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).
621	Thủ tục công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	1.000531.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	Văn bản của hội đồng quản trị hoặc thành viên duy nhất sở hữu trường đề nghị công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).
622	Thủ tục thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	1.010596.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	- Văn bản của hội đồng quản trị hoặc thành viên duy nhất sở hữu trường đề nghị thôi công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).
623	Thủ tục thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	1.010927.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 6 Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số <u>140/2018/NĐ-CP</u> và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP), gồm:  - Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số <u>143/2016/NĐ-CP</u> (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).
624	Thủ tục chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1.010928.000.00.0 0.H53	Giáo dục nghề nghiệp	a) Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo của các bên liên kết, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo.  b) Báo cáo chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo, trong đó nêu rõ lý do, nội dung chấm dứt, phương án giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người

				học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thanh toán các khoản nợ thuê và các khoản nợ khác (nếu có).
625	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1.010801.000.00.0 0.H53	Người có công	<p>- Bản khai (theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú;</p> <p>- Bản sao được chứng thực từ Bảng “Tổ quốc ghi công”;</p> <p>- Và một trong các giấy tờ sau:</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là người có công nuôi liệt sĩ phải có văn bản đồng thuận của các thân nhân liệt sĩ; trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì phải có văn bản đồng thuận của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Văn bản đồng thuận do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về chữ ký, nơi thường trú và nội dung đồng thuận.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi phải có thêm bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học phải có thêm giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng trước khi đủ 18 tuổi phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.</p> <p>+ Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, giấy xác nhận thu nhập theo Mẫu số 47 Phụ lục I Nghị định số</p>

626	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1.010802.000.00.0 0.H53	Người có công	<p>131/2021/NĐ-CP của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> <li>- Trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành: Văn bản đồng thuận của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> <li>- Trường hợp chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố, mẹ liệt sĩ thường trú khi còn sống</li> <li>+ Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của liệt sĩ; cháu ruột của liệt sĩ mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản theo Mẫu số 80.</li> <li>+ Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của liệt sĩ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của liệt sĩ; cháu ruột của người chết mà liệt sĩ là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của liệt sĩ mà liệt sĩ là cụ nội, cụ ngoại) nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ không còn.</li> <li>+ Văn bản đồng thuận có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã của những thành viên vắng mặt không dự họp.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống:</li> </ul>
-----	---	----------------------------	---------------	---

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các Biên bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai hoặc thứ ba của liệt sĩ.</li> <li>+ Một trong các giấy tờ chứng minh lý do không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ vì hoạt động cách mạng: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; hồ sơ bảo hiểm xã hội; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trong thời gian tham gia cách mạng.</li> </ul>	
627	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010803.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú. - Bản sao chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công”.</li> <li>- Văn bản ủy quyền.</li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện.</li> </ul> <p><i>(Ngoài ra, đối với trường hợp người thờ cúng trước đây đã từ trần kèm theo bản sao hoặc bản sao y Trích lục khai tử của người đó)</i></p>	
628	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai (Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Trường hợp “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: kèm thêm giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</li> <li>- Danh sách của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện.</li> </ul>	
629	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong	1.010805.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai (Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> </ul>	

	thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an			<p>- Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu anh hùng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng.</p> <p>Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: kèm thêm giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</p> <p>- Danh sách của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện.</p>	
630	Thủ tục công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	1.010806.000.00.0 0.H53	Người có công	<p>- Bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an);</p> <p>- Một trong các giấy tờ sau:</p> <p>+ Trường hợp bị thương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có giấy xác nhận trường hợp bị thương do các cơ quan, đơn vị đã được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này cấp.</p> <p>+ Trường hợp bị thương quy định tại điểm đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 23 của Pháp lệnh thì phải có các giấy tờ theo quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 17 Nghị định này.</p> <p>+ Trường hợp bị thương quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 của Pháp lệnh phải có quyết định phân công nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, biên bản xảy ra sự việc kèm theo bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa bàn đặc biệt khó khăn như sau: lý lịch cán bộ; lý lịch quân nhân; lý lịch đảng viên; hồ sơ bảo hiểm xã hội.</p> <p>+ Trường hợp bị thương trong kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Ful rô quy định</p>	

				<p>tại một trong các khoản a, b, c, d, đ Điều 23 Pháp lệnh thi thực hiện theo hướng dẫn tại <u>Mục 12</u> Chương II Nghị định này.</p> <p>- Giấy chứng nhận bị thương theo Mẫu số 35 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp.</p>
631	<p>Thủ tục khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an</p>	<p>1.010807.000.00.0 0.H53</p>	<p>Người có công</p>	<p>- Đơn đề nghị giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương (theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương.</p> <p>- Biên bản của các lần giám định trước.</p> <p>- Kết quả chụp, chiếu và chẩn đoán của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với trường hợp người bị thương còn sót mảnh kim khí trong cơ thể.</p> <p>- Phiếu phẫu thuật hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án của của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với trường hợp đã phẫu thuật lấy dị vật.</p>
632	<p>Thủ tục giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh</p>	<p>1.010808.000.00.0 0.H53</p>	<p>Người có công</p>	<p>- Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp (theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi người làm đơn thường trú.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương (nếu có).</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bệnh binh (nếu có).</p> <p>- Biên bản giám định y khoa (nếu có).</p>
633	<p>Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động</p>	<p>1.010809.000.00.0 0.H53</p>	<p>Người có công</p>	<p>- Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp (theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương (nếu có).</p> <p>- Biên bản giám định y khoa (nếu có).</p>
634	<p>Thủ tục công nhận đối với người bị</p>	<p>1.010810.000.00.0</p>	<p>Người có công</p>	<p>- Bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định</p>



<p>thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an</p>	<p>0.H53</p>	<p>số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh quá trình tham gia cách mạng quy định khoản 1 tại Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hồ sơ bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước (đối với người tham gia cách mạng sau đó tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước)</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến hoặc một trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với người tham gia kháng chiến chống Pháp; chống Mỹ; tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào (đối với người tham gia cách mạng sau đó không tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước).</p> <p>- Tùy từng trường hợp kèm theo một trong các giấy tờ sau:</p> <p>+ Trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: kèm theo giấy tờ, tài liệu chứng minh bị thương và bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ.</p> <p>+ Đối với vết thương còn mảnh kim khí trong cơ thể với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: kèm theo kết quả chụp phim và kết luận của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế tuyến huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải</p>
---	--------------	---

				<p>kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách niêm yết của UBND cấp xã;</li> <li>- Biên bản họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã (Mẫu số 79 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP), biên bản kết quả niêm yết công khai của UBND cấp xã;</li> <li>- Các giấy tờ theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> </ul>
635	<p>Thủ tục lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý</p>	1.010811.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (Mẫu số 21 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy khám và chỉ định việc sử dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng do cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc bệnh viện cấp tỉnh trở lên cấp (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo Mẫu số 40 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>-Danh sách người được cấp sổ theo dõi phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng theo Mẫu số 87 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý.</li> </ul>
636	<p>Thủ tục tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý</p>	1.010812.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công (Mẫu số 22 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.</li> </ul>

				- Văn bản đề nghị của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.
637	Thủ tục cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.000.00.0 0.H53	Người có công	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã nơi người làm đơn thường trú. - Danh sách của UBND cấp xã.
638	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1.010788.000.00.0 0.H53	Người có công	<b>a) Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:</b> - Bản khai đề công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú. - Bản sao được chứng thực từ 1 trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau: + Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý. + Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III). + Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. - Đối với người đã hy sinh, tử trần từ ngày 30/6/1999 trở về trước thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau: + Bản sao được chứng thực từ hồ sơ khen thưởng

			<p>Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.</li> <li>+ Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.</li> </ul> <p><b><i>b) Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1969 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.</li> <li>+ Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng do cơ quan, tổ chức để thất lạc lý lịch khai từ năm 1969 trở về trước hoặc người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.</li> </ul> </li> <li>- Đối với người đã hy sinh, từ trần trước ngày 01/01/1995 thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau:</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>+ Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 131/2021/NĐ-CP, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên.</p> <p>+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.</p> <p>+ Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.</p> <p><b>c) Quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của cơ quan có thẩm quyền.</b></p>
639	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.0 0.H53	Người có công	<p>a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</p> <p>b) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau:</p> <p>- Giấy X Y Z.</p> <p>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyên viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.</p> <p>Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận</p>

			<p>thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022.</p> <p>Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP .</p> <p>c) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh (trừ trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế.</li> <li>+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu quy định của Bộ Y tế.</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuần sau phơi nhiễm đối với trường hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp tính.</li> <li>+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân</li> </ul>
--	--	--	--

				<p>đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo.</p> <p>d) Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ thì bổ sung thêm Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>e) Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>
640	<p>Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học</p>	<p>1.010817.000.00.0 0.H53</p>	<p>Người có công</p>	<p>a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND xã nơi thường trú.</p> <p>b) Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh, trích lục khai sinh.</p> <p>c) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy X Y Z.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.</li> <li>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.</li> </ul> <p>Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách,</p>

				<p>số quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022.</p> <p>Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>d) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế.</li> <li>- Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế cấp xã trở lên đối với con đẻ chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật.</li> </ul> <p>e) Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>
641	<p>Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày</p>	<p>1.010818.000.00.0 0.H53</p>	<p>Người có công</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai (theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</li> <li>- Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đày như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước: lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; các giấy tờ, tài liệu khác.</li> </ul> </li> </ul>



				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao được chứng thực từ hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội.</li> <li>+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.</li> <li>+ Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.</li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.</li> </ul>
642	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng hoặc giấy chứng nhận đeo huân chương, huy chương.</li> <li>+ Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng.</li> <li>+ Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện trở lên.</li> </ul> </li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.</li> </ul>
643	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	1.010820.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến.</li> <li>+ Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến.</li> <li>+ Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và quá trình tham gia giúp đỡ cách mạng của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện trở lên đối với trường hợp không có tên trong Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; Huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến nhưng có tên trong hồ sơ khen thưởng.</li> </ul> </li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.</li> </ul>
644	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 20 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do cơ quan có thẩm quyền xác nhận;</li> <li>- Giấy xác nhận theo Mẫu số 41 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do cơ quan có thẩm quyền xác nhận;</li> <li>- Danh sách của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội;</li> <li>- Các giấy tờ do cơ quan quản lý hồ sơ người có công cung cấp;</li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã (<i>trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý</i>).</li> </ul>
645	Thủ tục giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ	1.010822.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 20 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do cơ quan có thẩm</li> </ul>

	lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên			<p>quyền xác nhận;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận theo Mẫu số 41 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do cơ quan có thẩm quyền xác nhận;</li> <li>- Danh sách của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội;</li> <li>- Các giấy tờ do cơ quan quản lý hồ sơ người có công cung cấp;</li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã (<i>trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý</i>).</li> </ul>
646	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi	1.010823.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 24 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Các giấy tờ chứng minh đã chấp hành xong hình phạt tù, thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng liền kề sau tháng chấp hành xong hình phạt tù (đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 54 Pháp lệnh).</li> <li>- Giấy tờ nhập cảnh (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân xuất cảnh trái phép nay trở về nước thường trú). Nếu trong thời gian 01 tháng sau khi nhập cảnh không có đơn đề nghị hưởng lại chế độ thì phải kèm theo Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về).</li> </ul>
647	Thủ tục hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.0 0.H53	Người có công	<p><i>a) Trợ cấp một lần, mai táng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã nơi địa phương quản lý hồ sơ người có công.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</li> <li>- Văn bản ủy quyền (<i>để xác nhận đại diện thân</i></li> </ul>

			<p><i>nhân) đối với trợ cấp một lần.</i></p> <p><i>b) Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã nơi người lập bản khai thường trú.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</li> <li>- Trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi: kèm thêm Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với.</li> <li>- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học: kèm thêm Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học; nếu đang theo học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học thì phải có thêm bản sao được chứng thực từ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy xác nhận của cơ sở giáo dục trung học phổ thông về thời điểm kết thúc học.</li> <li>- Trường hợp sống độc thân và không còn thân nhân; mồ côi cả cha lẫn mẹ: kèm thêm Giấy xác nhận sống độc thân và không còn thân nhân hoặc mồ côi cả cha lẫn mẹ của UBND cấp xã nơi thương trú.</li> <li>- Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng nhưng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn: kèm thêm Giấy xác nhận thu nhập theo Mẫu số 47 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của UBND cấp xã và Giấy xác nhận tình trạng khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã.</li> </ul> <p><i>c) Danh sách của UBND cấp xã, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội nơi địa phương quản lý</i></p>
--	--	--	---

648	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	1.010825.000.00.0 0.H53	Người có công	<p><i>hồ sơ người có công.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai (theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ chứng minh mối quan hệ với liệt sĩ như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với đề nghị bổ sung là cha đẻ mẹ đẻ, vợ hoặc chồng liệt sĩ: <ul style="list-style-type: none"> <li>Căn cước công dân, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.</li> <li>Các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận.</li> <li>Văn bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Trường hợp những người này không còn thì phải được những người thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự có văn bản đồng thuận.</li> <li>+ Đối với đề nghị bổ sung là con liệt sĩ: Giấy khai sinh, trích lục khai sinh, quyết định công nhận việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật; lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.</li> </ul>	
649	Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	1.010826.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 26 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>- Bản sao có chứng thực từ các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với người có công: căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân.</li> <li>+ Đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ</li> </ul> </li> </ul>	

				cấp thờ cúng liệt sĩ, thân nhân của người có công đã từ trần: căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân của người được đề nghị đính chính thông tin.
650	Thủ tục di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	1.010827.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 27 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ căn cước công dân hoặc giấy xác nhận của cơ quan đăng ký cư trú.</li> </ul>
651	Thủ tục cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	1.010828.000.00.0 0.H53	Người có công	Đơn đề nghị hoặc văn bản đề nghị cấp trích lục hoặc sao một số giấy tờ trong hồ sơ hoặc toàn bộ hồ sơ người có công.
652	Thủ tục di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010829.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy báo tin mộ liệt sĩ.</li> <li>- Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</li> </ul>
653	Thủ tục di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010830.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy báo tin mộ liệt sĩ.</li> <li>- Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</li> </ul>
654	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001257.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy báo tin mộ liệt sĩ.</li> <li>- Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</li> </ul>

655	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã nơi cựu chiến binh thường trú trước khi từ trần.</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</li> <li>- Một trong các giấy tờ xác định là cựu chiến binh tại điểm 1 Phần II của Hướng dẫn số 97/HD-CCB ngày 18/01/2021 (bản sao y công chứng): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định phục viên, xuất ngũ (thời việc);</li> <li>+ Lý lịch cán bộ, hoặc bản Trích yếu 63 đối với sĩ quan;</li> <li>+ Lý lịch quân nhân;</li> <li>+ Thẻ quân nhân;</li> <li>+ Phiếu quân nhân;</li> <li>+ Lý lịch công nhân viên quốc phòng;</li> <li>+ Lý lịch đảng viên;</li> </ul> </li> <li>Các giấy tờ nêu trên được lập từ trước ngày cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ (thời việc);</li> <li>+ Quyết định trợ cấp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại một trong các văn bản sau đây: Nghị định số 500-NĐ/LB ngày 12/11/1958; Nghị định số 111-NĐ ngày 22/6/1957; Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2022; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011.</li> <li>- Giấy ủy quyền.</li> <li>- Danh sách của UBND cấp xã và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.</li> </ul>	
656	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2.002308.000.00.0 0.H53	Người có công	(1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg chết:	

			<p>- Giấy khai tử do UBND cấp xã cấp;</p> <p>- Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐT BXH.</p> <p>(2) Thanh niên xung phong chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐT BXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg:</p> <p>- Giấy khai tử do UBND cấp xã cấp;</p> <p>- Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐT BXH, kèm một trong những giấy tờ (bản sao có công chứng) xác nhận là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐT BXH:</p> <p>+ Thẻ đội viên;</p> <p>+ Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong;</p> <p>+ Giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong;</p> <p>+ Lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong.</p> <p>Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm</p>
--	--	--	--



				theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTĐBXH. - Danh sách của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.
657	Thủ tục trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157.000.00.0 0.H53	Người có công	<p>- Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã):</p> <p>+ Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP; Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ.</p> <p>+ Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia TNXP (bản chính). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>- Bản khai cá nhân:</p> <p>+ Trường hợp TNXP còn sống thì lập theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTĐBXH.</p> <p>+ Trường hợp TNXP đã từ trần thì thân nhân TNXP lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTĐBXH.</p>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Các giấy tờ, hồ sơ khác do Sở Nội vụ chuyển đến theo quy định.</li> </ul>	
658	Thủ tục trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành.</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP; Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ.</li> <li>+ Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia TNXP (bản chính). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH).</li> </ul> </li> <li>- Bản khai cá nhân lập theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH.</li> <li>- Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, ngoài các giấy tờ theo quy định, phải có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế cấp huyện trở lên (bản chính).</li> </ul>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Các giấy tờ, hồ sơ khác do Sở Nội vụ chuyển đến theo quy định.</li> </ul>	
659	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	1.004964.000.00.0 0.H53	Người có công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai của đối tượng có xác nhận của UBND cấp xã. Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/2/2015 đã chết trước ngày Quyết định này có hiệu lực (21/5/2020) thì thân nhân trực tiếp của đối tượng lập Tờ khai;</li> <li>- Quyết định cử đối tượng sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a; Quyết định về nước (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền);</li> <li>- Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người đã nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động;</li> <li>- Quyết định nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc Quyết định thôi việc và hồ sơ lý lịch khai trước khi nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc có xác nhận của cơ quan quản lý (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc;</li> <li>- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thời gian thực tế của đối tượng được cử sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a đối với đối tượng thiếu giấy tờ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu) lý lịch Đảng viên hoặc lý lịch cán bộ, công chức, viên chức khai trước ngày 01/01/1995, mà trong đó có khai thời gian được cử làm chuyên gia tại Lào và Căm-pu-chi-a theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg;</li> <li>- Giấy ủy quyền của các thân nhân trực tiếp của</li> </ul>	

				<p>đối tượng cho một người đứng tên làm thủ tục hưởng trợ cấp đối với trường hợp đối tượng đã chết nhưng còn các thân nhân trực tiếp.</p> <p>- Danh sách, tờ trình của UBND cấp xã và CT. UBND cấp huyện.</p>
660	Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	2.000141.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	<p>- Tờ khai đăng ký thành lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.</p> <p>- Quy chế hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội (Mẫu số 03b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 103/2016/NĐ-CP).</p>
661	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	2.000135.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	Văn bản đề nghị về việc đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở.
662	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	2.000056.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động của cơ sở theo mẫu số 09 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.
663	Thủ tục quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	1.001806.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	<p>- Văn bản đề nghị của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đó nêu rõ tổng số lao động hiện có, số lao động là người khuyết tật;</p> <p>- Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở;</p> <p>- Danh sách lao động là người khuyết tật và bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách;</p> <p>- Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của lao động là người khuyết tật đang làm việc.</p>
664	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền	2.000062.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	- Đơn đề nghị giải thể cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở, trong đó có nêu rõ lý do

	thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội			<p>đề nghị giải thể theo Mẫu số 04b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý.</li> <li>- Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể.</li> </ul>
665	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	2.000051.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép.</li> <li>- Giấy phép hoạt động.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu, loại hình cơ sở, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.</li> </ul>
666	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	2.000282.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng.</li> </ul>
667	Thủ tục dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở xã hội cấp tỉnh	2.000477.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	Đơn đề nghị dừng trợ giúp xã hội (theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)
668	Thủ tục đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	1.001305.000.00.0 0.H53	Bảo trợ xã hội	Đơn đề nghị của người giám hộ, gia đình hoặc gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng
669	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện		Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</li> <li>- Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</li> <li>- 01 bản phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy.</li> </ul>
670	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (1.010936)	1.010936.000.00.0 0.H53	Phòng, chống tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- 01 bản chính Biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép</li> </ul>

				<p>hoạt động bị mất (hoặc hỏng) theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p>
671	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010937.000.00.0 0.H53	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Văn bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP
672	Thủ tục cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000025.000.00.0 0.H53	Phòng, chống tệ nạn xã hội	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐT BXH;</p> <p>- Đề án thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐT BXH.</p> <p>- Sơ yếu lý lịch trích ngang của người dự kiến làm giám đốc cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo Mẫu số 26 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BLĐT BXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông</p>

				<p>tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH).</p> <p>- Danh sách nhân sự dự kiến làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.</p> <p>- Các giấy tờ và văn bản có liên quan:</p> <p>+ Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</p> <p>+ Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở hoạt động, trong đó nêu rõ đồng ý hay không đồng ý về việc đặt trụ sở của cơ sở hỗ trợ nạn nhân;</p> <p>+ Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự làm việc dự kiến tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).</p>
673	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000027.000.00.0 0.H53	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH
674	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000032.000.00.0 0.H53	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH
675	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000036.000.00.0 0.H53	Phòng, chống tệ nạn xã hội	- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1

				<p>ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</p> <p>- Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp theo của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH.(số hoá theo quy định</p>
676	Thủ tục đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	1.000091.000.00.0 0.H53	Phòng, chống tệ nạn xã hội	<p>- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH.</p> <p>- Phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan của cơ sở hỗ trợ nạn nhân khi chấm dứt hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH.</p>
677	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	1.012091.000.00.0 0.H53	Trẻ em	<p>- Văn bản đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT- BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2020/TT- BLĐTBXH).</p> <p>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ quan, tổ chức hoặc hợp đồng hợp tác của tổ hợp tác, trong trường hợp người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã.</p> <p>- Bản sao phiếu lý lịch tư pháp của người giao kết</p>



				<p>hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động được cấp không quá 06 tháng kể từ ngày cấp đến ngày giao kết hợp đồng lao động, trong đó không có án tích về hành vi xâm hại trẻ em.</p> <p>- Bản cam kết chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại trẻ em của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.</p> <p>- Hợp đồng lao động hoặc dự thảo hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động với người chưa đủ 13 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó. Trong trường hợp dự thảo hợp đồng lao động thì phải có Phiếu đồng ý của người đại diện theo pháp luật của người chưa đủ 13 tuổi làm việc theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.</p> <p>- Bản sao giấy khai sinh, giấy khám sức khỏe của người chưa đủ 13 tuổi. Thời khóa biểu hoặc chương trình học tập của cơ sở giáo dục nơi người chưa đủ 13 tuổi đang học tập nếu đang đi học</p>	
<b>XI. Thủ tục hành chính do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý</b>					
678	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	2.001827.000.00.0 0.H53	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;</p> <p>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p>	
679	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận	2.001823.000.00.0 0.H53	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;</p> <p>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước</p>	

	ATTP)			có thẩm quyền.
680	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	1.011475.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục II;</li> <li>- Báo cáo khắc phục sai lỗi (đối với trường hợp cơ sở phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế.</li> </ul>
681	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	1.011477.000.00.0 0.H53	Thú y	<p><i>* Đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.</li> </ul> <p><i>* Đối với cơ sở đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> </ul> <p><i>* Đối với cơ sở đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh.</li> </ul>
682	Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	1.011478.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục IV</li> <li>- Báo cáo khắc phục sai lỗi (đối với trường hợp vùng phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế.</li> </ul>
683	Cấp lại giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	1.011479.000.00.0 0.H53	Thú y	<p><i>* Đối với vùng có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ</i></p>

				<p><i>sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.</li> <li>* <i>Đối với vùng đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh:</i></li> <li>- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Báo cáo khắc phục sai lỗi.</li> <li>* <i>Đối với vùng đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định:</i></li> <li>- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh.</li> </ul>
684	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	2.001064.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe;</li> <li>- 02 ảnh 4x6.</li> </ul>
685	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)	1.005319.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp lại;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.</li> <li>- 02 ảnh 4x6.</li> </ul>
686	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	2.002132.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>Trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn:</i></li> <li>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu 02 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT.</li> <li>* <i>Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị</i></li> </ul>

				<p>hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY theo Mẫu 01 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT.</li> </ul>
687	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định;</li> <li>- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy.</li> </ul>
688	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	1.004022.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII;</li> <li>- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói;</li> <li>- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp).</li> </ul>
689	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	1.002338.000.00.0 0.H53	Thú y	Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT.
690	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	2.000873.000.00.0 0.H53	Thú y	Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT
691	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	1.004839.000.00.0 0.H53	Thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định;</li> <li>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc</li> </ul>

692	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004923.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<p>thứ y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (theo Mẫu số 01.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản);</li> <li>- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý (theo Mẫu số 02.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng (theo Mẫu số 03.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Thông tin về tổ chức cộng đồng (theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng (theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> </ul>	
693	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004921.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<p><i>* Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Thông tin về tổ chức cộng đồng (theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP - đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung tên tổ chức và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng);</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;</li> <li>- Bản chính biên bản họp của tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung (theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> </ul>	

				<p>* Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;</li> <li>- Bản chính biên bản họp của tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung (theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> </ul>
694	Công bố mở cảng cá loại 2	1.004694.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công bố mở cảng cá (theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá;</li> <li>- Nội quy, phương án khai thác cảng cá của cảng cá (bản chụp);</li> <li>- Quyết định thành lập Tổ chức quản lý cảng cá (bản chụp);</li> <li>- Biên bản nghiệm thu công trình cảng cá đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công;</li> <li>- Thông báo hàng hải về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng;</li> <li>- Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;</li> <li>- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy.</li> </ul>
695	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở	1.004918.000.00.0	Thủy sản	* Đối với cấp mới:

	<p>đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)</p>	<p>0.H53</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (theo Mẫu số 01.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (theo Mẫu số 02.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> </ul> <p><i>* Đối với cấp lại:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (theo Mẫu số 01.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.</li> </ul>
<p>696</p>	<p>Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)</p>	<p>1.004915.000.00.0 0.H53</p>	<p>Thủy sản</p>	<p><i>* Đối với cấp mới:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 11.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 12.NT ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> </ul> <p><i>* Đối với cấp lại:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 11.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi</li> </ul>

				trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.
697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản	1.004913.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (theo Mẫu số 23.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản;</li> <li>- Sơ đồ vị trí đặt lồng bè/Sơ đồ khu vực nuôi.</li> </ul>
698	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đổi tượng thủy sản nuôi chủ lực	1.004692.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<p><i>* Đối với cấp mới:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký (theo Mẫu số 26.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản;</li> <li>- Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở.</li> </ul> <p><i>* Đối với cấp lại:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký lại (theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Bản chính giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất);</li> <li>- Trường hợp có sự thay đổi chủ cơ sở nuôi phải có giấy tờ chứng minh; thay đổi diện tích ao nuôi, mục đích sử dụng phải có sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở.</li> </ul>
699	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	1.004680.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu số 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp hoặc loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm khai thác từ tự</li> </ul>



				<p>nhiên đối với trường hợp sử dụng cá thể có nguồn gốc từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh cá thể có nguồn gốc từ sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật trong trường hợp sử dụng cá thể có nguồn gốc từ sau xử lý tịch thu để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo;</li> <li>- Tài liệu nhập khẩu mẫu vật đối với trường hợp sử dụng mẫu vật có nguồn gốc từ nhập khẩu để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo;</li> <li>- Sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (theo Mẫu số 33.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).</li> </ul>
700	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	1.004656.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu số 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với trường hợp có sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản;</li> <li>- Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;</li> <li>- Hợp đồng thuê tàu cá đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm sử dụng tàu cá để khai thác nhưng không phải là chủ tàu;</li> <li>- Báo cáo khai thác thủy sản, nhật ký khai thác thủy sản.</li> </ul>
701	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	1.004359.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<p><i>* Đối với cấp mới:</i> Đơn đề nghị (theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP);</p> <p><i>* Đối với cấp lại:</i> - Đơn đề nghị cấp lại (theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-</p>

				CP); - Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép.
702	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	1.004697.000.00.0 0.H53	Thủy sản	* <i>Đối với cấp mới:</i> - Đơn đề nghị (theo Mẫu số 01.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP); - Bản thuyết minh điều kiện cơ sở (theo Mẫu số 02.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP). * <i>Đối với cấp lại:</i> - Đơn đề nghị cấp lại (theo Mẫu số 03.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP); - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã cấp.
703	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003650.000.00.0 0.H53	Thủy sản	* <i>Đối với tàu đóng mới:</i> - Tờ khai đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá); - Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp (theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT); - Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản; - Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế; - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng

			<p>2 bên mạn tàu);</p> <p><i>* Đối với tàu cải hoán:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</li> <li>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ;</li> <li>- Văn bản chấp thuận cải hoán đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản.</li> </ul> <p><i>* Đối với tàu được mua bán, tặng cho:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</li> <li>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</li> <li>- Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;</li> <li>- Văn bản chấp thuận mua bán tàu cá, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.</li> </ul> <p><i>* Đối với tàu nhập khẩu:</i></p>
--	--	--	---

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</li> <li>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;</li> </ul> <p><i>* Đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;</li> <li>- Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.</li> </ul>
704	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003634.000.00.0 0.H53	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;</li> <li>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).</li> </ul>
705	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm	1.003586.000.00.0	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký</li> </ul>

	thời tàu cá	0.H53		tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT); - Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).
706	Xóa đăng ký tàu cá	1.003681.000.00.0 0.H53	Thủy sản	- Tờ khai xóa đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT); - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.
707	Chuyên loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	1.000065.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Văn bản đề nghị của chủ rừng; - Phương án chuyên loại rừng.
708	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	1.000055.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Tờ trình của chủ rừng đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; - Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; - Các loại bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.
709	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III cites	1.004815.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; - Bản chính Phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ (đối với động vật); - Bản chính phương án trồng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (đối với thực vật).

				- Bản chính tài liệu chứng minh nguồn gốc.
710	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1.000047.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.
711	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	3.000198.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Bản chính văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT; - Bản chính Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT.
712	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	1.007917.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế quy định tại mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Phương án trồng rừng thay thế quy định tại mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT;
713	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi 01 tỉnh)	1.000058.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Phương án trồng rừng thay thế theo mẫu tại Phụ lục I Thông tư 23/2017/TT-BNNPTNT; - Văn bản đề nghị phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục II Thông tư 23/2017/TT-BNNPTNT; - Dự án đầu tư có chuyên mục đích khác; - Các tài liệu khác có liên quan.
714	Phê duyệt dự toán, thiết kế phương án trồng rừng thay thế đối với trường	1.007916.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Văn bản của Chủ đầu tư đề nghị UBND tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay

	hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế			<p>thế;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</li> <li>- Báo cáo về diện tích, hiện trạng rừng (theo mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành, chủ quản lý) dự kiến chuyển mục đích sử dụng; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).</li> </ul>
715	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	1.007918.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Bản đồ thiết kế: Xây dựng trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000. Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ áp dụng TCVN 11566:2016 về bản đồ quy hoạch lâm nghiệp.</li> </ul>
716	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1.000084.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của chủ rừng (bản chính);</li> <li>- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (bản chính).</li> </ul>
717	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	1.000081.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của chủ rừng (bản chính);</li> <li>- Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (bản chính).</li> </ul>
718	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	1.000071.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	Văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án.
719	Xác nhận bảng kê lâm sản	1.000045.000.00.0	Lâm nghiệp	- Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm

		0.H53		sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 01, 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.
720	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	3.000152.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; - Báo cáo đề xuất dự án đầu tư; - Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án; - Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500ha trở lên); - Kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); - Văn bản thẩm định báo cáo đề xuất dự án của các cơ quan liên quan.
721	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	LN200	Lâm nghiệp	- Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;
722	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	3.000160.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Bản chính đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;



				- Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đóng dấu treo theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
723	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.011470.000.00.0 0.H53	Lâm nghiệp	- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.
724	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003870.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép. - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;
725	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	1.003880.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;
726	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung	2.001401.000.00.0	Thủy lợi	- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy

	giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	0.H53		<p>phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;</li> <li>- Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân.</li> </ul>
727	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	2.001426.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;</li> <li>- Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân.</li> </ul>
728	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001791.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.</li> </ul>
729	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo	1.004385.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định</li> </ul>

	vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh			67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.
730	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh	2.001793.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp giấy phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.
731	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001795.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;
732	Cấp giấy phép cho các hoạt động	2.001796.000.00.0	Thủy lợi	- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy

	trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	0.H53		<p>định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.</li> </ul>
733	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.004427.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;</li> <li>- Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt.</li> </ul>
734	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003921.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).
735	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền	1.003893.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).

	cấp phép của UBND tỉnh			
736	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	2.001804.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới;</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình thủy lợi hoặc quyết định phê duyệt liên quan có chỉ tiêu thiết kế công trình;</li> <li>- Thuyết minh hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới, gồm các nội dung: Căn cứ lập hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới; Đánh giá hiện trạng khu vực cấm mốc chỉ giới; Số lượng mốc chỉ giới cần cấm; phương án định vị mốc chỉ giới; khoảng cách các mốc chỉ giới; các mốc tham chiếu (nếu có); Phương án huy động nhân lực, vật tư, vật liệu thi công, giải phóng mặt bằng; Tiến độ cấm mốc, bàn giao mốc chỉ giới, kinh phí thực hiện; Tổ chức thực hiện;</li> <li>- Bản vẽ phương án cấm mốc chỉ giới thể hiện phạm vi bảo vệ công trình, vị trí, tọa độ của các mốc chỉ giới, mốc tham chiếu (nếu có) trên nền bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.</li> </ul>
737	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	1.003867.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 04 Phụ lục I Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 Phụ lục I Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của các tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, đơn vị liên quan;</li> <li>- Bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.</li> </ul>
738	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003232.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước;</li> <li>- Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước.</li> <li>- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.</li> </ul>
739	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003221.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt;</li> <li>- Dự thảo đề cương kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.</li> </ul>
740	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003211.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;</li> <li>- Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;</li> <li>- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;</li> </ul>
741	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003203.000.00.0 0.H53	Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt;</li> <li>- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;</li> <li>- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.</li> </ul>
742	Cấp quyết định, phục hồi quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	1.008003.000.00.0 0.H53	Trồng trọt	<p>a) <i>Hồ sơ cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 02.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 03.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019;</li> <li>- Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 01.CĐD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019.</li> </ul> <p>b) <i>Hồ sơ phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.</li> </ul>

743	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007931.000.00.0 0.H53	Bảo vệ thực vật	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.
744	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007932.000.00.0 0.H53	Bảo vệ thực vật	<p>* Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</li> </ul> <p>* Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp;</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</li> </ul> <p>* Trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp;</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</li> </ul>
745	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	1.007933.000.00.0 0.H53	Bảo vệ thực vật	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo Văn bản xác nhận nội dung quảng cáo có giá trị trên phạm vi toàn quốc.
746	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	1.004493.000.00.0 0.H53	Bảo vệ thực vật	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).
747	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004363.000.00.0 0.H53	Bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư</li> </ul>

				số 21/2015/TT-BNNPTNT);	
748	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004346.000.00.0 0.H53	Bảo vệ thực vật	- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT); - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).	
749	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	1.003984.000.00.0 0.H53	Bảo vệ thực vật	Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (theo mẫu qui định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).	
750	Hỗ trợ dự án liên kết cấp tỉnh	1.003397.000.00.0 0.H53	Kinh tế hợp tác	- Đơn đề nghị của Chủ trì liên kết (theo mẫu số 01); - Dự án liên kết (theo mẫu số 02) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo mẫu số 03); - Bản thỏa thuận cử đơn vị Chủ trì liên kết (theo mẫu số 04) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;	
751	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008126.000.00.0 0.H53	Chăn nuôi	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TĂCN); - Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TĂCN); - Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 03.TĂCN); - Bản tóm tắt quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn.	
752	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008127.000.00.0 0.H53	Chăn nuôi	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TĂCN); - Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ	



				chức, cá nhân.
753	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008128.000.00.0 0.H53	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn;</li> <li>- Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I).</li> </ul>
754	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008129.000.00.0 0.H53	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn;</li> <li>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.</li> </ul>
755	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành	1.009478.000.00.0 0.H53	Khoa học, công nghệ và môi trường	<p><i>* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy.</li> </ul> <p><i>* Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tự đánh giá;</li> <li>- Bản công bố hợp quy.</li> </ul>
756	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	1.011647.000.00.0 0.H53	Khoa học, công nghệ và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;</li> <li>- Thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>
757	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	1.012001.000.00.0 0.H53	Trồng trọt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng;</li> <li>- Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên;</li> <li>- Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo</li> </ul>

				Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
758	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	1.012002.000.00.0 0.H53	Trồng trọt	Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
759	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.011999.000.00.0 0.H53	Trồng trọt	Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.
760	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	1.012003.000.00.0 0.H53	Trồng trọt	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
761	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	1.012004.000.00.0 0.H53	Trồng trọt	Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.
762	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1.012000.000.00.0 0.H53	Trồng trọt	Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.
763	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	1.012413.000.00.0 0.H53	Kiểm lâm	- Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP; - Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP.
<b>XII. Thủ tục hành chính do Sở Nội vụ quản lý</b>				
764	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	1.003503.000.00.0 0.H53	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết
765	Thủ tục thành lập hội	2.001481.000.00.0 0.H53	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết
766	Thủ tục phê duyệt Điều lệ hội	1.003316.000.00.0	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết

		0.H53			
767	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	2.001688.000.00.0 0.H53	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết	
768	Thủ tục đổi tên hội	2.001678.000.00.0 0.H53	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết	
769	Thủ tục hội tự giải thể	1.003918.000.00.0 0.H53	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết	
770	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1.003900.000.00.0 0.H53	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết	
771	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện	1.003858.000.00.0 0.H53	Nội vụ	Số hóa kết quả giải quyết	
772	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.003822.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
773	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	2.001590.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
774	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	2.001567.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
775	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	1.003621.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
776	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.003916.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
777	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	1.003950.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
778	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	1.003920.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
779	Thủ tục đổi tên quỹ	1.003879.000.00.0 0.H53	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	
780	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.003671.000.00.0	Quỹ	Số hóa kết quả giải quyết	

		0.H53			
781	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính	1.009331.000.00.0 0.H53	Tổ chức hành chính	Số hóa kết quả giải quyết	
782	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	1.009332.000.00.0 0.H53	Tổ chức hành chính	Số hóa kết quả giải quyết	
783	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính	1.009333.000.00.0 0.H53	Tổ chức hành chính	Số hóa kết quả giải quyết	
784	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính	1.009339.000.00.0 0.H53	Tổ chức hành chính	Số hóa kết quả giải quyết	
785	Thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính	1.009340.000.00.0 0.H53	Tổ chức hành chính	Số hóa kết quả giải quyết	
786	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	1.009319.000.00.0 0.H53	Đơn vị sự nghiệp	Số hóa kết quả giải quyết	
787	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	1.009320.000.00.0 0.H53	Đơn vị sự nghiệp	Số hóa kết quả giải quyết	
788	Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	1.009321.000.00.0 0.H53	Đơn vị sự nghiệp	Số hóa kết quả giải quyết	
789	Thủ tục thẩm định số lượng người làm việc	1.009354.000.00.0 0.H53	Đơn vị sự nghiệp	Số hóa kết quả giải quyết	
790	Thủ tục điều chỉnh số lượng người làm việc	1.009355.000.00.0 0.H53	Đơn vị sự nghiệp	Số hóa kết quả giải quyết	
791	Thủ tục thi tuyển công chức	1.005384.000.00.0 0.H53	Công chức	Số hóa kết quả giải quyết	
792	Thủ tục xét tuyển công chức	2.002156.000.00.0 0.H53	Công chức	Số hóa kết quả giải quyết	
793	Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức	1.005385.000.00.0 0.H53	Công chức	Số hóa kết quả giải quyết	
794	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	2.002157.000.00.0	Công chức	Số hóa kết quả giải quyết	

		0.H53			
795	Thủ tục thi tuyển viên chức	1.012299.000.00.0 0.H53	Viên chức	Số hóa kết quả giải quyết	
796	Thủ tục xét tuyển viên chức	1.012300.000.00.0 0.H53	Viên chức	Số hóa kết quả giải quyết	
797	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	1.012301.000.00.0 0.H53	Viên chức	Số hóa kết quả giải quyết	
798	Thủ tục thành lập ấp mới, khu phố mới	2.000465.000.00.0 0.H53	Chính quyền địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của UBND cấp huyện, cấp xã về thành lập ấp mới, khu phố mới;</li> <li>- Đề án thành lập ấp mới, khu phố mới.</li> <li>- Tổng hợp kết quả lấy ý kiến và biên bản lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập ấp mới, khu phố mới về Đề án thành lập ấp mới, khu phố mới.</li> <li>- Nghị quyết của HĐND cấp xã về việc thông qua Đề án thành lập ấp mới, khu phố mới.</li> </ul>	
799	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	1.012268.000.00.0 0.H53	Chính quyền địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;</li> <li>- Nghị quyết của HĐND cấp xã đối với việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã;</li> <li>- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;</li> <li>- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;</li> </ul>	
800	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	2.001717.000.00.0 0.H53	Công tác thanh niên	Số hóa kết quả giải quyết	

801	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	1.003999.000.00.0 0.H53	Công tác thanh niên	Số hóa kết quả giải quyết
802	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh.	2.001683.000.00.0 0.H53	Công tác thanh niên	Số hóa kết quả giải quyết
803	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001894.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị;</li> <li>- Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;</li> <li>- Hiến chương của tổ chức</li> <li>- Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức</li> <li>- Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.</li> <li>- Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo;</li> <li>- Kết quả giải quyết.</li> </ul>
804	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001886.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký;</li> <li>- Kết quả giải quyết.</li> </ul>
805	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001875.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị</li> <li>- Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;</li> <li>- Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có);</li> <li>- Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.</li> <li>- Kết quả giải quyết.</li> </ul>
806	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	1.001854.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký</li> <li>- Kết quả giải quyết</li> </ul>
807	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử	1.001843.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị</li> <li>- Kết quả giải quyết</li> </ul>

	trú hợp pháp tại Việt Nam				
808	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.001832.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
809	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.001818.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
810	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001807.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
811	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001797.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
812	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001775.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
813	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	2.000713.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
814	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.001550.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
815	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	2.002167.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
816	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.000788.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	

817	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	1.000780.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
818	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.000766.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
819	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.000654.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
820	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.000638.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
821	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	2.000269.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	
822	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	2.000264.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	
823	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.000604.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
824	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận	1.000587.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	



	đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh				
825	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.000535.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
826	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.000517.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
827	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.000415.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
828	Thủ tục thông báo chuyên chức sắc, chức việc, nhà tu hành	1.001642.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
829	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.001640.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
830	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.001637.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
831	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt	2.000456.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đăng ký - Kết quả giải quyết	

	động tôn giáo				
832	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001628.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
833	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001626.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
834	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001624.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	Số hóa kết quả giải quyết	
835	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.001610.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
836	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.001604.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
837	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.001589.000.00.0 0.H53	Tín ngưỡng, tôn giáo	- Văn bản đề nghị - Kết quả giải quyết	
838	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.012392.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc của Khối trưởng các khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức; - Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen	

				<p>thường đơn vị trình hoặc của Khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức;</p> <p>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</p>
839	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.012393.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<p>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc của Khối trưởng các khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức;</p> <p>- Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình hoặc của Khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức;</p> <p>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</p>
840	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	1.012395.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<p>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện;</p> <p>- Biên bản họp bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình và kết quả bỏ phiếu.</p> <p>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</p>
841	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	1.012396.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<p>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện</p> <p>79- Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình</p> <p>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</p>
842	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên đề	1.012398.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<p>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh chủ trì một chuyên đề hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh làm nhiệm vụ thường trực của Ban chỉ đạo, Hội đồng cấp tỉnh</p> <p>- Biên bản họp xét của Ban Chỉ đạo, Hội đồng cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh chủ trì một chuyên đề</p> <p>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả</p>

				giải quyết TTHC).
843	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên đề	1.012399.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh chủ trì một chuyên đề hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh làm nhiệm vụ thường trực của Ban chỉ đạo, Hội đồng cấp tỉnh</li> <li>- Biên bản họp xét của Ban Chỉ đạo, Hội đồng cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh chủ trì một chuyên đề</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</li> </ul>
844	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đột xuất	1.012401.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện.</li> <li>- Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể; cá nhân lập được thành tích được đề nghị khen thưởng. hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp (mẫu 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ )</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</li> </ul>
845	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình	1.012402.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình.</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</li> </ul>
846	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đối ngoại	1.012403.000.00.0 0.H53	Thi đua, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh, thủ trưởng các doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Kết quả giải quyết TTHC).</li> </ul>

847	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ.	1.010196.000.00.0 0.H53	Văn thư lưu trữ	Số hóa kết quả giải quyết	
848	Thủ tục phục vụ việc sử dụng của độc giả tại phòng đọc.	1.010194.000.00.0 0.H53	Văn thư lưu trữ	Không số hóa	
849	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ	1.010195.000.00.0 0.H53	Văn thư lưu trữ	Không số hóa	
<b>XIII. Thủ tục hành chính do Sở Ngoại vụ quản lý</b>					
850	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	2.002314	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính công văn xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (thời hạn trình ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến tổ chức)</li> <li>- Bản chính đề án tổ chức theo Mẫu 01 kèm theo (được quy định tại Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam)</li> <li>- Bản chính văn bản có ý kiến của các cơ quan có liên quan trong trường hợp các quy định pháp luật khác có yêu cầu</li> <li>- Bản chính ý kiến của cơ quan, địa phương liên quan (nếu có)</li> </ul>	
<b>XIV. Thủ tục hành chính do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý</b>					
851	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.010200	Đất đai	<p>Văn bản đề nghị chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo Mẫu</p> <p>Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	
852	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ	1.003010	Đất đai	<p>1. Trường hợp thẩm định không đồng thời cấp Quyết định đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án đầu tư để thực hiện dự án đầu tư</p> <p>1.1 Thành phần hồ sơ đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư</p> <p>- Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của</p>	

<p>chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>			<p>pháp luật về đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư; giấy phép khai thác khoáng sản đối với các dự án khai thác khoáng sản. theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</li> <li>- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (đối với dự án khu dân cư, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phải chồng ghép quy hoạch chi tiết xây dựng lên bản đồ địa chính; quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng kèm theo bản đồ hoặc văn bản thỏa thuận tổng thể mặt bằng kèm theo bản vẽ tổng thể mặt bằng).</li> <li>- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, ký quỹ theo quy định của Pháp luật đầu tư, trừ trường hợp xin giao đất của cơ sở tôn giáo.</li> <li>- Bản vẽ tổng thể mặt bằng dự kiến bố trí các hạng mục công trình, thiết kế sơ bộ công trình đối với những trường hợp không phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc thỏa thuận tổng thể mặt bằng.</li> </ul> <p>1.2. Thành phần hồ sơ đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.</p> <p>Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt đầu tư của chủ dự án và</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao báo cáo kinh tế - kỹ thuật (đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình).</li> <li>- Trích lục bản đồ địa chính khu đất hoặc trích đo địa chính khu đất</li> <li>- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, ký quỹ theo quy định của Pháp luật đầu tư.</li> <li>- Bản vẽ tổng thể mặt bằng dự kiến bố trí các hạng mục công trình, thiết kế sơ bộ công trình đối với những trường hợp không phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc thỏa thuận tổng thể mặt bằng.</li> </ul> <p>1.3. Thành phần hồ sơ đối với trường hợp xin phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của xin phép chuyển mục đích theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; giấy phép khai thác khoáng sản đối với các dự án khai thác khoáng sản;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</li> <li>- Trích lục bản đồ địa chính khu đất hoặc trích đo địa chính khu đất</li> <li>- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, ký quỹ theo quy định của Pháp luật đầu tư.</li> <li>- Bản vẽ tổng thể mặt bằng dự kiến bố trí các hạng mục công trình, thiết kế sơ bộ công trình đối với những trường hợp không phải trình cấp có</li> </ul>
--	--	--	--

				<p>thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc thỏa thuận tổng thể mặt bằng.</p> <p>2. Trường hợp thẩm định đồng thời cấp Quyết định đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án đầu tư để thực hiện dự án đầu tư</p> <p>2.1. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời với thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul> <p>2.2. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin giao đất, thuê đất mà không phải thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul> <p>2.3. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển</li> </ul>
--	--	--	--	---



			<p>mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul> <p>2.4. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không lập dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</li> <li>- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.</li> <li>- Văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước.</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>Đơn xin giao đất, cho thuê đất</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo chính thửa đất</p> <p>Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất</p> <p>Văn bản xác nhận hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND cấp huyện nơi có đất bị thu hồi</p> <p>Quyết định giao đất, Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất</p>	
853	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	1.002253	Đất đai		
854	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	1.002040	Đất đai	<p>Đơn xin giao đất, cho thuê đất</p> <p>Quyết định phê duyệt đầu tư của chủ dự án, ...</p> <p>Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo chính thửa đất</p> <p>Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo đối với trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo.</p> <p>Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, ...</p> <p>Quyết định giao đất, Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất</p>	
855	Chuyên mục đích sử dụng đất phải	1.004257	Đất đai	Đơn xin phép chuyên mục đích sử dụng đất	

	<p>được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>			<p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.          Văn bản thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất,...          Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất,...          Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo chính thửa đất          Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p>
856	<p>Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</p>	1.001007	Đất đai	<p>Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất          1. Hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất:          - Quyết định chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh và sơ đồ kèm theo;          - Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm do UBND cấp huyện lập;          Báo cáo của UBND huyện và danh sách các đối tượng có đất bị thu hồi (tên đối tượng, số tờ, số thửa, diện tích thu hồi, loại đất);          Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án (đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện);          Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án.          2. Hồ sơ trình ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc:          Thông báo thu hồi đất;          Văn bản đề nghị kiểm đếm bắt buộc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;          Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người sử dụng đất theo quy định để thực hiện</p>

			<p>điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định kiểm đếm bắt buộc.</p> <p>3. Hồ sơ trình ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc: Quyết định kiểm đếm bắt buộc; Văn bản đề nghị cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.</p> <p>4. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất gồm: (1) Thông báo thu hồi đất; (2) Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thẩm định và bản tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất bị thu hồi; (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm: (4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa; (5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p>5. Hồ sơ trình ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất a) Quyết định thu hồi đất; b) Văn bản đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;</p>
--	--	--	---

				<p>c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi theo quy định nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;</p> <p>d) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.</p> <p>6. Hồ sơ trình thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất</p> <p>a) Quyết định cưỡng chế thu hồi đất;</p> <p>b) Biên bản về việc từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế;</p> <p>c) Văn bản đề nghị tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;</p> <p>d) Tờ trình kèm theo quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.</p> <p>Quyết định kiểm đếm bắt buộc, Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất</p>
857	<p>Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	1.001039	Đất đai	<p>3.1. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất:</p> <p>1) Văn bản thông báo hoặc văn bản trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nay chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất.</p> <p>(2) Quyết định giải thể, phá sản đối với trường hợp</p>

				<p>thu hồi đất của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản.</p> <p>(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:</p> <p>(4) Biên bản xác minh thực địa do Sở Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có).</p> <p>(5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.</p> <p>(6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p>3.2. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất:</p> <p>(1) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận về việc trả lại đất của người sử dụng đất;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:</p> <p>(3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);</p> <p>(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>(5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p>
--	--	--	--	--

				<p>3.3. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn:</p> <p>(1) Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất;</p> <p>(2) Văn bản thông báo cho người sử dụng đất biết không được gia hạn sử dụng đất;</p> <p>(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:</p> <p>(4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);</p> <p>(5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>(6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p>3.4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cưỡng chế thu hồi đất:</p> <p>(1) Quyết định thu hồi đất;</p> <p>(2) Báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất;</p> <p>(3) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.</p> <p>Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất</p>
858	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	1.011616	Đất đai	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng</p> <p>Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất,</p>

			<p>hoặc các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của thửa đất gốc; bản gốc Giấy chứng nhận của thửa đất gốc hoặc giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của thửa đất gốc đối với trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận, các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của diện tích đất tăng thêm</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở; một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp tài sản là công trình xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng của công trình đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình trên đất nông nghiệp</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đối với trường hợp chứng nhận tài sản rừng sản xuất là rừng trồng</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm</p> <p>Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử</p>
--	--	--	---



				<p>dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận và hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất được lập theo quy định của diện tích đất tăng thêm (nếu có)</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
859	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2.000983	Đất đai	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, quyền sở hữu cây lâu năm</p> <p>Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
860	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002255	Đất đai	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, sở hữu đối với trường hợp tài sản là nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, quyền sở hữu cây lâu năm</p> <p>Giấy chứng nhận</p>

861	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>	2.000889	Đất đai	<p>Trường hợp 1: Hồ sơ nộp khi thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng theo quy định</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư</p> <p>Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất</p> <p>Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã chết trước khi được trao Giấy chứng nhận thì người được thừa kế quyền sử dụng đất theo quy</p>
-----	---	----------	---------	--

			<p>định của pháp luật thừa kế nộp bổ sung giấy tờ về thừa kế theo quy định</p> <p>Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật</p> <p>Văn bản xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với trường hợp nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa</p> <p>Trường hợp 2: Hồ sơ nộp khi cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận trong trường hợp thửa đất gốc đã được cấp Giấy chứng nhận: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 10/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận của thửa đất gốc</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận và hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất được lập theo quy định của diện tích đất tăng thêm. Trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho phần diện tích đất tăng thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì nộp bản gốc Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất của diện tích đất tăng thêm</p> <p>Trường hợp 3: Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận bao gồm</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p>
--	--	--	---

				Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp Giấy chứng nhận
862	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	2.000976	Đất đai	Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK Giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản, công trình xây dựng, rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm Sơ đồ về tài sản gắn liền với đất (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã có sơ đồ tài sản phù hợp với hiện trạng) Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về tài sản gắn liền với đất (nếu có). Giấy chứng nhận
863	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.004199	Đất đai	Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng Giấy chứng nhận
864	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài	1.004227	Đất đai	Trường hợp: đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với

<p>chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p>		<p>đất theo Mẫu số 09/ĐK          Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp          Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động: Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên, Văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại diện là thành viên trong hộ gia đình mà không phải là chủ hộ, Văn bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư được UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp cộng đồng dân cư đổi tên, Văn bản xác nhận của UBND cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên, Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận, Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc bản sao căn cước công dân mới, Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận          Trường hợp: xác nhận thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp theo nhu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:          Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p>
--	--	--

				<p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận</p>
865	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở</p>	1.002273	Đất đai	<p>Trường hợp: thành phần hồ sơ đối với Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở Giấy chứng nhận hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án, trường hợp có thay đổi nghĩa vụ tài chính thì phải nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thiện nghĩa vụ tài chính đối với sự thay đổi đó (trừ trường hợp được miễn hoặc chậm nộp theo quy định của pháp luật). Sơ đồ nhà, đất đã xây dựng là bản vẽ mặt bằng hoàn công hoặc bản vẽ thiết kế mặt bằng; thông báo của cơ quan chuyên môn nghiệm thu công trình; danh sách các căn hộ, công trình xây dựng (có các thông tin số hiệu căn hộ, diện tích đất, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng chung, riêng của từng căn hộ; trường hợp nhà chung cư thì sơ đồ phải thể hiện phạm vi (kích thước, diện tích) phần đất sử dụng chung của các chủ căn hộ, mặt bằng xây dựng nhà chung cư, mặt bằng của từng tầng, từng căn hộ. Trường hợp: Thành phần hồ sơ đối với Chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản không phải là dự án phát triển nhà ở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ dự án, trường hợp có thay đổi nghĩa vụ tài chính thì phải nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thiện nghĩa vụ tài</p>

				<p>chính đối với sự thay đổi đó</p> <p>Bản vẽ thiết kế mặt bằng phù hợp với hiện trạng xây dựng và hợp đồng đã ký; Thông báo của cơ quan chuyên môn về xây dựng cho phép chủ đầu tư nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng; danh sách các tài sản (công trình, hạng mục công trình, phần diện tích của hạng mục công trình) gồm các thông tin tên của tài sản, diện tích đất, diện tích xây dựng sử dụng chung, sử dụng riêng của từng tài sản.</p> <p>Trường hợp: thành phần hồ sơ đối với người mua nhà, công trình xây dựng</p> <p>Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mẫu số 04a/ĐK.</p> <p>Hợp đồng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở, công trình xây dựng không phải là nhà ở theo quy định của pháp luật</p> <p>Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng không phải là nhà ở</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
866	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	1.005194	Đất đai	<p>Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK hoặc Đơn đề nghị cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận.</p> <p>Giấy xác nhận của UBND cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận trong thời gian 15 ngày đối với hộ gia đình và cá nhân.</p> <p>Giấy xác nhận của UBND cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đối với trường hợp mất Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do thiên</p>

				<p>tai, hòa hoạn. Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>
867	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)</p>	1.001045	Đất đai	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK (ban hành kèm Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>
868	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	2.000880	Đất đai	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp, trừ trường hợp thực hiện quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã có hiệu lực thi hành hoặc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án mà không thu hồi được bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp. Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của UBND cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật, quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất hoặc chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản ...</p>



				<p>Văn bản chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức</p> <p>Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp hộ gia đình đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p> <p>Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>
869	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.004238	Đất đai	<p>Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận đã được thanh lý hợp đồng</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>
870	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai)	1.004193	Đất đai	<p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Đơn đề nghị đính chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp phát hiện sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>
871	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp	1.004177	Đất đai	Đơn phản ánh việc cấp Giấy chứng nhận không

	không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)			đúng quy định. Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận	
872	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.005398	Đất đai	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/TT-BTNMT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <p><b>Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất:</b></p> <p>Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.</p> <p>Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất.</p> <p>Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993 được UBND cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15/10/1993</p> <p>Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất</p> <p>Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất (sổ mục kê, giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất, Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng</p>	

				<p>ký ruộng đất, Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do UBND cấp xã, ...)</p> <p>Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành</p> <p>Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014</p> <p>Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.</p> <p>Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có (bản sao)</p> <p>Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế</p>
873	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập)</p>	1.002993	Đất đai	<p>Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền, hồ sơ gồm</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định</p>

				<p>Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không lập hợp đồng, văn bản chuyển quyền theo quy định, hồ sơ gồm có Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền.</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
874	<p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề</p>	1.004221	Đất đai	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư 33/2017/TT-BTNMT</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp của một bên hoặc các bên liên quan</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề.</p> <p>Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thừa đất mà người sử dụng thừa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
875	<p>Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất</p>	1.001009	Đất đai	<p>Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; (bản chính).</p> <p>Trích đo địa chính thừa đất đối với trường hợp chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất của một phần thừa đất.</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
876	<p>Tách thửa hoặc hợp thửa đất</p>	1.004203	Đất đai	<p>Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa</p>

				<p>chính.          Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.          Trường hợp tách thửa đất từ Giấy chứng nhận đã cấp chung cho nhiều thửa đất để cấp riêng một Giấy chứng nhận          Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.          Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp          Giấy chứng nhận</p>
877	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	1.004269	Đất đai	<p>Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (Mẫu số 01 được ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)          Giấy giới thiệu trích lục hồ sơ (đối với tổ chức).          Hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai (trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin dưới hình thức tổng hợp thông tin đất đai) (Mẫu số 02).          Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính</p>
878	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	1.004206	Đất đai	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.          Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp          Giấy chứng nhận</p>
879	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	2.001761	Đất đai	<p>Trường hợp không thực hiện cấp đổi đồng loạt:          Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo mẫu số 10/ĐK.          Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.          Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận, đo đạc lập BĐĐC mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.          Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án "dồn điền đổi thửa" (nếu có).          Trường hợp thực hiện cấp đổi đồng loạt:</p>

				<p>Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo mẫu số 10/ĐK.</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp hoặc bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.</p> <p>Văn bản thỏa thuận về chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân</p> <p>Phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã đã được Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt.</p> <p>Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án "đòn điền đổi thửa" (nếu có).</p> <p>Giấy chứng nhận QSDĐ,..</p> <p>Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>
880	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất trả tiền thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	1.001134	Đất đai	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp; trường hợp người sử dụng đất thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trên môi trường điện tử thì Cơ quan tiếp nhận hoặc cơ quan giải quyết hồ sơ thông báo cho người yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính nộp bản chính Giấy chứng nhận đã cấp, các giấy tờ theo quy định sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.</p> <p>Hợp đồng thuê đất đã lập;</p> <p>Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).</p> <p>* Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân, số CMND/thẻ căn cước công dân/số định danh cá nhân, hộ chiếu, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm các giấy tờ sau đây:</p>

				<p>Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao giấy CMND/thẻ căn cước công dân/số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p> <p>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận.</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p>
881	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.001991	Đất đai	<p>- Hợp đồng, văn bản mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>- Hợp đồng thuê đất đã ký với Nhà nước.</p> <p>Giấy chứng nhận.</p> <p>Hợp đồng thuê đất.</p>
882	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	2.001938	Đất đai	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;</p> <p>Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất để quản lý (nếu có);</p> <p>Sơ đồ hoặc trích đo địa chính thửa đất, khu đất được giao quản lý (nếu có).</p>
883	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.001990	Đất đai	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>- Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).</p> <p>Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay</p>

				<p>đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận (bản chính).</p> <p>Giấy chứng nhận.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện được gia hạn sử dụng đất thì cơ quan tài nguyên và môi trường thông báo cho người sử dụng đất và làm thủ tục thu hồi đất theo quy định.</p>
884	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	1.004217	Đất đai	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Quyết định gia hạn quyền sử dụng đất</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
885	Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	1.001923	Đo đạc và bản đồ	<p>Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.</p> <p>Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ</p>
886	Cấp giấy phép môi trường	1.010727	Môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>- Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm (mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p>



				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</li> <li>- Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</li> <li>- Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</li> <li>- Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</li> </ul> <p>Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.</p>	
887	Cấp đổi giấy phép môi trường	1.010728	Môi trường	- Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường	

				<p>của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường cấp đổi (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p>	
888	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1.010729	Môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường điều chỉnh (mẫu số 41 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p>	
889	Cấp lại giấy phép môi trường	1.010730	Môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: Báo cáo đề</p>	

				<p>xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường</p>
890	Thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.010733	Môi trường	<p>Hồ sơ đề nghị thẩm định: - 01 bản chính văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). - 01 bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương; - 01 bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p> <p>Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyền gáy cứng, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kê</li> </ul>

				<p>cả phụ lục kèm theo đĩa CD trong đó chứa tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục) (bản chính)          Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;          Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định.</p>
891	<p>Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</p>	1.010735	Môi trường	<p>Hồ sơ đề nghị thẩm định:          - Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)          - Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)          - Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận (bản sao)          Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:          - Văn bản giải trình ý kiến thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)          - Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định (bản chính)          Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và báo cáo phương án cải tạo phục hồi môi trường (mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)          Trường họp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc</p>

				hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.	
892	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	1.009669	Tài nguyên nước	<p>- Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: Chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.</p> <p>Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: Chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.</p> <p>Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>	
893	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	2.001770	Tài nguyên nước		
894	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.004283	Tài nguyên nước	<p>- Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2017/NĐ-CP).</p> <p>- Bản chính: Văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo</p>	

				<p>các tài liệu để chứng minh. Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>
895	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất	1.011516	Tài nguyên nước	<p>Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt, nước biển, nước dưới đất: Mẫu 36, Mẫu 37 và Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP. Kết quả thực hiện thủ tục Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất (cấp tỉnh) được thực hiện theo Mẫu 20 và Mẫu 36 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định 02/2023/NĐ-CP</p>
896	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	1.011518	Tài nguyên nước	<p>- Đơn đề nghị trả lại giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có); Kết quả của thủ tục Trả lại giấy phép tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân tỉnh/ Sở Tài nguyên và Môi trường cấp theo Mẫu 19 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP</p>
897	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004232	Tài nguyên nước	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép. - Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Giấy phép thăm dò nước dưới đất: Mẫu 11 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP - Đơn đề nghị cấp giấy phép. - Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất. Sở Tài nguyên và Môi trường - Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính từ thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.</p>

				Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất: Mẫu 13 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.	
898	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004223	Tài nguyên nước		
899	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 01, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</li> <li>- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Mẫu số 02, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).</li> </ul> Kết quả thủ tục cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 03, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT	
900	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004228	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép.</li> </ul> Giấy phép (gia hạn/điều chỉnh) thăm dò nước dưới đất: Mẫu 12 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	
901	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004211	Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép.</li> <li>- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác thì phải nêu rõ phương án khai thác nước.</li> <li>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.</li> <li>- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước dưới đất đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép.</li> </ul> Giấy phép (gia hạn/điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước dưới đất: Mẫu 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	

902	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	2.001738	Tài nguyên nước	<p>CP</p> <p>(1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 04, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</p> <p>(2) Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT);</p> <p>(3) Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài Đơn và Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm: Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</p> <p>(4) Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép, ngoài đơn và bảng tổng hợp công trình, hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực đáp ứng quy mô hành nghề theo quy định (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề).</p> <p>Kết quả thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT.</p>	
903	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004253	Tài nguyên nước	<p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 07 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT)</p> <p>- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy</p>	



				<p>phép.          Kết quả thủ tục cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT</p>	
904	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	1.004179	Tài nguyên nước	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép.          - Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác.          - Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành).          - Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ mục đích khai thác, sử dụng nước cho thủy điện).          - Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.          - Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến (đối với trường hợp phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).          Trường hợp chưa có công trình khai thác nước mặt, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.          Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt: Mẫu 15 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển: Mẫu 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP</p>	
905	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3</p>	1.004167	Tài nguyên nước	<p>Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép.          - Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước.          - Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ</p>	

	triệu m <sup>3</sup> , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biên cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm			(trừ mục đích khai thác, sử dụng nước cho thủy điện); - Bản sao giấy phép đã được cấp. Giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước mặt: Mẫu số 16 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, Giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước biên: Mẫu 18 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	
906	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	1.000824	Tài nguyên nước	- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép. - Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép. Giấy phép thăm dò nước dưới đất (cấp lại): Mẫu 12 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP., Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (cấp lại): Mẫu 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP., Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (cấp lại): Mẫu 16 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biên (cấp lại): Mẫu 18 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	
907	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	2.001850	Tài nguyên nước	Phương án cấm mốc giới Phương án cấm mốc được phê duyệt - Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án; - Kế hoạch triển khai xây dựng công trình; - Tiến độ xây dựng công trình; - Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình	

				<p>không vận hành;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;</li> <li>- Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023;</li> <li>- Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.</li> <li>- Quy mô, phương án chuyển nước (đối với dự án có chuyển nước).</li> </ul> <p>Văn bản trả lời xin ý kiến.</p>
908	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m <sup>3</sup> /giây trở lên (TTHC cấp tỉnh)	1.001740	Tài nguyên nước	
909	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000987	Khí tượng thủy văn	<p>Hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo đối với tổ chức:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(4) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình</p>

				<p>quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(5) Bản khai kinh nghiệm công tác của nhân viên tham gia dự báo, cảnh báo, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc (01 bản chính).</p> <p>+ Hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo đối với cá nhân:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(3) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(4) Bản khai kinh nghiệm công tác, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc (01 bản chính).</p> <p>Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn hoặc văn bản từ chối cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân</p>
910	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000943	Khí tượng thủy văn	<p>Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính).</p> <p>Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng</p>

911	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.00097	Khí tượng thủy văn	<p>thủy văn theo Mẫu số 05</p> <p>(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn giấy phép theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu 05 (kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ) hoặc văn bản từ chối cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân.</p>	
912	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778	Khoáng sản	<p>* Đối với Doanh nghiệp mới thành lập</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 03 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>*Đối với Doanh nghiệp đang hoạt động</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>*Đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản</p>	

				<p>(Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	
913	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo)</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó)</p> <p>Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản</p> <p>Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản</p> <p>Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò (Mẫu số 42, Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)</p> <p>Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	
914	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	2.001814	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm</p>	

				<p>dò khoáng sản</p> <p>Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản</p> <p>Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	
915	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	1.005408	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Giấy phép thăm dò khoáng sản</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 42 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò (Mẫu số 33 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò (trả lại một phần diện tích thăm dò) khoáng sản</p>	
916	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	2.001787	Khoáng sản	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng</p>	

				<p>khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan (Mẫu số 39 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản</p> <p>Bản chính Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân</p> <p>Bản chính báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản</p> <p>Dữ liệu của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò</p> <p>Quyết định phê duyệt/công nhận trữ lượng, tài nguyên khoáng sản (Mẫu số 30 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Phụ lục III Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ)</p> <p>Bản chính Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 46 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)</p> <p>Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản</p>	
917	Chấp thuận tiên hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083	Khoáng sản		
918	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu	1.004446	Khoáng sản	<p>1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy</p>	



<p>tư xây dựng công trình</p>		<p>phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 11 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt</p> <p>Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định</p> <p>2. Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 11 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt</p> <p>Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>3. Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác</p>
-------------------------------	--	--

				<p>khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 12 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình (Mẫu số 26 Phụ lục số 02 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt Giấy phép khai thác khoáng sản; Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 24 Mẫu số 28 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	
919	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	1.004434	Khoáng sản	<p>Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá</p>	
920	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	1.004433	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số</p>	

				<p>chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 07b Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014)</p>	
921	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	2.001783	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 25 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) - (Mẫu số 25 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 10 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng</p> <p>Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 24 Phụ lục</p>	
922	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	1.004345	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 10 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng</p> <p>Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 24 Phụ lục</p>	

				<p>2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>
923	<p>Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản</p>	1.004135	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 09 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 34, phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 36, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)</p> <p>Bản chính Đề án đóng cửa mỏ hoặc đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (Mẫu số 02, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)</p> <p>Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác (trả lại một phần khu vực khai thác) khoáng</p>

				sản (Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
924	Đóng cửa mỏ khoáng sản	1.004367	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 20 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (Mẫu số 32, Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ</p> <p>Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và Quyết định về việc đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. (Mẫu số 31; Mẫu số 32 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	
925	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001781	Khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 13 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29, Phụ lục số 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ</p>	

				trường Bộ Tài nguyên và Môi trường) Bản chính Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
926	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1.004343	Khoáng sản	Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)
927	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777	Khoáng sản	Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 15 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) Bản chính Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép (Mẫu số 36 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) Bản chính Đề án đóng cửa mỏ (Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)
928	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình	1.004132	Khoáng sản	- Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình

	(đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch			<p>Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản;</p> <p>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt</li> </ul> <p>-Đối với thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi thông luồng</p> <p>Bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi</p> <p>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch, thời gian thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;</li> <li>- Hợp đồng thuê bến bãi chứa cát (nếu có).</li> </ul> <p>Bản xác nhận đăng ký khai thác</p>	
<b>XV. Thủ tục hành chính do Ban quản lý Khu kinh tế quản lý</b>					
929	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955	Lao động	Nội quy lao động	
930	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	1.005132	Quản lý lao động ngoài nước	- Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực	

				<p>tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐT BXH);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh việc ký quỹ của doanh nghiệp theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP.</p>	
931	<p>Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn</p>	1.009742	<p>Đầu tư tại Việt Nam</p>	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;</p> <p>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</p> <p>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư/báo cáo nghiên cứu tiền khả thi</p> <p>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p> <p>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p>	
932	<p>Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.</p>	1.009748	<p>Đầu tư tại Việt Nam</p>	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.</p> <p>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</p> <p>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư.</p>	



				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>
933	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	1.009755	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư;</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</li> <li>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>
934	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.	1.009756	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> <li>- Đề xuất dự án đầu tư.</li> <li>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>	
935	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	1.009757	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh.</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
936	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý.	1.009759	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh.</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
937	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009760	Đầu tư tại Việt Nam	<p><b>* Đối với Trường hợp 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư.</li> </ul> <p><b>* Đối với Trường hợp 2:</b></p>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>
938	<p>Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p>	1.009762	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư;</li> <li>- Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC);</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>

939	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý .	1.009763	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.</li> <li>- Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có).</li> <li>- Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có).</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.</li> <li>- Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm.</li> </ul>	
940	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009764	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư.</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
941	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc	1.009765	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền</li> </ul>	

	Ban Quản lý.			và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).	
942	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009766	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn. - Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn.	
943	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009767	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh. - Hợp đồng hợp tác kinh doanh. - Tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của bên tham gia hợp tác kinh doanh.	
944	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	1.009768	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.	
945	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối	1.009769	Đầu tư tại Việt Nam	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.	

	với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).			
946	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	1.009770	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.</li> <li>- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>
947	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	1.009774	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính.</li> </ul>
948	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	1.009773	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</li> </ul>
949	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài.	1.009775	Đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có).</li> <li>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế</li> </ul>

				<p>có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.</p> <p>- Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó.</p>	
950	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	1.009776	Đầu tư tại Việt Nam	<p>- Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành.</p> <p>- Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành.</p> <p>- Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành.</p> <p>- Hợp đồng BCC.</p>	
951	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	1.009777	Đầu tư tại Việt Nam	<p>- Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn.</p> <p>- Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán.</p> <p>- Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết.</p> <p>- Hợp đồng BCC.</p>	
952	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư	1.009771	Đầu tư tại Việt Nam	Văn bản thông báo về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư.	

953	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	1.009772	Đầu tư tại Việt Nam	<p>1. Văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.</p> <p>2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>3. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư.</p>	
954	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	2.002603	Đầu thầu	<p>- Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư gồm thông tin quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đầu thầu, cụ thể gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư</li> <li>+ Địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt</li> <li>+ Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có)</li> <li>+ Nội dung khác liên quan (nếu có).</li> </ul> <p>- Các thành phần hồ sơ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, cụ thể gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận</li> <li>+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư</li> <li>+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng</li> </ul>	



				lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư	
955	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	1.009972	Hoạt động Xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án.</li> </ul>	
956	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1.0099974	Hoạt động xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án.</li> <li>- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế.</li> </ul>	
957	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	<u>1.009975</u>	Hoạt động xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế.</li> </ul>	
958	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I,	<u>1.009977</u>	Hoạt động xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo</li> </ul>	

	cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án.			Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. - Thông báo kết quả thẩm định thiết kế. - Quyết định phê duyệt thiết kế.	
959	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	<u>1.009978</u>	Hoạt động xây dựng	- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	
960	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1.009997	Hoạt động xây dựng	- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	
961	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương.	1.009794	Quản lý chất lượng công trình	- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.	

962	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	1.002701	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	- Tờ trình đề nghị thẩm định.	
963	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	1.003011	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án;	
<b>XVI. Thủ tục hành chính do Sở Giao thông vận tải quản lý</b>					
964	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	1.002809	Đường bộ	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe; Thông tin cá nhân	
965	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	1.002801	Đường bộ	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe; Thông tin cá nhân	
966	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	1.002804	Đường bộ	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe; Thông tin cá nhân	
967	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	1.002796	Đường bộ	1. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe; Thông tin cá nhân 2. Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo qui định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo qui định của pháp luật	
968	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái	1.002793	Đường bộ	1. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe; Thông tin	

	xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam			<p>cá nhân</p> <p>2. Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe</p>
969	Cấp lại Giấy phép lái xe	1.002820	Đường bộ	<p>1. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe; Thông tin cá nhân</p> <p>2. Giấy phép lái xe còn thời hạn hoặc quá thời hạn sử dụng</p>
970	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	2.001002	Đường bộ	Đơn đề nghị đổi cấp giấy phép lái xe quốc tế; Thông tin cá nhân
971	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.001765	Đường bộ	Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
972	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)	1.004993	Đường bộ	Đơn đề nghị theo mẫu quy định.
973	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	1.001777	Đường bộ	<p>1. Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe</p> <p>2. Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền</p>
974	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	1.001623	Đường bộ	<p>1. Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe</p> <p>2. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe</p> <p>3. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô</p>
975	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô	1.005210	Đường bộ	1. Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép

	tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác			<p>đào tạo lái xe</p> <p>2. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe</p> <p>3. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô</p>	
976	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1.000660	Đường bộ	<p>1. Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định.</p> <p>2. Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng.</p> <p>4. Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo mẫu quy định.</p> <p>5. Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.</p>	
977	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	1.000672	Đường bộ	<p>1. Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định.</p> <p>2. Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</p> <p>3. Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</p> <p>4. Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</p>	
978	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1.002063	Đường bộ	Giấy đề nghị gia hạn Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	

979	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577	Đường bộ	Giấy đề nghị gia hạn Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
980	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1.002286	Đường bộ	Giấy đề nghị gia hạn Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia
981	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707	Đường bộ	Giấy đề nghị gia hạn Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
982	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1.002046	Đường bộ	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS
983	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1.001737	Đường bộ	Giấy đề nghị gia hạn Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
984	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	1.002030	Đường bộ	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.
985	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	2.000872	Đường bộ	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.
986	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	1.001896	Đường bộ	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.
987	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	2.000847	Đường bộ	Tờ khai cấp (đổi) đăng ký xe máy chuyên dùng; Tờ khai thông báo công khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân
988	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	1.001919	Đường bộ	Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân; Chứng từ sở hữu bản sao; Chứng từ nguồn gốc bản sao; Giấy Chứng

				nhận đăng ký tạm thời	
989	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	2.000881	Đường bộ	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.	
990	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyên đến	1.001994	Đường bộ	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.	
991	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.002007	Đường bộ	Tờ khai thu hồi đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.	
992	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	1.001826	Đường bộ	Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.	
993	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	1.001001	Đường bộ	Văn bản Đề nghị thẩm định; Thông tin tổ chức, cá nhân; Giấy Chứng nhận Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo; Giấy CN Đăng ký kinh doanh	
994	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh, quốc lộ ủy thác và các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của sở giao thông vận tải	3.000178	Đường bộ	Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu;	
995	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh, quốc lộ ủy thác và các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của sở giao thông vận tải	1.011289	Đường bộ	Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu;	
996	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng	1.011290	Đường bộ	Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao	

	cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh, quốc lộ ủy thác và các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của sở giao thông vận tải			thông đường bộ Giấy phép chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh, quốc lộ ủy thác và các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của sở giao thông vận tải	
997	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh, quốc lộ ủy thác và các tuyến đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của sở giao thông vận tải	1.011291	Đường bộ	Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công công trình theo mẫu	
998	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	1.000028	Đường bộ	Đơn đề nghị Cấp phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ  Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển.	
999	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác	1.001075	Đường bộ	Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	



1000	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ	1.001046	Đường bộ	Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ
1001	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	1.001035	Đường bộ	Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình
1002	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh	1.008452	Đường bộ	Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đầu nối vào quốc lộ
1003	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1004	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1005	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1006	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1007	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1008	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu	1.003970	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân

	phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện				
1009	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân	
1010	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân	
1011	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2.001659	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân	
1012	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322	Đường thủy nội địa	Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định; Thông tin Doanh nghiệp, nhân sự; Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của địa phương (bản sao có chứng thực hoặc bản chính để đối chiếu)	
1013	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296	Đường thủy nội địa	Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	
1014	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng Đường thủy nội địa	1.009442	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa; 2. Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền.	
1015	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.009443	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị về việc đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu 2. Quyết định công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.	
1016	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa 2. Quyết định công bố hoạt động cảng, bến thủy	

				nội địa.	
1017	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa.	1.009445	Đường thủy nội địa	Bảng đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa.	
1018	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	1.009446	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa 2. Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật của cấp có thẩm quyền về nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa; Bản vẽ hoàn công của bến thủy nội địa; Bản vẽ mặt bằng công trình, vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa.	
1019	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1.009447	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị đóng cảng, bến thủy nội địa; 2. Quyết định công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa.	
1020	Thiết lập khu neo đậu	1.009448	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập khu neo đậu 2. Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.	
1021	Công bố hoạt động khu neo đậu	1.009449	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị công bố hoạt động khu neo đậu 2. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; 3. Biên bản nghiệm thu rà quét vật chướng ngại.	
1022	Công bố đóng khu neo đậu	1.009450	Đường thủy nội địa	1. Đơn đề nghị đóng khu neo đậu 2. Quyết định công bố hoạt động khu neo đậu. (Trừ trường hợp đã được các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh chia sẻ dưới dạng dữ liệu và có giá trị pháp lý).	

1023	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa.	1.009451	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa;</li> <li>Sơ đồ dự kiến vị trí báo hiệu.</li> </ol>
1024	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	1.004242	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa;</li> <li>Quyết định công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa.</li> </ol>
1025	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1.004248	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa.</li> <li>Văn bản phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol>
1026	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.009458	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa.</li> <li>Văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải trường hợp cảng thủy nội địa không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.</li> </ol>
1027	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1.009459	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa;</li> <li>Biên bản nghiệm thu hòa thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công công trình luồng, hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa đối với luồng có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng được cải tạo nâng cấp.</li> </ol>
1028	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa;</li> <li>Phương án thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa do cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý luồng lập.</li> </ol>

1029	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị công bố thông báo luồng</li> <li>2. Quyết định công bố luồng đường thủy nội địa.</li> </ol>
1030	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.009462	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa;</li> <li>2. Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);</li> </ol>
1031	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463	Đường thủy nội địa	Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng công trình.
1032	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa;</li> <li>2. Phương án đảm bảo an toàn giao thông được phê duyệt.</li> </ol>
1033	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465	Đường thủy nội địa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông;</li> <li>2. Phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động;</li> <li>3. Phương án bảo đảm an toàn giao thông.</li> </ol>
<b>XVII. Thủ tục hành chính do Sở Tư pháp quản lý</b>				
1034	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1,002010	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu quy định;</li> <li>- Dự thảo điều lệ của công ty luật (nếu thành lập công ty);</li> <li>- Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư của luật sư thành lập văn phòng luật sư, thành lập hoặc tham gia thành lập công ty luật;</li> </ul>

				- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư.	
1035	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1,002032	Luật Sư	- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư; - Giấy đăng ký hoạt động; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư (nếu thay đổi về trụ sở).	
1036	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1,002055	Luật Sư	- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư; - Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên; - Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật; - Họ, tên, số và ngày cấp Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật. - Danh mục các hợp đồng chưa hoàn thành và văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và tổ chức chuyên việc thực hiện các hợp đồng đó cho người đại diện theo pháp luật mới của văn phòng luật sư, công ty luật.	
1037	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	1,002079	Luật Sư	- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư; - Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh đã được cấp trước đây.	
1038	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	1,002099	Luật Sư	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh; - Bản sao Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư thành lập chi nhánh; - Quyết định thành lập chi nhánh; - Bản sao chứng chỉ hành nghề luật sư, thẻ luật sư của Trưởng chi nhánh; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.	
1039	Đăng ký hành nghề luật sư với tư	1,002153	Luật Sư	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu quy	

	cách cá nhân			<p>định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư;</li> <li>- Bản sao Hợp đồng lao động ký kết với cơ quan, tổ chức.</li> </ul>	
1040	Hợp nhất công ty luật	1,002218	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật;</li> <li>- Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị hợp nhất;</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất;</li> <li>- Điều lệ của công ty luật hợp nhất.</li> </ul>	
1041	Sáp nhập công ty luật	1,002234	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;</li> <li>- Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị sáp nhập;</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.</li> </ul>	
1042	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	1,008709	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi;</li> <li>- Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi;</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi;</li> <li>- Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi;</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong</li> </ul>	

				trường hợp có thay đổi về trụ sở.	
1043	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1,002181	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài ;</li> <li>- Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở</li> </ul>	
1044	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1,002198	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài;</li> <li>- Bản sao Giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài;</li> <li>- Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp.</li> </ul>	
1045	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	1,002398	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị chuyển đổi;</li> <li>- Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam.</li> </ul>	
1046	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	1,002384	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh trụ sở của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.</li> </ul>	
1047	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1,002368	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, số Giấy đăng ký hoạt động;</li> <li>- Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở.</li> </ul>	
1048	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	1,000627	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động;</li> <li>- Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật; về việc cử Giám đốc của Trung tâm tư vấn pháp luật;</li> <li>- Dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm tư vấn do tổ chức chủ quản ban hành;</li> <li>- Danh sách kèm theo hồ sơ của người được đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, của luật sư làm</li> </ul>	



				việc theo hợp đồng lao động cho Trung tâm.	
1049	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	1,000614	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động;</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật thành lập chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, hoặc bản sao Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật thành lập chi nhánh và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp;</li> <li>- Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Chi nhánh;</li> <li>- Bản sao có chứng thực Thẻ luật sư của luật sư hoặc Thẻ tư vấn viên pháp luật của người dự kiến làm Trưởng chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, hoặc bản sao Thẻ luật sư của luật sư hoặc Thẻ tư vấn viên pháp luật của người dự kiến làm Trưởng chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.</li> </ul>	
1050	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	1,000588	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật;</li> <li>- Bản chính Giấy đăng ký hoạt động;</li> <li>- Giấy xác nhận trụ sở mới của Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp thay đổi trụ sở;</li> <li>- Quyết định về việc cử Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh trong trường hợp thay đổi Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh;</li> <li>- Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, hồ sơ của luật sư trong trường hợp bổ sung tư vấn viên pháp luật, luật sư.</li> </ul>	
1051	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật.	1,000426	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật;</li> <li>- Bản sao Bằng cử nhân luật;</li> <li>- Giấy xác nhận về thời gian công tác pháp luật của người được đề nghị.</li> </ul>	

				- 02 ảnh chân dung 2cm x 3cm (chụp cách ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng).	
1052	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	1,000404	Tư vấn pháp luật	Văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật	
1053	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật.	1,000390	Tư vấn pháp luật	- Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, trong đó có xác nhận của Trung tâm tư vấn pháp luật hoặc Chi nhánh về tình trạng của Thẻ tư vấn viên pháp luật; - Hai ảnh chân dung cỡ 2 cm x 3 cm; - Thẻ tư vấn viên pháp luật cũ (trong trường hợp Thẻ bị hư hỏng).	
1054	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.	1,001122	Giám định viên tư pháp	- Văn bản đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp. - Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm. - Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp. - Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc. - Chứng chỉ đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự. - 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất).	
1055	Cấp lại Thẻ giám định viên tư pháp		Giám định viên tư pháp	- Đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp (Mẫu số 6). Trường hợp thẻ bị mất hoặc có thay đổi nội dung ghi trên thẻ thì đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị	

				<p>chủ quản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẻ giám định viên tư pháp đang sử dụng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin đã được ghi trên thẻ; thẻ giám định viên tư pháp trong trường hợp thẻ cũ bị hỏng;</li> <li>- 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất) của người đề nghị cấp lại thẻ.</li> </ul>	
1056	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	2,000894	Giám định viên tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức đã đề nghị bổ nhiệm người đó;</li> <li>- Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp;</li> <li>+ Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;</li> <li>+ Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;</li> <li>+ Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật Giám định tư pháp;</li> <li>+ Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;</li> <li>+ Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;</li> <li>+ Theo đề nghị của giám định viên tư pháp.</li> </ul> </li> </ul>	

				<p>Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;</p> <p>+ Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động.</p>	
1057	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	2,000890	Giám định viên tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin phép thành lập;</li> <li>- Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp;</li> <li>- Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp;</li> <li>- Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp phải nêu rõ mục đích thành lập; dự kiến về tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện.</li> </ul>	
1058	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	2,000823	Giám định viên tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký hoạt động;</li> <li>- Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp theo Đề án thành lập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật Giám định tư pháp;</li> <li>- Bản sao quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp.</li> </ul>	
1059	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ	2,000555	Giám định viên tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động; (nội dung ghi đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP);</li> </ul>	

	trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của văn phòng giám định tư pháp			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký hoạt động cũ.</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức giám định (nếu thay đổi về trụ sở).</li> </ul>	
1060	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	1,001117	Giám định viên tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động; (nội dung đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP)</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động cũ trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất thì phải chứng minh về việc Giấy đăng ký hoạt động đã bị hư hỏng hoặc bị mất.</li> </ul>	
1061	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của văn phòng giám định tư pháp	2,000568	Giám định viên tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định;</li> <li>- Đề án về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, trong đó nêu rõ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định;</li> <li>- Bản sao quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định;</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp đã được cấp.</li> </ul>	
1062	Chuyển đổi loại hình văn phòng giám định tư pháp	1,001878	Giám định viên tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chuyển đổi;</li> <li>- Đề án chuyển đổi loại hình hoạt động, trong đó nêu rõ lý do chuyển đổi, tình hình tổ chức và hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp tính đến ngày đề nghị chuyển, đổi, dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, điều kiện vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định;</li> <li>- Bản sao quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp là thành viên hợp danh của Văn phòng;</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập Văn phòng;</li> <li>- Dự thảo Quy chế mới về tổ chức, hoạt động của</li> </ul>	

1063	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2,001395	Giám định viên tư pháp	Văn phòng. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động;</li> <li>- Điều lệ của doanh nghiệp đối với công ty đấu giá hợp danh;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản (là một trong những loại giấy tờ được quy định tại Điều 118 Luật nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở).</li> <li>- Cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản.</li> </ul>
1064	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2,001333		Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
1065	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2,001258		Giấy đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động
1066	Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	2,001247	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh;</li> <li>- Quyết định thành lập chi nhánh;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của Trưởng chi nhánh;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh</li> </ul>
1067	Cấp Thẻ đấu giá viên	2,001815	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp Thẻ đấu giá viên;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của đấu giá viên được đề nghị cấp Thẻ;</li> </ul>

				- 01 ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp ảnh).
1068	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	2,001807	Đấu giá tài sản	- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ đấu giá viên; - 01 ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh).
1069	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	2,001225	Đấu giá tài sản	Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến.
1070	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	2,002139	Đấu giá tài sản	- Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá. - Báo cáo kết quả tập sự hành nghề đấu giá.
1071	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm Trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1,008889	Trọng tài thương mại	- Đơn đăng ký hoạt động; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu; - Bản sao có chứng thực Điều lệ Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu;
1072	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1,008890	Trọng tài thương mại	- Đơn đăng ký hoạt động; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu; - Bản chính Quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài; - Bản chính Quyết định của Trung tâm trọng tài về việc cử Trưởng Chi nhánh;
1073	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1,008904	Trọng tài thương mại	- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao

				thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu. Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu	
1074	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1,008905	Trọng tài thương mại	- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động; - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.	
1075	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1,008906	Trọng tài thương mại	- Đơn đăng ký hoạt động; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.	
1076	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1,001248	Trọng tài thương mại	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 12/TP-TTTM) - Giấy xác nhận về việc bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy Giấy đăng ký hoạt động của công an cấp xã nơi mất giấy tờ; hoặc giấy đăng ký cũ đã bị rách, nát.	
1077	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	1,002626	Quản lý, thanh lý tài sản	+ Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân + Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp yêu cầu người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp Phiếu lý lịch tư	



				pháp.	
1078	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1,001842	Quản lý, thanh lý tài sản	<p>+ Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;</p> <p>+ Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>+ Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có).</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp yêu cầu doanh nghiệp đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản nộp Phiếu lý lịch tư pháp của những người quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.</p>	
1079	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	1,001633	Quản lý, thanh lý tài sản	Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	
1080	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1,001600	Quản lý, thanh lý tài sản	Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.	
1081	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		Quản lý, thanh lý tài sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thay đổi;</li> <li>- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>- Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân.</li> </ul>	

1082	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	1012019,000000	Công chứng	- Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự; - Báo cáo kết quả tập sự và Sổ nhật ký tập sự (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).
1083	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng	1,001071	Công chứng	a) Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a) hoặc (Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP ; b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).
1084	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1,001125	Công chứng	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP.
1085	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1,001153	Công chứng	- Đối với Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự: Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. - Đối với Sở Tư pháp nơi chuyển đến: + Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. + Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để

				đôi chiều). + Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự (Mẫu TP-TSCC-04).
1086	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1,001438	Công chứng	Báo cáo bằng văn bản của tổ chức hành nghề công chứng về việc chấm dứt tập sự hành nghề công chứng. a) Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).
1087	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1,001446	Công chứng	
1088	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	1,001721	Công chứng	a) Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10); b) Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng; c) Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng; d) Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng. Các giấy tờ quy định tại điểm b, c và d là bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Người được hoãn tham dự kỳ kiểm tra trước nộp Giấy đăng ký tham dự kiểm tra, trong đó có ghi rõ việc được hoãn tham dự kỳ kiểm tra trước đó.
1089	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên.	1,001756	Công chứng	- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên (Mẫu TP-CC-06);

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của mỗi công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh);</li> <li>- Giấy tờ khác chứng minh công chứng viên đã là Hội viên của Hội công chứng viên tỉnh Tây Ninh (trường hợp địa phương chưa có Hội công chứng viên thì nộp giấy tờ chứng minh là hội viên Hiệp hội công chứng viên Việt Nam);</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động;</li> <li>- Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề đấu giá, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại, giấy tờ chứng minh đã chấm dứt công việc thường xuyên khác; giấy tờ chứng minh đã được Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề ở tổ chức hành nghề công chứng trước đó hoặc văn bản cam kết chưa đăng ký hành nghề công chứng kể từ khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên.</li> </ul>	
1090	Cấp lại Thẻ công chứng viên	1,001799	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên;</li> <li>- 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ);</li> <li>- Thẻ công chứng viên đang sử dụng (trong trường hợp Thẻ bị hỏng).</li> </ul>	
1091	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ của công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng		Công chứng	Thông báo của tổ chức hành nghề công chứng về việc chấm dứt tư cách thành viên hợp danh;	

1092	Thành lập Văn phòng công chứng	1,001877	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng;</li> <li>- Đề án thành lập Văn phòng công chứng; nêu rõ sự cần thiết thành lập, dự kiến về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện;</li> <li>- Bản sao Quyết định bổ nhiệm Công chứng viên</li> </ul>
1093	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	2,000789	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở.</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh về trụ sở là một trong những loại giấy tờ được quy định tại Điều 118 Luật nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở.</li> <li>+ Trụ sở của Văn phòng công chứng phải có địa chỉ cụ thể, có nơi làm việc cho công chứng viên và người lao động với diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các đơn vị sự nghiệp, có nơi tiếp người yêu cầu công chứng và nơi lưu trữ hồ sơ công chứng theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí và quy trình xét duyệt hồ sơ thành lập văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh..</li> <li>- Hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có), cụ thể:</li> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên (Mẫu TP-CC-06);</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của mỗi công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh);</li> <li>- Giấy tờ khác chứng minh công chứng viên đã là Hội viên của Hội công chứng viên tỉnh Tây Ninh (trường hợp địa phương chưa có Hội công chứng viên thì nộp giấy tờ chứng minh là hội viên Hiệp hội công chứng viên Việt Nam);</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động;</li> <li>- Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề đấu giá, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại, giấy tờ chứng minh đã chấm dứt công việc thường xuyên khác; giấy tờ chứng minh đã được Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề ở tổ chức hành nghề công chứng trước đó hoặc vẫn bản cam kết chưa đăng ký hành nghề công chứng kể từ khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên.</li> </ul>	
1094	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	2,000778	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021</li> <li>- Bản chính giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng</li> <li>- Một hoặc một số giấy tờ sau đây tùy vào nội dung đăng ký hoạt động được đề nghị thay đổi. Cụ thể như sau: + Trường hợp Văn phòng công chứng bổ sung công chứng viên: Văn bản chấp thuận của các công chứng viên hợp danh trong trường hợp bổ sung công chứng viên hợp danh hoặc hợp đồng lao động trong trường hợp bổ sung công chứng viên</li> </ul>	

			<p>làm việc theo chế độ hợp đồng lao động kèm theo hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên.</p> <p>+ Trường hợp Văn phòng công chứng giảm số lượng công chứng viên: Văn bản chấp thuận của các công chứng viên hợp danh và văn bản thông báo về việc chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư này hoặc giấy tờ chứng minh công chứng viên chấm dứt tư cách thành viên hợp danh trong các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 của Thông tư này hoặc quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc văn bản chấm dứt hợp đồng lao động với công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.</p> <p>+ Trường hợp Văn phòng công chứng thay đổi Trưởng Văn phòng: Giấy tờ chứng minh công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên, kèm theo thỏa thuận bằng văn bản của các thành viên hợp danh về việc thay đổi Trưởng Văn phòng;</p> <p>+ Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng: Giấy tờ chứng minh về trụ sở mới;</p> <p>+ Trường hợp thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng: Văn bản thỏa thuận của các thành viên hợp danh về việc thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng;</p> <p>+ Trường hợp sáp nhập Văn phòng công chứng: Các giấy tờ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 29/2015/NĐ-CP; trường hợp chuyển nhượng Văn phòng công chứng: Các giấy tờ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 29/2015/NĐ-CP.</p>
--	--	--	---

				(Giấy tờ chứng minh về trụ sở mới trong trường hợp thay đổi trụ sở của Văn phòng công chứng là một trong những loại giấy tờ được quy định tại Điều 118 Luật nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở).
1095	Hợp nhất Văn phòng công chứng	1,001688	Công chứng	<p>- Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung chủ yếu sau:  Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng được hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng hợp nhất; thời gian thực hiện hợp nhất; phương án chuyển tài sản của các Văn phòng công chứng được hợp nhất sang Văn phòng công chứng hợp nhất; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng hợp nhất; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng công chứng được hợp nhất và các nội dung khác có liên quan.  Mỗi Văn phòng công chứng hợp nhất cử một công chứng viên hợp danh làm đại diện để ký kết hợp đồng hợp nhất;</p> <p>- Kế khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất;</p> <p>- Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất;</p> <p>- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất;</p> <p>- Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất.</p>



1096	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	2,000766	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng;</li> <li>- Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng (là một trong những loại giấy tờ được quy định tại Điều 118 Luật nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở);</li> <li>- Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên.</li> </ul>	
1097	Sáp nhập Văn phòng công chứng	1,001665	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng sáp nhập Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; thời gian thực hiện sáp nhập; phương án chuyển tài sản của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập sang Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập và các nội dung khác có liên quan;</li> <li>- kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng tính đến ngày đề nghị sáp nhập;</li> <li>- Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng;</li> <li>- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng;</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng.</li> </ul>	
1098	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	2,000758	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt</li> </ul>	

	của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập			<p>động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập (là một trong những loại giấy tờ được quy định tại Điều 118 Luật nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở);</li> <li>- Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên đang hành nghề tại các Văn phòng công chứng bị sáp nhập.</li> </ul>
1099	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	1,001647	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng, trong đó có nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở, danh sách công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; tên, số Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giá chuyển nhượng, việc thanh toán tiền và bàn giao Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác có liên quan.</li> <li>Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng phải có chữ ký của công chứng viên hợp danh đại diện cho các công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng, các công chứng viên nhận chuyển nhượng và phải được công chứng;</li> <li>- Văn bản cam kết của các công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ yêu cầu công chứng đang thực hiện và hồ sơ đang được lưu trữ tại Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên đối với công chứng viên nhận chuyển nhượng dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng;</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;</li> <li>- Kế khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.</li> </ul>	
1100	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	2,000743	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Văn phòng công chứng</li> <li>- Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng (là một trong những loại giấy tờ được quy định tại Điều 118 Luật nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở).</li> <li>- Hồ đăng ký hành nghề của các công chứng viên.</li> </ul>	
1101	Thành lập Hội Công chứng viên	1,003118	Công chứng	Đề án thành lập Hội Công chứng viên	
1102	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	200427-0020	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm</li> </ul>	

				việc. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	
1103	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	1,008913	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập Trung tâm;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm</li> </ul>	
1104	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	2,002047	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực.</li> <li>- Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động.</li> </ul>	
1105	Đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	2,001716	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</li> <li>- Quyết định thành lập chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.</li> </ul>	
1106	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1,008914	Hòa giải thương mại	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
1107	Châm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp tự châm dứt hoạt động	2,000515	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại;</li> <li>- Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ,</li> </ul>	

				nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận của Trung tâm hòa giải thương mại.	
1108	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	1,008915	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập chi nhánh;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.</li> </ul>	
1109	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2,000425	Hòa giải thương mại	Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động.	
1110	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài		Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh;</li> <li>- Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận.</li> </ul>	
1111	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	1,008925	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Thừa phát lại hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại hoặc quyết định công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát</li> </ul>	

				lại ở nước ngoài để đối chiếu.	
1112	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	1,008926	Thừa phát lại	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.	
1113	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho Thừa phát lại	1,008927	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu; - 01 ảnh chân dung của Thừa phát lại cỡ 2 cm x 3 cm chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ.	
1114	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	1,008928	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - 01 ảnh chân dung của Thừa phát lại cỡ 2 cm x 3 cm chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ; - Bản chính Thẻ Thừa phát lại trong trường hợp Thẻ bị hỏng.	
1115	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	1,008929	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản thuyết minh về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu.	
1116	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1,008930	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại để đối chiếu; - Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 của Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ;	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ đăng ký hành nghề của Thừa phát lại cụ thể;</li> <li>+ Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>+ Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu;</li> <li>+ 01 ảnh chân dung của Thừa phát lại cỡ 2 cm x 3 cm chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ.</li> </ul>	
1117	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	1,008931	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh việc thay đổi;</li> <li>- Bản chính Giấy đăng ký hoạt động.</li> </ul>	
1118	Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại	1,008932	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị chuyển đổi theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Bản thuyết minh về việc chuyển đổi loại hình hoạt động, trong đó nêu rõ phương án chuyển đổi, tình hình tổ chức và hoạt động của Văn phòng tính đến ngày đề nghị chuyển đổi, dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, các điều kiện vật chất;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu;</li> <li>- Bản chính Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.</li> </ul>	
1119	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1,008933	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định cho phép chuyển đổi để đối chiếu</li> <li>- Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm</li> </ul>	

				<p>hoạt động của Văn phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</p>
1120	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1,008934	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị hợp nhất, Giấy đề nghị sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập trong đó có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp nhập; thời gian thực hiện hợp nhất, sáp nhập; phương án xử lý tài sản, sử dụng lao động của các Văn phòng; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng và các nội dung khác có liên quan;</li> <li>- Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng tính đến ngày đề nghị hợp nhất, sáp nhập;</li> <li>- Biên bản kiểm kê các hồ sơ nghiệp vụ và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng bị hợp nhất;</li> <li>- Danh sách Thừa phát lại hợp danh và Thừa phát lại làm việc theo chế độ hợp đồng (nếu có) tại các Văn phòng;</li> <li>- Bản chính Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng.</li> </ul>
1121	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1,008935	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động, giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định cho phép hợp nhất, Quyết định cho phép sáp nhập;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại;</li> </ul>



				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của các Thừa phát lại đang hành nghề tại Văn phòng Thừa phát lại để đối chiếu.</li> </ul>	
1122	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1,008936	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng có công chứng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Biên bản kiểm kê hồ sơ nghiệp vụ của Văn phòng được chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại của các Thừa phát lại nhận chuyển nhượng để đối chiếu;</li> <li>- Bản chính Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng;</li> <li>- Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng được chuyển nhượng;</li> <li>- Văn bản cam kết nội dung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.</li> </ul>	
1123	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1,008937	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định cho phép chuyển nhượng;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với việc chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng (trong trường hợp thay đổi trụ sở);</li> </ul>	

				- Hồ sơ đăng ký hành nghề của các Thừa phát lại theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.	
1124	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	2,000970	Trợ giúp pháp lý	Không có	
1125	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2,000596	Trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-01); - Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-02); - Bản sao thẻ luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật.	
1126	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1,001233	Trợ giúp pháp lý	Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP; Bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp. Trong trường hợp nộp bằng hình thức trực tuyến thì tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý gửi bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp qua đường bưu điện.	
1127	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2,000954	Trợ giúp pháp lý	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-05).	
1128	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2,000840	Trợ giúp pháp lý	Văn bản thông báo chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý Bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp. Trong trường hợp nộp bằng hình thức trực tuyến thì tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý gửi bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp qua đường bưu điện.	
1129	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2,000635	Hộ tịch	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm	

				<p>quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> </ul>	
1130	Xác nhận thông tin hộ tịch	2,002516	Hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</li> <li>- Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu;</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch;</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> </ul>	
1131	Nhập quốc tịch Việt Nam	2,002039	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ</li> </ul>	

			<p>khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</li> </ul> <p>Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP.</p> <p>Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của</p>
--	--	--	---

			<p>Sở Tư pháp và Sở Giáo dục đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản.</p> <p>Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú);</li> <li>- Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam).</li> <li>- Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</li> <li>- Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</li> <li>- Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Những người được miễn một số điều kiện nhập</li> </ul>
--	--	--	--

			<p>quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;</li> <li>+ Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con;</li> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành.</li> <li>+ Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam).</li> </ul> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời</p>
--	--	--	--

				<p>xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng;</li> <li>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li> </ul> <p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</li> <li>- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</li> </ul>
--	--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</li> </ul>	
1132	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2,002036	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật quốc tịch năm 2008 như Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</li> <li>- Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định việc cấp giấy này. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt</li> </ul>	



			<p>Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;</li> <li>- Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</li> <li>- Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</li> <li>- Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</li> <li>- Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</li> </ul> <p>* Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu</p>
--	--	--	--

				<p>chính thì các giấy tờ là bản sao từ bản chính phải được chứng thực.</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>	
1133	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2,002038		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;</li> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc</li> </ul>	

			<p>tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (Các giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao Giấy khai sinh; bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó);</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;</li> <li>+ Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con;</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ</li> </ul> </li> </ul>
--	--	--	---

			<p>nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam;</p> <p>.+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.</p> <p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.</p> <p>- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai</p>
--	--	--	---

			<p>sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</p> <p>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam,</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng.</li> <li>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>* Lưu ý</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>
1134	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1,005136	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch</li> <li>+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, kèm 02 ảnh 4x6;</li> <li>+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> <li>+ Bản sao giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch</li> </ul>

			<p>tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó.</p> <p>- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, kèm 02 ảnh 4x6;</li> <li>+ Bản khai lý lịch;</li> <li>+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> <li>+ Một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ</li> </ul>
--	--	--	---

				<p>khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam.</p> <p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</li> <li>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ là bản sao từ bản chính phải được chứng thực.</li> </ul>
1135	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	2,001895	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam, kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 06 tháng;</li> <li>- Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam.</li> </ul>



				<p>Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.</p> <p>* Lưu ý: Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>	
1136	Giải quyết người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1,003160	Nuôi con nuôi	<p>Hồ sơ của người nhận con nuôi :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc</p>	

			<p>thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trừ trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).</li> </ul> <p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</li> </ul> <p>* Lưu ý:</p>
--	--	--	---

				<p>Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi/người được giới thiệu làm con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p>
1137	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	1,003179	Nuôi con nuôi	<p>Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng)</p>
1138	Thủ tục cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2,002349	Nuôi con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc</p>

				<p>thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp;</li> <li>- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng.</li> </ul> <p>Lưu ý:  Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã lập Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p>
1139	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	1,003176	Nuôi con nuôi	<p>* Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh);</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt</li> </ul>

			<p>Nam;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.  + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Vụ Con nuôi (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm).</li> </ul> <p>Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>*) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</li> <li>*) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.</li> </ul> <p>* Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> </ul>
--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng;</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.</li> </ul>
1140	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi	1,003178	Nuôi con nuôi	<p>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh);</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt</li> </ul>

			<p>Nam;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.  + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <p>- Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm:</p> <p>+) Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dưỡng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi.  +) Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.</p> <p>Lưu ý Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p> <p>*) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>*) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> </ul>
--	--	--	---

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên;</li> <li>- Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó : Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.</li> </ul>
1141	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	2,000488	Lý lịch tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký LLTP theo mẫu (nhập Biểu mẫu trên hệ thống trực tuyến theo quy định hoặc đính kèm tờ khai đã ký số hoặc bản scan, bản chụp).</li> <li>- Bản chụp Thẻ căn cước công dân và bản chụp Xác nhận về thông tin cư trú/trường hợp các thông tin này đã được xác thực và cung cấp bởi cơ sở dữ</li> </ul>



				<p>liệu quốc gia về dân cư thì không phải tải lên.</p> <p>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ). Văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.</p> <p>- Bản chụp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1).</p> <p>* Lưu ý: Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký LLTP trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p>	
1142	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội yêu cầu (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	2,001410	Lý lịch tư pháp	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức '	
1143	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	2,000505	Lý lịch tư pháp	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng	
1144	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường		Bồi thường nhà nước	Yêu cầu xác định cơ quan giải quyết bồi thường của người yêu cầu bồi thường hoặc hồ sơ do các cơ quan không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường chuyển sang khi có một trong các căn	

				<p>cứ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường thì khi có một trong các căn cứ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không có sự thống nhất về cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan trong phạm vi quản lý của địa phương mình cùng gây thiệt hại;</li> <li>+ Cơ quan nhà nước ở địa phương bị giải thể theo quyết định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường khi người yêu cầu bồi thường chưa xác định ngay được cơ quan giải quyết bồi thường thì người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017.</li> </ul>	
1145	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		Bồi thường nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp yêu cầu bồi thường thì hồ sơ yêu cầu bồi thường (sau đây gọi là hồ sơ) bao gồm: Văn bản yêu cầu bồi thường; Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại; Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).</li> <li>- Trường hợp người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (nếu có nhiều người thừa kế thì những người thừa kế đó phải cử ra một người đại diện) hoặc là người đại diện của người bị thiệt hại thì ngoài các tài liệu quy định tại các điểm a, b và d</li> </ul>	

				<p>khoản 1 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017, hồ sơ còn phải có các tài liệu sau đây: Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại; Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền; Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu bồi thường trực tiếp nộp hồ sơ thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao nhưng phải có bản chính để đối chiếu; trường hợp người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực.</p>	
1146	Phục hồi danh dự		Bồi thường nhà nước	<p>* Chủ động phục hồi danh dự</p> <p>- Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP);</p> <p>- Biên bản trả lời thông báo tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 18/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP).</p> <p>Trường hợp cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã Thông báo nhưng người bị thiệt hại chưa đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự mà yêu cầu sau thì thành phần hồ sơ gồm: Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP); Ý kiến của người bị thiệt hại đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự; Văn bản đề nghị phục hồi danh dự.</p>	

				* Phục hồi danh dự theo yêu cầu của người bị thiệt hại Văn bản yêu cầu bồi thường (mẫu 01/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP).	
1147	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2,000815	Chứng thực	Đối chiếu trực tiếp bản chính và thực hiện chứng thực bản sao nên không thực hiện số hóa thành phần hồ sơ.	
1148	Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2,000884	Chứng thực	- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng. - Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu sẽ ký/điểm chỉ vào đó.	
1149	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2,000843	Chứng thực	Đối chiếu trực tiếp bản chính và thực hiện chứng thực bản sao nên không thực hiện số hóa thành phần hồ sơ.	
1150	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	2,000587	Trợ giúp pháp lý	Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý (Mẫu TP-TGPL-10) ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý (Mẫu TP-TGPL-10). Bản sao bằng cử nhân luật; bằng đại học khác hoặc bằng trung cấp luật;	

				Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc của cơ quan nơi người đề nghị làm công tác viên làm việc.
1151	Thủ tục cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	2,000518	Trợ giúp pháp lý	Đơn đề nghị cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu (Mẫu TP-TGPL-11), ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; Quyết định cấp lại Thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý ((Mẫu TP-TGPL-12) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý
1152	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2,000840		Văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý
1153				Bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp. <i>Trong trường hợp nộp bằng hình thức trực tuyến thì tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý gửi bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp qua đường bưu điện.</i>
1154	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	2,000829	Trợ giúp pháp lý	<i>Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý (Mẫu số 02-TPTGPL) theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định</i>

				<p>chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý ;</p>
1155				<p>- Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp; khoản 13, Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, cụ thể:</p> <p>1. Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:</p> <p>a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;</p> <p>b) Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;</p>

			<p>c) Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;</p> <p>d) Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;</p> <p>đ) Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;</p> <p>e) Kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công đối với người có công giúp đỡ cách mạng, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng”.</p> <p>2. Giấy tờ chứng minh người thuộc hộ nghèo là giấy chứng nhận hộ nghèo.</p> <p>3. Giấy tờ chứng minh là trẻ em gồm một trong các giấy tờ:</p> <p>a) Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu;</p> <p>b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em;</p> <p>c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em.</p> <p>4. Giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm một trong các giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên là người dân tộc thiểu số và</p>
--	--	--	--

			<p>         nơi cư trú của người đó;          b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó.          5. Giấy tờ chứng minh người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.          6. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo gồm các giấy tờ sau:          a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo;          b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội.          7. Giấy tờ chứng minh là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:          a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;          b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp tiền tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ hoặc Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ, Bằng tổ quốc ghi công có tên liệt sỹ kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sỹ.          8. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:          a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại       </p>
--	--	--	---



			<p>nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;</p> <p>b) Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hoặc Giấy chứng nhận bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học.</p> <p>9. Giấy tờ chứng minh là người cao tuổi có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:</p> <p>a) Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;</p> <p>b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi.</p> <p>10. Giấy tờ chứng minh là người khuyết tật có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>b) Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội.</p> <p>11. Giấy tờ chứng minh là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;</p> <p>b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là bị hại và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.</p> <p>12. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính gồm một</p>
--	--	--	--

			<p>trong các loại giấy tờ sau:</p> <p>a) Quyết định tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình vào nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;</p> <p>b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra; Quyết định cấm người gây bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình; Quyết định xử lý vi phạm hành chính với người có hành vi bạo lực gia đình.</p> <p>13. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;</p> <p>b) Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân theo quy định tại Điều 28 Luật Phòng, chống mua bán người.</p> <p>14. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;</p> <p>b) Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người nhiễm HIV.</p> <p>15. Các loại giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.</p> <p>Trong trường hợp những người thuộc diện được</p>
--	--	--	--

				<p>trợ giúp pháp lý bị thất lạc các giấy tờ nêu trên thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó.</p> <p>Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc TGPL</p> <p>Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý (Mẫu số 05-TP-TGPL) theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý).</p> <p>Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đã yêu cầu TGPL</p>	
1156	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	2,001680	Trợ giúp pháp lý		
1157	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	2,001687	Trợ giúp pháp lý	<p><i>Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý (Mẫu 04 – TP- TGPL) ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.</i></p> <p>Các giấy tờ tài liệu chứng minh phải thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý theo Điều 25</p>	

				Luật TGPL.	
1158	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	2,000592	Trợ giúp pháp lý	<i>Đơn khiếu nại (mẫu số 03-TP-TGPL) mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.</i>	
<b>XVIII. Thủ tục hành chính do Sở Xây dựng quản lý</b>					
1159	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1.006871	<b>Lĩnh vực Vật liệu xây dựng</b>	Bản công bố hợp quy theo Mẫu 02. CBHC/HQ, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012	
1160	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1.009928	<b>Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>	Đơn đề nghị cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	
1161	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1.009936		Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.	
1162					
1163	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	1.009982		Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	
1164	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	1.009983		Đơn đề nghị cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ	
1165	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	1.009984		Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ	

1166				Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn nhưng bị hư hỏng. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại	
1167	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	1.009985		Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn nhưng bị ghi sai thông tin. Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	
1168	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1.009986		Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	
1169	Cấp chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài	1.009987		Đơn đề nghị cấp chuyên đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 3 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	
1170	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	1.009988		Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình). Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản kê khai và tự xác định hạng chứng chỉ theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được	

				<p>cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng I, hạng II).</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức thi công xây dựng hạng I, hạng II).</p>
1171	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	1.009989		<p>Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p>
1172	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	1.009990		<p>Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp.</p>
1173	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1.009991		<p>Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021</p>

				<p>của Chính phủ.</p> <p>Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 87 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p>
1174	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	1.009980		<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 1 (đối với tổ chức) hoặc Mẫu số 4 (đối với cá nhân) Phụ lục số III Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp và phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu).</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ</p>

				<p>chào thầu) (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của dự án/công trình</p> <p>Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).</p>
1175	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	1.009981		<p>Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 8 Phụ lục số III Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là thầu phụ)</p>
1176	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	1.009972		<p>Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p>
1177	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	1.009973		<p>Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> <p>Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).</p>
1178	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo	1.009974		<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn</p>



<p>tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>			<p>đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”); thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau:          Đối với công trình không theo tuyến:- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.          (*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao</p>
---	--	--	--

			<p>điện tử)</p> <p>Đối với công trình theo tuyến:- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản</p>
--	--	--	--

			<p>chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo: - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục “(1.1) Đối với công trình không theo tuyên” và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm các tài liệu như quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ gồm: + Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. + 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; Đối với công trình xây dựng có công trình liên kết phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kết. - Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; - Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy</p>
--	--	--	--

			<p>phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công</p>
--	--	--	--

			<p>trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến</p>
--	--	--	--

				<p>trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>
1179	<p>Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	1.009975		<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.</p> <p>Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình theo quy định tại Điều 43 hoặc Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế</p>

				trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử
1180	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.009976		<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến.</p> <p>Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p> <p>Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p>
1181	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo	1.009977		<p>Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;</p> <p>- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-</p>

	tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).			<p>CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> <p>-Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200</p> <p>-Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p>	
1182	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1.009978		<p>-Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> <p>-Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát</p>	
1183	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự	1.009979		<p>Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.</p>	



	án).			
1184	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	1.009788	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình
1185	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791		Báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng.
1186	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1.009794		- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP * (Số hóa kết quả: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng).
1187	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675	<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>	Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp (theo mẫu số 01 kèm theo Quyết định này).
1188	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116		Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD.
1189	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	1.007765	<b>Lĩnh vực Nhà ở</b>	Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên - Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)
1190	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	1.006876		Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban

				hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD Đơn đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD	
1191	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	1.007763		Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ; Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở	
1192	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	1.006873		Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư theo mẫu hướng dẫn tham khảo quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD	
1193	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1.007750		Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua.	
1194	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư).	1.010009		Văn bản đề nghị của nhà đầu tư (trong đó ghi rõ tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất, dự kiến tiến độ thực hiện dự án).	
1195	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	1.002625	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản	Chứng chỉ cũ đã cấp Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh	

1196	Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.002572		Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi
1197	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	1.010746		Đơn đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư; Báo cáo quá trình thực hiện dự án bất động sản của chủ đầu tư tính đến thời điểm chuyển nhượng. Hồ sơ của bên nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản bao gồm: - Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án.
1198	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	1.010747		Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án
1199	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	1.002701	Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc	Thuyết minh nội dung nhiệm vụ Các bản vẽ in màu thu nhỏ Tờ trình đề nghị thẩm định;
1200	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.003011		Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án. Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ. Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định
1201	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	1.008432		Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin).
1202	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008891		Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết

				một số điều của Luật Kiến trúc;	
1203	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	1.008990		Bản gốc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp. Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 03 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
1204	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	1.008989		Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 03 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
1205	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008991		Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
1206	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008992		Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu số 04 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
1207	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008993		Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu số 04 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
1208	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	1.011705	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	
1209	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai	1.011708		Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	

	thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)				
1210	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	1.011710			Đơn đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.
1211	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011711			Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.